



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Chuyên nghiệp - Khách quan - Công bằng - Hiệu quả

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2018 –2023)**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2023



DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TRƯỞNG ĐOÀN 	PGS.TS. TRẦN THỊ HỒNG Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
THÀNH VIÊN THƯ KÝ 	ThS. HOÀNG THỌ PHÚ Trưởng phòng, Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM
THÀNH VIÊN 	TS. NGUYỄN THỊ MINH HỒNG Chủ tịch Hội đồng trường, Trường ĐH Sư phạm TP.HCM
THÀNH VIÊN 	PGS.TS. NGÔ ĐẠI NGHIỆP Trưởng phòng, Phòng Quan hệ đối ngoại, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM
THÀNH VIÊN 	PGS.TS. DƯƠNG THỊ KIM OANH Phó Viện trưởng, Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
THÀNH VIÊN 	TS. NGUYỄN DUY MỘNG HÀ Nguyên Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM
GIÁM SÁT 	PGS. TS. LÊ NGỌC QUỲNH LAM Giám đốc, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG – HCM

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	1
PHẦN I TỔNG QUAN.....	1
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	2
PHẦN II ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	16
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	16
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	20
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	24
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	27
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	31
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	34
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	40
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	47
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	51
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	58
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	63
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng.....	69
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học.....	74
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	79
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	84
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	90
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	96
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học.....	100
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ.	103
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	106
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	109
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo.....	112
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	118
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng.....	124

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường.....	128
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	131
PHỤ LỤC I.....	1
PHỤ LỤC II	1
PHỤ LỤC III.....	1
PHỤ LỤC IV	1
PHỤ LỤC V	1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung
1.	BDCL	Bảo đảm chất lượng
2.	BGH	Ban Giám hiệu
3.	BLQ	Bên liên quan
4.	CB	Cán bộ
5.	CĐR	Chuẩn đầu ra
6.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
7.	CLPT	Chiến lược phát triển
8.	CNTT	Công nghệ thông tin
9.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10.	CSGD	Cơ sở giáo dục
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CTDH	Chương trình dạy học
13.	CTĐT	Chương trình đào tạo
14.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
15.	ĐCHP	Đề cương học phần
16.	ĐGN	Đánh giá ngoài
17.	ĐH	Đại học
18.	ĐT	Đào tạo
19.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
20.	GTCL	Giá trị cốt lõi
21.	GV	Giảng viên
22.	HĐT	Hội đồng trường
23.	HP	Học phần
24.	HTQT	Hợp tác quốc tế
25.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
27.	KHCN	Khoa học công nghệ

28.	KQHT	Kết quả học tập
29.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
30.	MC	Minh chứng
31.	MTCL	Mục tiêu chiến lược
32.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
33.	NH	Người học
34.	NTD	Nhà tuyển dụng
35.	NV	Nhân viên
36.	PPDH	Phương pháp dạy học
37.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
38.	QLKH	Quản lý khoa học
39.	SM	Sứ mạng
40.	SV	Sinh viên
41.	SHTT	Sở hữu trí tuệ
42.	TĐG	Tự đánh giá
43.	TLGD	Triết lý giáo dục
44.	TN	Tầm nhìn
45.	Trường	Trường Đại học Bạc Liêu
46.	TSTT	Tài sản trí tuệ
47.	TT.KĐCLGD, ĐHQG-HCM	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN I

TỔNG QUAN

1. Giới thiệu chung

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) được thành lập theo Quyết định số 135/QĐ–TTKĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (TT.KĐCLGD, ĐHQG–HCM) để đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Bạc Liêu (Trường) giai đoạn 2018–2023. Đoàn gồm 06 thành viên, 01 giám sát và 01 thư ký chuyên môn.

Báo cáo ĐGN trình bày quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Trường. Báo cáo ĐGN cũng bao gồm các Phụ lục như sau: Phụ lục I là phần giới thiệu tóm tắt về Trường; Phụ lục II là phần tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) của Trường; Phụ lục III là Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và Quyết định điều chỉnh thành viên đoàn ĐGN, giám sát viên; Phụ lục IV là lịch trình ĐGN; Phụ lục V là Công văn phản hồi của Trường về Dự thảo báo cáo ĐGN.

Các nhận định, kết luận và đánh giá trong báo cáo này căn cứ trên các thông tin, minh chứng (MC) và dữ liệu tính đến thời điểm tháng 10/2023. Báo cáo ĐGN ghi nhận kết quả đánh giá của đoàn ĐGN qua các hoạt động của Trường giai đoạn 2018–2023 theo 25 tiêu chuẩn (111 tiêu chí) do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN đã thực hiện nghiên cứu hồ sơ TĐG, MC của Trường.

Ngày 21/9/2023, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát sơ bộ Trường. Các nội dung làm việc giữa đại diện Đoàn ĐGN và đại diện lãnh đạo Trường trong đợt khảo sát sơ bộ bao gồm:

- Nghiên cứu Hồ sơ TĐG, MC.
- Nhận xét sơ bộ thực trạng khảo sát hồ sơ MC.

- Khảo sát sơ bộ cơ sở vật chất (CSVCh) phục vụ cho đợt khảo sát chính thức.
- Gặp gỡ đại diện Trường, giới thiệu thành phần Đoàn ĐGN, mục tiêu và kế hoạch khảo sát sơ bộ.
- Thống nhất chương trình khảo sát chính thức.
- Ký biên bản ghi nhớ sau khảo sát sơ bộ.

Từ ngày 10–14/10/2023, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường với các hoạt động sau đây:

- Lắng nghe Hiệu trưởng và Hội đồng TĐG giới thiệu tóm tắt về Trường và quá trình TĐG.
- Gặp gỡ và phỏng vấn các đối tượng liên quan gồm: Ban Giám hiệu (BGH); đại diện Đảng ủy Trường; Hội đồng TĐG; lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (SV); lãnh đạo các phòng chức năng, trung tâm, thư viện; lãnh đạo các khoa trực thuộc Trường, giảng viên (GV), đội ngũ nhân viên (NV) hỗ trợ, nhà tuyển dụng (NTD), người học (NH) và cựu NH.
- Tham quan một số CSVCh của Trường gồm văn phòng các khoa, phòng chức năng, trung tâm, phòng học, thư viện, giảng đường, phòng thực hành...
- Họp với lãnh đạo Trường và Hội đồng TĐG để thông báo sơ bộ kết quả khảo sát chính thức.
- Ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát giữa Trường đoàn và đại diện lãnh đạo Trường.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Tóm tắt những mặt mạnh của cơ sở giáo dục

- **Tiêu chuẩn 1** (Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa): Trường công bố tầm nhìn (TN), sứ mạng (SM), hệ giá trị cốt lõi (GTCL) trong chiến lược phát triển (CLPT) Trường giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2021-2025, TN 2030. Nội dung TN, SM phù hợp với chức năng nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát

triển của Trường, phù hợp với CLPT kinh tế xã hội của Bán đảo Cà Mau và quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long. Trường ban hành hệ thống nhận diện thương hiệu, chính sách chất lượng; tổ chức truyền thông, phổ biến về TN, SM, hệ GTCL đến các bên liên quan (BLQ) thông qua các hình thức khác nhau.

- **Tiêu chuẩn 2** (Quản trị): Trường đã thành lập Hội đồng trường (HĐT) đáp ứng các quy định hiện hành. HĐT xây dựng, ban hành quy chế làm việc, thực hiện chức năng giám sát, trách nhiệm giải trình. Các tổ chức, các Hội đồng tư vấn có quy chế làm việc, có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng. Các nghị quyết của Đảng ủy, HĐT về CLPT Trường, phát triển đội ngũ, phát triển ĐT, KHCN, ĐBCL được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động.

- **Tiêu chuẩn 3** (Lãnh đạo và quản lý): Các đơn vị/bộ phận được quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động, có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí nhân sự. Đội ngũ nhân sự lãnh đạo và quản lý của Trường được định kỳ đánh giá, xếp loại hằng năm. Quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo kế hoạch. Viên chức quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển theo quy định.

- **Tiêu chuẩn 4** (Quản trị chiến lược): CLPT Trường giai đoạn 2021-2025 TN 2030 được HĐT phê duyệt với các nội dung chiến lược theo nhóm và từng lĩnh vực cụ thể trong đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Trường xây dựng và ban hành các đề án, kế hoạch thực hiện CLPT trong các lĩnh vực quản trị, đội ngũ và tổ chức bộ máy, CSVC, tài chính, bảo đảm chất lượng (BĐCL), ĐT, NCKH, công khai cho các BLQ thông qua hệ thống văn bản của Trường để thực hiện.

- **Tiêu chuẩn 5** (Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng): Công tác xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được các phòng chức năng xây dựng theo phân công, giao nhiệm vụ từ HĐT và Hiệu trưởng. Nội dung các chính sách phù hợp với các chủ trương quy định

chung, đáp ứng SM và mục tiêu chiến lược (MTCL) của Trường. Việc thực hiện các chính sách thường xuyên được kiểm tra, giám sát, rà soát và cải tiến, góp phần tăng hiệu quả hoạt động của Trường.

- **Tiêu chuẩn 6** (Quản lý nguồn nhân lực): Trường có “Đề án vị trí việc làm”, có văn bản hướng dẫn xây dựng, quy hoạch, rà soát, bổ sung nhu cầu về nguồn nhân lực, với đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, các tiêu chuẩn năng lực của các nhóm viên chức – người lao động để đáp ứng mục tiêu CLPT Trường. Trường đã thực hiện một số cải tiến nhằm hỗ trợ ĐT, thúc đẩy hoạt động NCKH, cải tiến đối với quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, điều chỉnh định mức đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực được thường xuyên điều chỉnh để phù hợp tình hình thực tế, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ.

- **Tiêu chuẩn 7** (Quản lý tài chính và cơ sở vật chất): Trường có các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước và được công khai tại Hội nghị cán bộ (CB) viên chức hằng năm, được giám sát, đánh giá bởi các đơn vị chức năng. Trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm về đầu tư, bổ sung trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), tài nguyên học liệu, xây dựng, sửa chữa, cải tạo CSVC. Trường đã xây dựng nhiều đề án, kế hoạch đầu tư thiết bị, CSVC cố gắng tạo môi trường học tập cho NH.

- **Tiêu chuẩn 8** (Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại): Trường tổ chức hoạt động đối ngoại theo Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT), Quy chế ĐT, Quy chế hoạt động kết nối và PVCD, dựa vào các quy định, hướng dẫn về quản lý hoạt động đối ngoại theo các văn bản Nhà nước. Trường đã thiết lập hợp tác với nhiều viện, trường, địa phương, doanh nghiệp và một số tổ chức quốc tế. Các hoạt động hợp tác của Trường được tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể. Trường có thực hiện khảo sát, rà soát, đánh giá kết quả các văn bản thỏa thuận đã ký với các đối tác

trong và ngoài nước để đánh giá tính hiệu quả, tiềm năng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác.

- **Tiêu chuẩn 9** (Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong): Trường thiết lập và vận hành mạng lưới các tổ đảm bảo chất lượng (ĐBCL) ở tất cả các đơn vị, xây dựng và cập nhật hệ thống các quy định, quy trình, chính sách, hướng dẫn về ĐBCL, tổ chức và cử nhiều lượt nhân sự tham dự các khóa/đợt đào tạo bồi dưỡng về ĐBCL và kiểm định chất lượng (KĐCL). Trường triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động ĐBCL, khảo sát ý kiến các BLQ đều đặn theo kế hoạch, đặc biệt là tổng kết hoạt động ĐBCL giai đoạn 2019-2021 thông qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, hội nghị tổng kết về công tác ĐBCL.

- **Tiêu chuẩn 10** (Tự đánh giá và đánh giá ngoài): Trường triển khai kế hoạch TĐG cơ sở giáo dục (CSGD) và chương trình đào tạo (CTĐT) ở tất cả các khoa trong toàn Trường theo các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, huy động sự tham gia tích cực của các tổ ĐBCL và Hội đồng ĐBCL trong quá trình TĐG và ĐGN; phân tích các điểm mạnh, tồn tại, lập kế hoạch hành động. Trường đang triển khai ĐGN CSGD và đã xây dựng lộ trình ĐGN CTĐT trong Đề án KĐCL giáo dục giai đoạn 2023-2027. Các CB trong Hội đồng TĐG của Trường đều đã tham dự tập huấn về ĐBCL, KĐCL.

- **Tiêu chuẩn 11** (Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong): Đơn vị quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường gồm Tổ ĐBCL cấp trường, Trung tâm quản lý hệ thống thông tin và Thư viện triển khai xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) khảo sát ý kiến các BLQ, dữ liệu thống kê, thông tin dữ liệu phục vụ ba công khai theo quy định. Trường nâng cấp và bổ sung một số phân hệ quản lý thông tin trong hoạt động ĐT.

- **Tiêu chuẩn 12** (Nâng cao chất lượng): Trường thực hiện các kế hoạch nâng cao chất lượng trong giai đoạn 2019-2021, có xây dựng Quy định đối sánh so chuẩn với các quy trình, biểu mẫu thu thập thông tin đối sánh hỗ trợ cải tiến các hoạt động của Trường. Trường thực hiện đối sánh chất lượng giữa 04 khoa trực thuộc Trường về đội ngũ, hoạt động và kết quả ĐT, NCKH và PVCD, đối

sánh một số nội dung với Trường Đại học (ĐH) Tiền Giang trong năm 2022.

- **Tiêu chuẩn 13** (Tuyển sinh và nhập học): Trường có xây dựng và ban hành đề án Đổi mới công tác tuyển sinh giai đoạn 2021-2025 để định hướng cho hoạt động tuyển sinh của Trường. Chính sách tuyển sinh hằng năm được xây dựng cho từng ngành; đề án tuyển sinh xác định các phương thức tuyển sinh phù hợp với từng ngành ĐT của Trường. Các phương thức tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển được truyền thông đầy đủ đến các BLQ. Trong giai đoạn đánh giá, công tác tuyển sinh của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với các ngành đào tạo. Công tác nhập học được cải tiến theo hướng thuận lợi cho NH.

- **Tiêu chuẩn 14** (Thiết kế và rà soát chương trình dạy học): Trường có các văn bản hướng dẫn việc xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học (CTDH). Các văn bản được điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và điều kiện thực tiễn của Trường, có quy định rõ trách nhiệm cho các cá nhân và đơn vị liên quan. Việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT và đề cương học phần (ĐCHP) được thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ và đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường ĐH trong nước. ĐCHP được phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức đa dạng; các hoạt động dạy học được thiết kế và thực hiện hướng tới đáp ứng CDR của học phần (HP) và CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 15** (Giảng dạy và học tập): TLGD của Trường được ban hành vào năm 2022. Trường có các chính sách thu hút và phát triển đội ngũ GV. Môi trường học tập đa dạng, các hoạt động dạy và học hướng tới việc thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm ở trong và ngoài không gian lớp học, gắn kết lý thuyết với thực hành, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp và cộng đồng. CTĐT, CDR, ĐCHP được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần theo hướng tăng tỷ lệ các HP tự chọn, thời lượng thực hành/thực tập và bổ sung các HP phù hợp với xu hướng ngành nghề. Việc ứng dụng CNTT trong dạy và học, cải tiến CSVC cho các hoạt động dạy và học, thực hành, thực tập được tăng cường.

- **Tiêu chuẩn 16** (Đánh giá người học): Trường có các quy định, hướng

dẫn, kế hoạch đánh giá NH rõ ràng và thông báo đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau. Trường áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) kết quả học tập (KQHT) của NH trong đánh giá quá trình và cuối kỳ; các phương pháp KTĐG hướng tới việc đo lường CDR của HP. Công tác rà soát phương pháp KTĐG KQHT, khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động KTĐG KQHT được thực hiện thường xuyên. Không có tình trạng NH khiếu nại về hoạt động KTĐG KQHT, tỷ lệ NH phúc khảo điểm thi kết thúc HP thấp, tỷ lệ NH hài lòng về hoạt động KTĐG KQHT cao.

- **Tiêu chuẩn 17** (Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học): Trường có hệ thống quy định, quy trình triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; có hệ thống giám sát NH bằng nhiều hình thức khác nhau. Triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; được NH và cựu NH đánh giá cao. Đội ngũ GV tâm huyết, tạo động lực cho NH. Kế hoạch năm học, kế hoạch BDCL hằng năm của Trường đều có nội dung cụ thể về giám sát và nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH.

- **Tiêu chuẩn 18** (Quản lý nghiên cứu khoa học): Trường đã xây dựng cổng thông tin điện tử NCKH-HTQT cùng với việc ban hành quy chế hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) để giám sát, điều hành rà soát, triển khai các hoạt động KHCN của toàn Trường. Trường có các văn bản quy định về chính sách, cơ chế quản lý, nhiệm vụ của CB, GV về KHCN. Trường có xây dựng các chỉ số đánh giá về số lượng và chất lượng KHCN của các đơn vị Khoa/Bộ môn và giao nhiệm vụ cho GV. Trường đã triển khai hoạt động hợp tác KHCN với đối tác trong nước, quốc tế. Trường có thống kê các số liệu về chỉ tiêu KHCN thông qua Phòng Quản lý khoa học (QLKH)&HTQT cho thấy tổng số bài báo và tỷ lệ bài báo/GV tăng qua các năm.

- **Tiêu chuẩn 19** (Quản lý tài sản trí tuệ): Trường có ban hành các quy chế, quy định liên quan đến bảo vệ tài sản KHCN, các sản phẩm KHCN. Trường có chính sách hỗ trợ khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ (TSTT) được xác định trong chính sách KHCN, trong quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT).

TSTT của Trường được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và được lưu trữ hồ sơ đầy đủ. Có ban hành quy định, quy trình về SHTT, bảo mật trong hoạt động KHCN.

- **Tiêu chuẩn 20** (Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học): Trường có quy định thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác trong nước, quốc tế. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, triển khai thực hiện, giám sát, tổng kết các chỉ số thực hiện theo kế hoạch chiến lược (KHCL), MTCL hằng năm. Trường có lựa chọn các đối tác cho hợp tác KHCN phù hợp, có định hướng mở rộng hợp tác với địa phương. Các hợp tác chung đã làm tăng thêm nguồn thiết bị phục vụ cho NCKH và ĐT nguồn nhân lực cho Trường. Số lượng bài báo trong nước và quốc tế tăng hằng năm, đặc biệt là số bài báo quốc tế thuộc hệ thống WoS.

- **Tiêu chuẩn 21** (Kết nối và phục vụ cộng đồng): Trường có quy định, chính sách và kế hoạch kết nối và PVCD hướng đến thực hiện TN và SM của Trường. Trường có quy định, chính sách cho GV và NH thực hiện hoạt động PVCD. Hoạt động kết nối và PVCD của Trường khá đa dạng, từ PVCD kết nối tri thức đến hoạt động tình nguyện, thiện nguyện. Trường có CSDL về các hoạt động PVCD, có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động PVCD và có tổng kết đánh giá hoạt động này.

- **Tiêu chuẩn 22** (Kết quả đào tạo): Trường có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, tỷ lệ học lại, thi lại các HP; thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các CTĐT và các năm. Trường thống kê, đánh giá tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn, trễ hạn, thôi học; phân tích nguyên nhân và thực hiện các cải tiến tương ứng. Trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp. Trường thu thập thông tin phản hồi của các BLQ và thực hiện các biện pháp khác nhau để nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 23** (Kết quả nghiên cứu khoa học): Trường có quy định cụ

thể cho GV, NH về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng KHCN. Cổng thông tin NCKH-HTQT có thông tin đa dạng và được cập nhật, có phần tiếng Anh. Phòng QLKH-HTQT phối hợp các khoa/bộ môn để theo dõi, đánh giá hoạt động NCKH của GV, NH về loại hình và KHCN đạt được để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ KHCN, đối sánh giữa các đơn vị, giữa các năm và với Trường ĐH Tiền Giang. Trường có quy định về các loại hình TSTT, có theo dõi và giám sát, có chính sách hỗ trợ GV khi đăng ký cũng như bảo hộ sản phẩm SHTT. CLPT và KHCL của Trường hằng năm có xác lập các KPIs và quy định về KHCN cụ thể trong việc chuyển giao công nghệ (CGCN).

- **Tiêu chuẩn 24** (Kết quả phục vụ cộng đồng): Trường có quy định cụ thể về loại hình các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Trường có các chương trình kết nối và PVCD có ý nghĩa tích cực; một số kết quả từ hoạt động PVCD đã tạo được tác động tốt, được các BLQ ghi nhận thông qua Bằng khen, Giấy khen các cấp. Trường có thống kê định kỳ các hoạt động PVCD trong giai đoạn đánh giá và có triển khai đánh giá GV và NH về hoạt động PVCD.

- **Tiêu chuẩn 25** (Kết quả tài chính và thị trường): Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Kết quả các chỉ số tài chính được giám sát qua báo cáo quyết toán tài chính và được công khai tại hội nghị viên chức – người lao động hằng năm. Trường có thực hiện đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài. Các phân tích liên quan kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của tổ ĐBCL được tổng hợp thành đề xuất cải tiến một số hoạt động của Trường.

3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục

- **Tiêu chuẩn 1** (Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa): Xây dựng kế hoạch, chương trình tập huấn, hướng dẫn, khuyến khích và đầu tư kinh phí để đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM, thể hiện TLGD và GTCL một cách đồng bộ. Quá trình xây dựng kế hoạch ở các đơn vị nên có sự giám sát, hỗ trợ và đánh giá hiệu quả triển khai, để các BLQ hiểu rõ mối liên hệ giữa các

nội dung về TN, SM và GTCL với các hoạt động dạy và học. Tổ chức lấy ý kiến của các BLQ ngoài Trường ở diện rộng hơn trong quá trình rà soát, chỉnh sửa bổ sung các nội dung TN, SM, GTCL, TLGD. Xây dựng quy trình riêng, định kỳ thực hiện rà soát và phát triển TN, SM, GTCL, TLGD của Trường.

- **Tiêu chuẩn 2** (Quản trị): Ban hành kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học gắn với MTCL bằng những chỉ tiêu cụ thể làm căn cứ để các đơn vị triển khai, phân công chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị thực hiện. Ban hành quy định và quy trình định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống văn bản, quy chế, quy định. Rà soát, phân tích, quản trị rủi ro để điều chỉnh kịp thời quy định, quy chế, quy trình ra quyết định, chuẩn bị, định hướng xây dựng các quy định riêng trong bối cảnh tiên tiến tự chủ tài chính theo lộ trình.

- **Tiêu chuẩn 3** (Lãnh đạo và quản lý): Nghiên cứu xây dựng quy định giám sát trong bối cảnh tự chủ ĐH, có sự tham gia của nhiều BLQ. Xây dựng kế hoạch dài hạn, kết nối với các BLQ ngoài Trường để phối hợp, có thêm nguồn lực thực hiện các MTCL, đặc biệt là các đối tác quốc tế, đối tác vùng. Bổ sung nhân sự lãnh đạo (Phó Hiệu trưởng), quản lý cấp trưởng phòng. Tiến hành đánh giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc.

- **Tiêu chuẩn 4** (Quản trị chiến lược): Xây dựng hệ thống tiếp nhận ý kiến của các BLQ để tiếp tục điều chỉnh KHCL một cách hiệu quả. Hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch để triển khai CLPT Trường, rà soát, đảm bảo kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu trong CLPT Trường. Hoàn thiện các chỉ tiêu phấn đấu chính (KPIs) ở tất cả các mảng công tác. Tổ chức sơ kết giữa kỳ kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025.

- **Tiêu chuẩn 5** (Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng): Cần có kế hoạch tổ chức tập huấn các đơn vị về việc xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực liên quan đến ĐT, NCKH và PVCD. Xây dựng quy trình và triển khai giám sát, tự giám

sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị và cá nhân trong Trường. Triển khai công tác khảo sát đầy đủ các BLQ về chính sách ĐT, NCKH và PVCD, đặc biệt là các BLQ bên ngoài (doanh nghiệp, đối tượng thụ hưởng các hoạt động PVCD).

- **Tiêu chuẩn 6** (Quản lý nguồn nhân lực): Cần chú trọng đến việc ĐT, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho vị trí mà viên chức đang phụ trách. Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho đội ngũ NV theo đặc thù công việc. Triển khai công tác thi đua khen thưởng theo hướng tạo động lực và khuyến khích viên chức – người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

- **Tiêu chuẩn 7** (Quản lý tài chính và cơ sở vật chất): Cần có giải pháp cho chiến lược tài chính dài hạn để tạo một cơ cấu tài chính bền vững, tăng nguồn thu từ KHCN. Tăng cường đầu tư trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu của NH. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện đề án Chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống CNTT, hệ thống wifi và tốc độ đường truyền để phục vụ tốt công tác quản lý và NH. Đẩy nhanh công tác số hóa giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và sách tham khảo tiến hành theo tiến độ và kế hoạch của Trường. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường và sự an toàn; có thực hiện cải tiến phù hợp hơn với những người có nhu cầu đặc biệt.

- **Tiêu chuẩn 8** (Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại): Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn về công tác đối ngoại và phổ biến các quy định và hướng dẫn về đối ngoại đến toàn thể CB và GV của Trường. Tăng cường triển khai các kế hoạch để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH.

- **Tiêu chuẩn 9** (Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong): Nhanh chóng điều chỉnh cơ cấu tổ chức cho Tổ ĐBCL cấp trường theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường được cập nhật năm 2023. Các tổ ĐBCL cấp đơn vị cần chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL riêng của đơn vị. Trường cần xây dựng và định kỳ cập nhật, cải tiến các KPIs, lượng hóa các chỉ tiêu ĐBCL trong

các KHCL ĐBCL của Trường và giám sát đo lường, đối sánh kết quả thực hiện với các chỉ số này. Trường cũng cần đánh giá giữa kỳ và cần có sự nhất quán về các KPIs trong KHCL theo giai đoạn và trong các kế hoạch ĐBCL hằng năm để dễ theo dõi, quản lý.

- **Tiêu chuẩn 10** (Tự đánh giá và đánh giá ngoài): Trường cần đẩy mạnh tiến độ thực hiện cải tiến đồng bộ các báo cáo TĐG CTĐT ở các khoa và triển khai đăng ký ĐGN các CTĐT. Trường cũng cần cải tiến quy trình TĐG, ĐGN và cải tiến sau ĐGN. Trường cần giám sát và tư vấn hiệu quả các hoạt động cải tiến sau TĐG ở các tổ ĐBCL thuộc các khoa, tổ chức sâu rộng các cuộc họp giao ban chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ ĐBCL, tổ TĐG của các đơn vị trong toàn Trường, nhất là TĐG CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 11** (Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong): Trường cần sớm thúc đẩy việc triển khai đề án chuyển đổi số, đa dạng hóa việc ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin ĐBCL theo hướng tích hợp nhằm hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và thuận tiện. Trường cần thực hiện đồng bộ và sử dụng hiệu quả các dữ liệu khảo sát, đối sánh qua các năm và giữa các đơn vị để cải tiến các hoạt động của Trường. Trường cũng cần xây dựng riêng quy định chi tiết về việc đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong.

- **Tiêu chuẩn 12** (Nâng cao chất lượng): Trường cần thu thập, khảo sát ý kiến các BLQ về quy trình đối sánh, so chuẩn; cải tiến quy trình chọn lựa đối tác, nội dung thông tin đối sánh để cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường; đẩy mạnh đối sánh với các CTĐT ngoài trường và đối tác nước ngoài để cải tiến. Trường cần lập danh mục các đối tác đối sánh, thu thập thông tin từ nhiều kênh bao gồm các thông tin công khai của các trường ĐH để xem xét đối sánh; xây dựng các dự án cải tiến cụ thể sau đối sánh, nhất là đổi mới sáng tạo; lập ban giám sát thực hiện cải tiến.

- **Tiêu chuẩn 13** (Tuyển sinh và nhập học): Tăng cường truyền thông tuyển sinh theo hình thức trực tuyến để phù hợp với học sinh thế hệ Z. Có chính

sách cải thiện kết quả tuyển sinh của một số ngành khó tuyển. Xây dựng quy định và quy trình cụ thể về kiểm tra giám sát công tác nhập học và tích hợp vào một văn bản của Trường. Xác định các tiêu chí giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cụ thể để triển khai phân tích, đánh giá kết quả giám sát công tác tuyển sinh theo chiều sâu. Lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bên ngoài để có cơ sở cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học.

- **Tiêu chuẩn 14** (Thiết kế và rà soát chương trình dạy học): Cần thống nhất việc trình bày văn bản và tên các văn bản liên quan đến xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH và kế hoạch triển khai. Bổ sung ma trận liên kết giữa mục tiêu ĐT và CDR của CTĐT. Đảm bảo CDR của các CTĐT được phát biểu rõ ràng, hợp lý, khả thi và các phát biểu CDR về mức tự chủ, trách nhiệm có nội hàm phù hợp. Mô tả hoạt động dạy và hoạt động học theo hướng gia tăng tính chọn lọc các phương pháp dạy học (PPDH) thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm vào đề cương các HP.

- **Tiêu chuẩn 15** (Giảng dạy và học tập): Tăng cường phổ biến và đa dạng hoá các hình thức phổ biến TLGD đến các BLQ, nhất là NH. Tổ chức tập huấn chuyên sâu về sử dụng PPDH, phương pháp KTĐG KQHT theo CDR tương ứng với các ngành ĐT của Trường.

- **Tiêu chuẩn 16** (Đánh giá người học): Bổ sung quy định về đánh giá quá trình của các HP. Đảm bảo sự tương thích giữa CDR và phương pháp KTĐG NH. Thực hiện phân tích kết quả KTĐG NH, sự tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng đánh giá kết quả NH.

- **Tiêu chuẩn 17** (Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học): Đa dạng các loại hình hoạt động hỗ trợ NH, nhất là các loại hình phù hợp với NH thế hệ Z. Xây dựng và triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát NH để từ đó có những cải tiến phù hợp với nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ. Xác định cụ thể tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- **Tiêu chuẩn 18** (Quản lý nghiên cứu khoa học): Có CLPT nguồn thu từ hoạt động KHCN, CGCN và thương mại hóa sản phẩm KHCN. Trường cần phát triển nhóm NCKH ứng dụng tiềm năng để tạo được nhiều các sản phẩm trí tuệ, CGCN và tăng cường các HTQT.

- **Tiêu chuẩn 19** (Quản lý tài sản trí tuệ): Đánh giá công tác quản lý TSTT để cải tiến. Tiến hành khảo sát các BLQ có hệ thống và định kỳ. Xác định chỉ tiêu về SHTT chính thức trong kế hoạch hằng năm của Trường để có những chính sách đầu tư, kế hoạch cải tiến hoạt động SHTT hiệu quả.

- **Tiêu chuẩn 20** (Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học): Các mối quan hệ với các đối tác cần được rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực mang lại để làm căn cứ cho việc điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược. Cần có giải pháp tăng cường HTQT và phát triển về KHCN, SHTT và CGCN.

- **Tiêu chuẩn 21** (Kết nối và phục vụ cộng đồng): Xây dựng kế hoạch tổng thể cho hoạt động PVCĐ của Trường. Có biện pháp cụ thể đẩy mạnh hoạt động PVCĐ gắn với chuyên môn của các khoa. Xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và PVCĐ. Đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ để có cơ sở rà soát và cải tiến.

- **Tiêu chuẩn 22** (Kết quả đào tạo): Bổ sung chỉ tiêu tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT vào kế hoạch ĐT hằng năm. Thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các CTĐT của Trường với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH ở trong nước và quốc tế. Phân tích nguyên nhân tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn thấp ở một số CTĐT để có biện pháp cải tiến phù hợp. Xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, NCKH của GV để gia tăng mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng NH tốt nghiệp một cách bền vững.

- **Tiêu chuẩn 23** (Kết quả nghiên cứu khoa học): Tăng cường các hoạt

động tuyên truyền, giải thích, khuyến khích, tạo động lực cho NH tham gia NCKH và công nghệ trong quá trình ĐT. Cần có kế hoạch và chính sách tăng số lượng đề tài/dự án NCKH ứng dụng cho NH. Trường cần có biện pháp để có SHTT. Thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định 109/2022/NĐ-CP. Thành lập đơn vị/bộ phận phụ trách khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, quản trị TSTT; khuyến khích NH thành lập, tham gia các CLB khởi nghiệp, vườn ươm đổi mới sáng tạo. Nâng cao tính hệ thống, ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, phát triển CSDL các hoạt động triển khai đánh giá trong lĩnh vực NCKH, SHTT và định kỳ rà soát công tác quản lý.

- **Tiêu chuẩn 24** (Kết quả phục vụ cộng đồng): Rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng hoạt động PVCD; đa dạng nguồn kinh phí cho hoạt động PVCD để đẩy mạnh và cải tiến hoạt động này. Xây dựng và triển khai hệ thống đo lường kết quả kết nối và PVCD nhằm giúp giám sát, đánh giá và cải tiến, đảm bảo đạt được MTCL đã đề ra, phù hợp với TN và SM của Trường. Xây dựng phương pháp đánh giá và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV của Trường. Thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD để phát triển hoạt động này.

- **Tiêu chuẩn 25** (Kết quả tài chính và thị trường): Tiếp tục xây dựng hệ thống lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Thực hiện đối sánh ngoài với các đối tác đa dạng hơn. Tiếp tục thực hiện khảo sát, rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Hệ thống hóa hoạt động thu thập thông tin phản hồi và giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

Căn cứ kết quả TĐG của Trường, căn cứ quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, quá trình khảo sát sơ bộ và chính thức tại Trường, Đoàn ĐGN đã đánh giá chất lượng của Trường lần lượt theo từng tiêu chuẩn. Đối với mỗi tiêu chuẩn có mô tả và đánh giá mức đạt của từng tiêu chí; chỉ ra các điểm mạnh, tồn tại và đề xuất hướng khắc phục, đánh giá mức đạt của tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Trường công bố TN và SM trong CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2011-2020 (QĐ số 312/CLPT-ĐHBL, ngày 19/11/2012), CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025, TN 2030 (Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 14/7/2021).

- Trong quá trình xây dựng CLPT, Trường lấy ý kiến các BLQ bằng văn bản, tổ chức hội nghị thảo luận trực tiếp.

- Nội dung tuyên bố về TN, SM phù hợp với chức năng nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, phù hợp với CLPT kinh tế xã hội của Bán đảo Cà Mau và quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long.

- Trường ban hành văn bản chính thức về việc tuyên truyền, quán triệt nội dung chiến lược TN, SM, GTCL đến viên chức người lao động.

- Tuy nhiên, Trường chưa hướng dẫn cho các đơn vị lập kế hoạch xây dựng và triển khai các hoạt động gắn với mục tiêu, SM, TN.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

- Trường ban hành Hệ thống nhận diện thương hiệu của Trường (QĐ số 387/ QĐ-ĐHBL, ngày 19 tháng 8 năm 2020).

- Trường công bố chính thức Hệ GTCL “Chất lượng, sáng tạo, trách nhiệm, hội nhập” trong CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025, TN 2030 (Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 14/7/2021) với phần diễn giải cụ thể các GTCL này.

- Quá trình xây dựng Hệ GTCL của Trường trong CLPT có khảo sát, điều tra lấy ý kiến các BLQ.

- Trường ban hành Chính sách chất lượng (QĐ số 18/QĐ-ĐHBL ngày 10/01/2022), trong đó diễn giải cụ thể nội hàm văn hóa chất lượng gắn với các GTCL của Trường.

- Tuy nhiên, các đơn vị, cá nhân trong Trường chưa được tập huấn, hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học gắn kết giữa hoạt động với các GTCL.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

- Trường truyền thông, phổ biến về TN, SM, hệ GTCL đến các BLQ thông qua các hình thức khác nhau như: đăng tải trên trang web, bản tin, các bảng biển trong khuôn viên Trường.

- Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho tân SV có hoạt động tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của CLPT Trường giai đoạn 2021-2025, TN 2030 (SM, TN, GTCL, TLGD, các mục tiêu và giải pháp...).

- Tuy nhiên, kết quả khảo sát của Trường cho thấy còn một bộ phận NH và GV chưa hoàn toàn hiểu rõ mối liên hệ giữa các nội dung về TN, SM và các giá trị văn hóa/GTCL với các hoạt động dạy và học của mình.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Trường ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục Trường ĐHBL giai đoạn 2019-2021 (KH số 538/KH-ĐBCL, ngày 08/11/2019), trong đó có các

hoạt động về rà soát, điều chỉnh TM, SM, văn hóa, GTCL của Trường dưới sự chủ trì của Đảng ủy, BGH và phòng TCHC.

- Trường tổ chức lấy ý kiến của các BLQ để điều chỉnh các nội dung trong Chiến lược (bao gồm các nội dung về TN, SM) của Trường (năm 2020, 2021), tổng hợp ý kiến của các sở ngành về việc điều chỉnh một số nội dung trong Chiến lược.

- Đảng ủy, HĐT được báo cáo về kết quả rà soát Chiến lược (bao hàm nội dung về TN, SM, GTCL) và ban hành các Nghị quyết thông qua CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025, TN 2030.

- Tuy nhiên, số lượng ý kiến của các BLQ về nội dung TN, SM, GTCL còn ít.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

- Trường thành lập Ban soạn thảo chiến lược (QĐ số 546/QĐ-ĐHBL, ngày 18/9/2020), ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CLPT (QT.ĐBCL-KHCL-01, ngày 14/8/2020).

- Trường tổ chức Hội nghị tổng kết CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2011-2020; thực hiện việc rà soát, phát triển TN, SM, GTCL theo Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CLPT.

- TN, SM, GTCL của Trường đã được bổ sung, điều chỉnh trong Kế hoạch CL giai đoạn 2021-2025.

- Tuy nhiên, quy trình xây dựng, rà soát và cải tiến TN, SM, GTCL chưa được tách thành quy trình riêng.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh:

- Trường công bố TN, SM trong CLPT Trường giai đoạn 2011-2020, công bố Hệ GTCL trong CLPT Trường giai đoạn 2021-2025, TN 2030.

- Nội dung TN, SM phù hợp với chức năng nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, phù hợp với CLPT kinh tế xã hội của Bán đảo Cà Mau và quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long.

- Trường ban hành Hệ thống nhận diện thương hiệu, ban hành Chính sách chất lượng, tổ chức truyền thông, phổ biến về TN, SM, hệ GTCL đến các BLQ thông qua các hình thức khác nhau.

- Trường thành lập Tổ soạn thảo chiến lược, ban hành kế hoạch, quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CLPT.

2. Điểm tồn tại:

- Các đơn vị, cá nhân trong Trường chưa được tập huấn, hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, triển khai các hoạt động gắn với TN, SM và các GTCL.

- Còn một bộ phận NH và GV chưa hoàn toàn hiểu rõ mối liên hệ giữa các nội dung về TN, SM và các giá trị văn hóa/GTCL với các hoạt động dạy và học của mình.

- Số lượng ý kiến của các BLQ về nội dung TN, SM, GTCL còn tương đối ít.

- Quy trình xây dựng, rà soát và cải tiến TN, SM, GTCL chưa được tách thành quy trình riêng.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình tập huấn, hướng dẫn, khuyến khích và đầu tư kinh phí để đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM, thể hiện TLGD và GTCL một cách đồng bộ.

- Quá trình xây dựng kế hoạch ở các đơn vị nên có sự giám sát, hỗ trợ và đánh giá hiệu quả triển khai để các BLQ hiểu rõ mối liên hệ giữa các nội dung về TN, SM và GTCL với các hoạt động dạy và học.

- Tổ chức lấy ý kiến của các BLQ ngoài Trường ở diện rộng hơn trong quá trình rà soát, chỉnh sửa bổ sung các nội dung TN, SM, GTCL, TLGD.

- Xây dựng quy trình riêng, định kỳ thực hiện rà soát và cải tiến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	3,80
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	3
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

- Trường đã thành lập HĐQT và được cấp có thẩm quyền công nhận (QĐ số 2044/QĐ-UBND, ngày 14/11/2018; QĐ 120/QĐ-UBND, ngày 12/02/2022), đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH (2018), Nghị định 99/2019/NĐ-CP; đã thực hiện theo Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐQT).

- HĐQT xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của HĐQT ĐH BL, NK 2021-2026 (NQ số 02/ NQ-HĐT-ĐHBL, ngày 15/3/2022), thực hiện chức năng giám sát, trách nhiệm giải trình. Các tổ chức đoàn thể ban hành quyết định phân công nhiệm vụ theo quy định. Các Hội đồng tư vấn (Hội đồng Khoa học Đào tạo, Hội đồng ĐBCL) ban hành có quy chế làm việc, có quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng.

- HĐT đã ban hành các quy chế: Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường (2022).
- Trường đã ban hành Quy chế ĐT, Quy chế hoạt động KHCN, Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ, Quy chế ĐBCL, Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Tuy nhiên, HĐT chưa ban hành Quy chế tài chính.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

- Các nghị quyết của Đảng ủy, HĐT về CLPT Trường, phát triển đội ngũ, phát triển ĐT, KHCN, ĐBCL được cụ thể hóa thành Chương trình hành động toàn nhiệm kỳ, đề án, quy định, kế hoạch (Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy, Đề án vị trí việc làm, đề án KDCLGD, Phương án tự chủ tài chính, Kế hoạch hoạt động KHCN...).
- Các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn được triển khai thực hiện trong kế hoạch năm học của Trường và các kế hoạch của từng mảng công tác.
- Tuy nhiên, một số nội dung trong phương hướng nhiệm vụ năm học còn chưa có chỉ tiêu định lượng rõ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

- HĐT thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Trường; ban hành Nghị quyết, chỉ đạo rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, rà soát các quy chế, quy định của Trường.
- ĐU chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự BCH Đảng bộ, HĐT, BGH; chỉ đạo thực hiện việc rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định và kế hoạch.
- ĐU, HĐT và các tổ chức đoàn thể, các HĐ lập báo cáo thường niên, báo cáo đột xuất cho cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Hằng năm, BCH Đảng bộ, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện việc báo cáo kết quả công tác và được đánh giá, xếp loại.

- Tuy nhiên, Trường chưa có quy định và quy trình định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống văn bản, quy chế, quy định.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

- Trường rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ và điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn để tăng hiệu quả hoạt động của ĐU, HĐT, BGH và các hội đồng, các tổ chức đoàn thể trong hệ thống quản trị.

- Hội đồng ĐBCL, Hội đồng KHĐT được điều chỉnh, bổ sung nhân sự theo yêu cầu các giai đoạn.

- Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quy chế, quy định của Trường theo quy định pháp luật liên quan.

- Tuy nhiên, Trường chưa tiến hành rà soát, phân tích rủi ro, chuẩn bị định hướng xây dựng các quy định riêng trong bối cảnh tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Điểm mạnh:

- Trường đã thành lập HĐT, đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH (2018), Nghị định 99/2019/NĐ-CP; đã thực hiện theo Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/ 10/ 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐT). HĐT xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, thực hiện chức năng giám sát, thể hiện trách nhiệm giải trình.

- Các tổ chức, các Hội đồng tư vấn có quy chế làm việc, có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng.

- Các nghị quyết của Đảng ủy, HĐT về CLPT Trường, phát triển đội ngũ, phát triển ĐT, KHCN, ĐBCL được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch hành động.

- Trường rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân của hệ thống quản trị và tiến hành bổ sung, điều chỉnh theo quy định.

- Trường tiến hành rà soát và chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quy định quy chế, quy định của Trường theo quy định pháp luật liên quan.

2. Điểm tồn tại:

- HĐT chưa ban hành Quy chế tài chính.
- Chưa có cơ chế rà soát để đảm bảo chỉ tiêu trong kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị, tổ chức có sự gắn kết và tương hỗ trong thực hiện mục tiêu chiến lược.

- Chưa có quy định và quy trình định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống văn bản, quy chế, quy định.

- Chưa tiến hành rà soát, phân tích rủi ro, chuẩn bị định hướng xây dựng các quy định riêng trong bối cảnh tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- HĐT cần ban hành Quy chế tài chính.
- Nên có cơ chế rà soát để nhiệm vụ trọng tâm năm học của các đơn vị, tổ chức gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chiến lược.

- Cần ban hành quy định và quy trình định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống văn bản, quy chế, quy định.

- Cần rà soát, phân tích, quản trị rủi ro để điều chỉnh kịp thời quy định, quy chế, quy trình ra quyết định, chuẩn bị, định hướng xây dựng các quy định riêng trong bối cảnh tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 2.1	4
Tiêu chí 2.2	4
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

- Các đơn vị/ bộ phận được quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động.
- Các đơn vị/ bộ phận được thành lập mới theo Đề án cơ cấu lại bộ máy tổ chức.
- Các phòng ban chức năng có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí nhân sự.
- Trường có quyết định bằng văn bản khi điều chỉnh và bổ sung nhiệm vụ của các đơn vị để đảm bảo quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị/bộ phận.
- Tuy nhiên, Trường chưa thể hiện rõ vai trò của hệ thống thực hiện chức năng giám sát trong các quy định.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

- Trường ban hành công văn (350/ĐHBL, ngày 16/7/2021) chỉ đạo tuyên truyền về TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường.
- Trường tuyên truyền về TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược đến các BLQ thông qua hệ thống bảng biển, các bản tin truyền thanh của Trung tâm Thông tin Thư viện, thông qua trang web, các hoạt động ký kết hợp tác, hội nghị hội thảo, hình ảnh thông tin giới thiệu về Trường khi tuyển sinh.
- Trường ban hành Kế hoạch về hành động, truyền thông SM, TN, GTCL và triết lý giáo dục của Trường (KH số 159/KH-ĐHBL, ngày 10/3/2023) nhằm tuyên truyền SM, TN, GTCL, triết lý giáo dục, chính sách chất lượng, lễ lối làm việc..., hướng dẫn hình thức tuyên truyền.

- Tuy nhiên, việc thông tin, kết nối với các BLQ ngoài trường để thực hiện các mục tiêu chiến lược còn hạn chế.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

- Trường có xây dựng Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy (2022), Đề án vị trí việc làm (2022). Hằng năm, Trường rà soát, điều chỉnh cơ cấu lãnh đạo và quản lý theo kết quả và nhu cầu hoạt động thực tiễn của Trường.

- Đội ngũ nhân sự lãnh đạo và quản lý của Trường được định kỳ đánh giá, xếp loại hằng năm.

- Quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo kế hoạch. Quy hoạch của CB cấp phòng trở lên đã được phê duyệt trong giai đoạn 2016-2021, 2021-2026 (năm 2019) và phê duyệt bổ sung năm 2021.

- Trường rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ của các đơn vị, các cấp quản lý và có điều chỉnh hợp lý hơn.

- Tuy nhiên, Trường còn khuyết nhân sự Phó hiệu trưởng, có đơn vị chưa bổ nhiệm cấp trưởng (bổ nhiệm cấp phó phụ trách).

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn

- Trường đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy và nhân sự theo định hướng sáp nhập các khoa, bộ phận, điều chuyển một số bộ phận cho phù hợp với chức năng của đơn vị: phòng TC-HC, phòng QLKH-HTQT, phân công lại lãnh đạo các bộ phận.

- Các đơn vị được thành lập, sáp nhập được đưa vào quy chế tổ chức và hoạt động đầy đủ, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ: phòng KHCN quản lý thêm chức năng quản lý đầu mối các hoạt động PVCD.

- Viên chức quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển theo quy định.

- Tuy nhiên, chưa đánh giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Điểm mạnh:

- Trường đã xây dựng Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy (2022), Đề án vị trí việc làm (2022). Các đơn vị/ bộ phận được quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động, có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí nhân sự.

- Đội ngũ nhân sự lãnh đạo và quản lý của Trường được định kỳ đánh giá, xếp loại hằng năm. Quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo kế hoạch.

- Trường rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ của các đơn vị, các cấp quản lý và có điều chỉnh hợp lý hơn; thực hiện tái cơ cấu bộ máy và nhân sự phù hợp với chức năng của đơn vị.

- Viên chức quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển theo quy định.

2. Điểm tồn tại:

- Các quy định chưa thể hiện rõ vai trò của hệ thống thực hiện chức năng giám sát trong các quy định.

- Công tác thông tin, kết nối với các BLQ ngoài Trường để thực hiện các mục tiêu chiến lược còn hạn chế.

- Còn khuyết nhân sự Phó hiệu trưởng, chưa bổ nhiệm lại Kế toán trưởng; có đơn vị chưa bổ nhiệm cấp trưởng.

- Chưa đánh giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Nghiên cứu xây dựng quy định công tác giám sát trong bối cảnh tự chủ ĐH, có sự tham gia của nhiều BLQ.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn, kết nối với các BLQ ngoài trường để phối hợp, có thêm nguồn lực thực hiện các mục tiêu chiến lược, đặc biệt là các đối tác quốc tế, đối tác vùng.
- Bổ sung nhân sự lãnh đạo (Phó Hiệu trưởng), quản lý cấp trưởng phòng.
- Tiến hành giá hiệu quả để cải tiến hoạt động quản lý của các đơn vị được phân công nhiều mảng công việc.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chí 3.1	4
Tiêu chí 3.2	4
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Trường thành lập Ban soạn thảo CLPT Trường giai đoạn 2021-2025, TN 2030 gồm 16 nhân sự và Tổ thư ký giúp việc gồm 07 nhân sự (QĐ 546/QĐ-ĐHBL, ngày 18/9/2020). Ban soạn thảo đã xây dựng kế hoạch để triển khai công tác xây dựng kế hoạch chiến lược.
- Trường có các văn bản phân công nhiệm vụ cho BGH, có nội dung quy định về việc theo dõi thực hiện chiến lược.

- CLPT Trường giai đoạn 2021-2025 TN 2030 được HĐT phê duyệt và còn hiệu lực (Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 14/7/2020), với các nội dung chiến lược theo nhóm và từng lĩnh vực cụ thể trong đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Tuy nhiên, quá trình lập kế hoạch chiến lược chưa có nhiều ý kiến đóng góp của các BLQ.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

- Trường xây dựng và ban hành các đề án, kế hoạch thực hiện CLPT trong các lĩnh vực quản trị, đội ngũ và tổ chức bộ máy, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH: Dự án xây dựng hệ thống quản trị số và phòng thí nghiệm trung tâm nông nghiệp công nghệ cao tại Trường; Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy trường; Đề án kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2023-2027 (đang chờ phê duyệt); Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025; Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Phương án tự chủ tài chính; Dự án Cải tiến và phát triển CSVC Trường ĐH Bạc Liêu.

- Các đề án, kế hoạch được công khai cho các BLQ thông hệ thống văn bản của Trường để thực hiện; trang thông tin điện tử có công bố các kế hoạch chiến lược dài hạn, ngắn hạn của Trường.

- Hằng năm, các đơn vị báo cáo công tác và đưa ra phương hướng hoạt động của đơn vị trong năm học mới. Trường tổ chức tổng kết năm học và ban hành nhiệm vụ trọng tâm năm học mới.

- Tuy nhiên, các khoa chưa xây dựng kế hoạch/ chiến lược riêng để triển khai CLPT Trường, chưa có cơ chế đảm bảo kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu trong CLPT Trường.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

- Trường xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, đào tạo, KHCN và PVCD và công bố trong CLPT của Trường.
- Các chỉ tiêu rõ ràng, có tính khả thi, được phân bổ trong các kế hoạch năm học.
- Các phòng, bộ phận chức năng được giao nhiệm vụ đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số so với mục tiêu chiến lược để báo cáo lãnh đạo Trường.
- Tuy nhiên, hệ thống các chỉ tiêu phấn đấu chính (KPIs) còn chưa hoàn thiện ở tất cả các mảng công tác của trường.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

- Trường thành lập Ban soạn thảo, Tổ giúp việc, tiến hành tổng kết kết quả thực hiện CLPT của Trường giai đoạn 2011-2020, xây dựng hệ thống mục tiêu chiến lược và đưa ra các nhóm giải pháp để đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường trong giai đoạn 2021-2025 TN 2030.
- Các kế hoạch thực hiện trong từng lĩnh vực có các chỉ số cho từng năm hoặc từng giai đoạn.
- Trường ban hành các chính sách và đầu tư nguồn lực để thực hiện các mục tiêu về ĐT, NCKH và PVCD.
- Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức sơ kết giữa kỳ kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Điểm mạnh:

- Trường thành lập Ban soạn thảo CLPT Trường giai đoạn 2021-2025, TN 2030. CLPT Trường giai đoạn 2021-2025 TN 2030 được HĐT phê duyệt và còn hiệu lực với các nội dung chiến lược theo nhóm và từng lĩnh vực cụ thể trong đào tạo, NCKH và PVCD.

- Trường xây dựng và ban hành các đề án, kế hoạch thực hiện CLPT trong các lĩnh vực quản trị, đội ngũ và tổ chức bộ máy, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH, công khai cho các BLQ thông hệ thống văn bản của Trường để thực hiện.
- Trường xây dựng các chỉ tiêu phân đầu về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, đào tạo, KHCN và PVCD và công bố trong CLPT của Trường.
- Trường ban hành các chính sách và đầu tư nguồn lực để thực hiện mục tiêu về ĐT, NCKH và PVCD.

2. Điểm tồn tại:

- Trong quá trình lập kế hoạch chiến lược, chưa ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp của các BLQ.
- Các khoa chưa xây dựng kế hoạch/ chiến lược riêng để triển khai CLPT Trường, chưa có cơ chế đảm bảo kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu trong CLPT Trường.
- Hệ thống các chỉ tiêu phân đầu chính (KPIs) ở tất cả các mảng công tác còn chưa hoàn thiện.
- Chưa tổ chức sơ kết giữa kỳ kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Xây dựng hệ thống tiếp nhận ý kiến của các BLQ để tiếp tục điều chỉnh Kế hoạch chiến lược một cách hiệu quả.
- Hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch/ chiến lược riêng để triển khai CLPT Trường, rà soát, đảm bảo kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu trong CLPT Trường.
- Hoàn thiện các chỉ tiêu phân đầu chính (KPIs) ở tất cả các mảng công tác.
- Tổ chức sơ kết giữa kỳ kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Đảng ủy, HĐ trường và BGH quyết định CLPT, định hướng để xây dựng các chính sách của Trường, các đơn vị chức năng (P. ĐT, P. QLKH - HTQT) có nhiệm vụ xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.
- Nội dung các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ phù hợp với các chủ trương quy định chung, đáp ứng với SM và mục tiêu chiến lược của Trường.
- Có các quy định, quy trình và phân công rõ ràng trong công tác xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ.
- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị của Trường để hiệu chỉnh và cập nhật cho phù hợp với thực tế.
- Chưa triển khai các kế hoạch tổ chức tập huấn xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

- BGH, Ban Thanh tra nhân dân, P. TTPC, P. ĐT, P. QLKH&HTQT là các đơn vị chính, phối hợp với các phòng chức năng được giao nhiệm vụ theo

đổi việc thực hiện các chính sách liên quan đến hoạt động về ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Đã thành lập Hội đồng ĐBCLGD, ban hành Sổ tay ĐBCL, xây dựng và triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách và rà soát, cập nhật chính sách, quy chế và quy định nội bộ.

- Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường đã xây dựng được phổ biến công khai qua website, sổ tay ĐBCL, hệ thống email nội bộ và thông qua các cuộc họp giao ban tháng, giao ban quý.

- Hằng năm Trường có báo cáo tổng kết hoạt động trong đó có nội dung đánh giá thực hiện chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, đánh giá lại điểm mạnh, điểm tồn tại của việc thực thi từng chính sách cụ thể, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách hằng năm.

- Tuy nhiên, quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách chưa được Trường xây dựng đầy đủ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

- Trường có quy định và triển khai các hoạt động rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ định kỳ hằng năm.

- Trường giao cho các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện lấy ý kiến của các BLQ, tập hợp các kiến góp ý, phản biện từ các cuộc họp giao ban, tổng kết cuối năm đối với đánh giá tác động của chính sách, tiếp thu và điều chỉnh chính sách theo quy định.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được cải tiến hằng năm dựa trên các ý kiến góp ý của các BLQ, để phù hợp với sSM, TN, đảm bảo đáp ứng yêu cầu các BLQ trong từng lĩnh vực hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD được cải tiến như: điều chỉnh Quy chế đào tạo vào các năm 2021, bổ sung thêm các hình thức ĐT, liên kết ĐT, tổ chức giảng dạy và học tập, đánh giá, công nhận kết quả, chuyển đổi tín chỉ, tạo thuận lợi hơn cho người học. Các văn bản về NCKH đã được điều chỉnh, cải tiến tạo môi trường thuận lợi cho GV và SV, bổ sung thêm các điều khoản về tổ chức hội nghị NCKH, tổ chức triển khai kết quả đề tài và tổ chức triển khai ứng dụng tiên bộ KHCN. Ban hành quy định hoạt động kết nối và PVCD (bao gồm các quy định chung, phạm vi, nội dung kết nối và PVCD, trách nhiệm của các đơn vị trong trường và tổ chức thực hiện) để hướng dẫn công tác kết nối và PVCD.

- Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đầy đủ của các BLQ (đặc biệt các BLQ bên ngoài như cựu NH, NTD, đối tượng thụ hưởng các hoạt động PVCD).

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Điểm mạnh:

- Công tác xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được các phòng chức năng xây dựng theo phân công và giao nhiệm vụ từ HĐT và BGH. Nội dung các chính sách phù hợp với các chủ trương quy định chung, đáp ứng SM và mục tiêu chiến lược của Trường, được thường xuyên lấy ý kiến từ các đơn vị của Trường để hiệu chỉnh và cập nhật cho phù hợp với thực tế.

- Việc thực hiện các chính sách liên quan đến hoạt động về ĐT, NCKH và PVCD được Phòng Thanh tra – Pháp chế và các phòng chức năng phối hợp thanh tra, kiểm tra nội bộ, giám sát theo các Quy trình kiểm soát chất lượng, có báo cáo tổng kết đánh giá lại điểm mạnh, điểm tồn; rà soát đánh giá tác động của chính sách, tiếp thu và điều chỉnh chính sách theo quy định và thực hiện cải tiến.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa triển khai các kế hoạch tổ chức tập huấn xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCD.

- Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách chưa được Trường xây dựng đầy đủ.

- Chưa khảo sát đầy đủ các BLQ về chính sách ĐT, NCKH và PVCD, đặc biệt là các BLQ bên ngoài (cựu NH, NTD, đối tượng thụ hưởng các hoạt động PVCD).

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cần có kế hoạch tổ chức tập huấn các đơn vị về việc xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCD.

- Xây dựng quy trình và triển khai giám sát, tự giám sát sự tuân thủ các chính sách của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

- Triển khai công tác khảo sát đầy đủ các BLQ về chính sách ĐT, NCKH và PVCD, đặc biệt là các BLQ bên ngoài (cựu NH, NTD, đối tượng thụ hưởng các hoạt động PVCD).

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chí 5.1	4
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- BGH đã chỉ đạo xây dựng, triển khai kế hoạch trung hạn, các đề án chuyên đề như “Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy”, “Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp”, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trên cơ sở quyết định giao biên chế hằng năm của Ủy ban nhân dân Tỉnh và nhu cầu nguồn nhân lực để thực hiện TN, SM, MT của Trường.

- Có quy trình hướng dẫn các đơn vị xây dựng nhu cầu về nguồn nhân lực, quy hoạch, rà soát, bổ sung các vị trí và phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng cho các đơn vị theo từng năm. Trường đã xây dựng các chỉ tiêu phát triển đội ngũ giai đoạn 2021 – 2025 để đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển Nhà trường.

- Hàng năm, Trường có báo cáo công tác thực hiện tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nhân sự của các đơn vị trong Trường.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

- Công tác tuyển dụng được tuân thủ theo quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, các nghị định, nghị định sửa đổi bổ sung của Chính phủ trên cơ sở kế hoạch phát triển nguồn nhân lực được phê duyệt trong Đề án vị trí việc làm cho từng đơn vị.

- Quy trình, tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo đúng các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của Trường và được thực hiện công khai.

- Quy trình, tiêu chí tuyển dụng viên chức của Trường cũng được phổ biến thông qua các kế hoạch/thông báo tuyển dụng hằng năm. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm thì các quy định, tiêu chuẩn cụ thể đối với các công tác này đều được quán triệt đầy đủ đến các BLQ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

- Các tiêu chuẩn năng lực của các nhóm CB lãnh đạo quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, chức danh chuyên môn dùng chung và vị trí hỗ trợ, phục vụ được chỉ ra trong “Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp”.

- Các tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo được cụ thể thêm trong “Quy chế tổ chức và hoạt động trường ĐHBK”.

- Trường có các yêu cầu cụ thể cho từng nhóm đối tượng theo tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn của đội ngũ GV, nhân viên căn cứ vào quy định của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

- Trường đã xây dựng và triển khai đề án “Đào tạo, Phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2021 – 2025 và TN đến năm 2030”, “Quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức” và dựa vào nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của các đơn vị để tổ chức thực hiện kế hoạch ĐT, bồi dưỡng viên chức phục vụ ĐT, NCKH và nhu cầu phát triển chuyên môn của cán bộ, GV.

- Trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để đảm bảo đội ngũ VC đạt tiêu chuẩn năng lực đã được xác định, phù hợp với CLPT Trường.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng tập trung phát triển kỹ năng ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và tham gia các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn.

- Trường có chính sách hỗ trợ để CB, GV nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn; hỗ trợ kinh phí cho CB tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học và đào tạo kỹ năng nghiệp vụ.

- Tuy nhiên, công tác đào tạo bồi dưỡng phần lớn tập trung vào công tác ĐBCL, xây dựng CTĐT, quản lý ISO mà chưa chú trọng đến việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho vị trí mà NLD đang phụ trách.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Trường thực hiện quản lý, đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc của đội ngũ CB, GV, NV theo “Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CB, công

chức, viên chức tỉnh Bạc Liêu” trong đó quy định các tiêu chí để đánh giá hiệu quả và quy trình tự đánh giá, đánh giá, xếp loại đối với đội ngũ CB, GV.

- Trường ĐHBL cũng đã ban hành một số văn bản quy định trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của CB, GV, NV như “Quy chế tổ chức và hoạt động”, “Quy định về chế độ làm việc của GV”; các tiêu chí được thường xuyên sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn của trường.

- Trường thực hiện việc đánh giá CB, GV hằng năm, các kết quả đánh giá được thông báo đến CB theo đơn vị và được sử dụng trong công tác thi đua khen thưởng, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm của từng cá nhân.

- Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có sự tham gia góp ý của CB, GV để đảm bảo bộ tiêu chí phù hợp, ghi nhận và đánh giá đúng kết quả và mức độ đóng góp của từng cá nhân đối với Trường.

- Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho đội ngũ nhân viên, các tiêu chí đánh giá vẫn còn định tính. Việc sử dụng kết quả đánh giá viên chức để làm căn cứ xác định đầu tư đào tạo, bồi dưỡng chưa cụ thể, chưa được quy định rõ ràng.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

- Trường giao cho các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ được phân công trong “Quy chế tổ chức hoạt động” triển khai công tác rà soát định kỳ hằng năm các văn bản quản lý về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực: P. TCHC báo cáo tình hình biên chế và xây dựng nhu cầu tuyển dụng hằng năm; tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện KHCL 2011 – 2020, hoạch định KHCL 2021 – 2025.

- Trường đã triển khai rà soát các quy trình, thủ tục để phát hiện những bất cập; tổ chức lấy ý kiến từ các đơn vị, CB lãnh đạo các phòng, tại hội nghị công chức - viên chức và hội nghị tài chính. Việc điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách đối với CB, viên chức và người lao động được thực hiện hằng năm.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Trường đã thực hiện một số cải tiến trong chế độ, chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động ĐT, NCKH, PVCD; điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ hiện có (điều chỉnh Quy chế chỉ tiêu nội bộ theo hướng mở rộng nội dung chi và nâng định mức hỗ trợ cho CB, GV được cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; điều chỉnh một số tiêu chuẩn của một số vị trí chức danh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định hiện hành).

- Trường đã thực hiện những cải tiến đối với quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và đã điều chỉnh định mức đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Điểm mạnh:

- BGH đã chỉ đạo xây dựng, triển khai kế hoạch trung hạn, các đề án chuyên đề như “Đề án cơ cấu lại tổ chức bộ máy”, “Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp”, quy hoạch đội ngũ CB quản lý trên cơ sở quyết định giao biên chế hằng năm của UBND Tỉnh và nhu cầu nguồn nhân lực để thực hiện TN, SM, mục tiêu của Trường.

- Có quy trình hướng dẫn các đơn vị xây dựng nhu cầu về nguồn nhân lực, quy hoạch, rà soát, bổ sung các vị trí và phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng cho các đơn vị theo từng năm. Quy trình, tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo đúng các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của Trường và được thực hiện công khai.

- Trường thực hiện quản lý, đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc của đội ngũ CB, GV, NV theo “Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CB, công chức, viên chức tỉnh Bạc Liêu” trong đó quy định các tiêu chí để đánh giá hiệu quả và quy trình tự đánh giá, đánh giá, xếp loại đối với đội ngũ CB, GV.

- Trường đã triển khai rà soát các quy trình, thủ tục để phát hiện những bất cập; tổ chức lấy ý kiến từ các đơn vị, CB lãnh đạo các phòng, tại hội nghị

công chức - viên chức và hội nghị tài chính. Việc điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách đối với CB, viên chức và người lao động được điều chỉnh, bổ sung hằng năm

- Trường đã thực hiện một số cải tiến trong chế độ, chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ; điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ hiện có.

2. Điểm tồn tại:

- Công tác đào tạo bồi dưỡng phân lớn tập trung vào công tác ĐBCL, xây dựng CTĐT, quản lý ISO mà chưa chú trọng đến việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho vị trí mà NLD đang phụ trách.

- Trường chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho đội ngũ nhân viên, các tiêu chí đánh giá vẫn còn định tính.

- Kết quả đánh giá viên chức để làm căn cứ xác định đầu tư đào tạo, bồi dưỡng chưa cụ thể, chưa được quy định rõ ràng.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cần có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho vị trí mà NLD đang phụ trách.

- Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho đội ngũ nhân viên, định lượng hóa các tiêu chí đánh giá kết quả công việc của CB, GV, NV.

- Nên xây dựng quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá viên chức để làm căn cứ xác định đầu tư đào tạo, bồi dưỡng.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,00
Tiêu chí 6.1	4
Tiêu chí 6.2	4
Tiêu chí 6.3	4
Tiêu chí 6.4	4

Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính (KHTC) được giao làm đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính theo các quy định nhà nước, phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư xây dựng, mua sắm CSVC, đấu giá khai thác mặt bằng, đấu thầu... với sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

- Trường có các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được cụ thể trong “Kế hoạch chiến lược 2021-2025 TN đến 2035” để định hướng phát triển các nguồn tài chính hợp pháp, hỗ trợ việc thực hiện TN, SM, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ được ban hành và triển khai thực hiện; có kế hoạch, phương án tự chủ tài chính; đề án phát triển CSVC; đề án Chuyển đổi số; đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo các quy định của Nhà nước, đảm bảo tính công khai minh bạch và đạt được sự thống nhất trong toàn Trường thông qua “Quy chế chi tiêu nội bộ” và các quy định khác. Được giám sát bởi Ban Thanh tra nhân dân.

- Có kế hoạch phân bổ tài chính cho các hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động dịch vụ đáp ứng kế hoạch chiến lược của Trường, định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa các kế hoạch thông qua các cuộc họp giao ban và các báo cáo.

- Trường công khai hoá các nguồn tài chính tại Hội nghị viên chức hằng năm và tổ chức các cuộc họp với các đơn vị trong trường để trao đổi, thảo luận về việc thực hiện kế hoạch tài chính của Trường theo định kỳ. Việc thực hiện kế hoạch của Trường còn được giám sát, đánh giá bởi các đơn vị có chức năng giám sát.

- Tuy nhiên, Trường chưa có giải pháp cho chiến lược tài chính dài hạn để tạo một cơ cấu tài chính bền vững (nguồn thu từ dịch vụ đào tạo giảm dần từ 31% => 18,3%, NSNN tăng từ 51% => 60); chưa có nguồn thu từ hoạt động KHCN.

- Trường chưa có quy trình phân công nhiệm vụ rà soát kế hoạch tài chính; các báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính, CSVC cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD và định hướng cho các năm của các bộ phận chưa chuyên sâu.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

- Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng quản lý, tổ chức thực hiện các công tác về quy hoạch, xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các PTN, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD, phối hợp với các đơn vị khác quản lý và sử dụng có hiệu quả CSVC và các trang thiết bị được giao.

- Trong đề án phát triển CSVC, Trường dự toán chi tiết kinh phí cho sửa chữa CSVC, mua sắm trang thiết bị trong dài hạn và trung hạn. Trong dự toán hằng năm, Trường đều lập dự toán thu, chi trình UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt và giao dự toán chính thức, trong đó có nội dung chi thường xuyên cho sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trường.

- Trường có kế hoạch theo dõi tình trạng sử dụng trang thiết bị tại đơn vị sử dụng trên cơ sở đó đề xuất sửa chữa, bảo trì, thanh lý kịp thời đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCD theo định hướng trường ĐH ứng dụng.

- Trường có hệ thống phòng học, giảng đường được trang bị đầy đủ những phương tiện dạy học cơ bản (bàn ghế, đèn chiếu sáng, quạt).

- Trường đã xây dựng dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVG, phương tiện dạy và học, các PTN, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCD tương đối đầy đủ và toàn diện (CSDL về sự hài lòng của GV, SV, cập nhật trang thiết bị, tổng hợp kiểm kê tài sản tại các đơn vị). CSDL được theo dõi, quản lý, cập nhật định kỳ thông qua phần mềm quản lý tài sản MISA.

- CSVG, phương tiện dạy và học, các PTN, thiết bị của Trường từng bước được đầu tư cải tiến, nâng cấp: Trung tâm Thông tin - Thư viện, Phòng mô phỏng thực hành kế toán, 02 phòng máy và trại thực nghiệm khoa nông nghiệp góp phần phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

- Trường có thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH về CSVG và các phương tiện dạy và học, PTN, thiết bị để từ đó thực hiện các đầu tư, sửa chữa, nâng cấp.

- Tuy nhiên, thiết bị dạy học của Trường vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu và vẫn cần cải thiện.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

- Trường giao cho Khoa CNTT phối hợp với Trung tâm Thông tin thư viện, bộ phận Khảo thí, P. TC-HC và P. KH-TC xây dựng, phát triển, tổ chức thực hiện chuyên đổi số, ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành; đề xuất kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị CNTT để phục vụ công tác ĐT, NCKH và PVCD, đảm bảo các hoạt động về CNTT của trường được vận hành thông suốt, quản lý việc sử dụng các thiết bị CNTT.

- Khoa CNTT phối hợp với Phòng KH-TC lập dự toán cho công tác nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính, các phòng máy, bảo trì phần mềm hệ thống tích hợp thông tin quản lý đào tạo, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, gia hạn tên miền, đường truyền, hệ thống camera quan sát... để phục vụ các hoạt động thường xuyên.

- Trường hiện đang có các hệ thống CNTT phục vụ công tác ĐT, NCKH và quản lý, bao gồm các phần mềm quản lý ĐT, khảo thí, nhân sự; quản lý khóa học trực tuyến; lưu trữ; nguồn học liệu số; có thêm 2 phòng máy mới và trang bị phần mềm mô phỏng kế toán. Hệ thống băng thông, đường truyền từng bước được nâng cấp; hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ và các phần mềm quản lý chuyên dụng được cải tiến, mua mới đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị.

- Trường có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng; nâng cấp, cải tiến đáp ứng được nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Tuy nhiên, hệ thống CNTT phục vụ công tác quản lý còn chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn. Công tác chuyển đổi số của Trường chỉ mới được bắt đầu.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

- Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu BGH đối với các hoạt động đầu tư, quản lý, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSCV và các phương tiện, thiết bị giảng dạy; Trung tâm Thông tin thư viện là bộ phận trực tiếp quản lý nguồn tài liệu, CSDL trực tuyến phục vụ học tập; các Khoa có nhiệm vụ quản lý, sử dụng, đề xuất bảo trì, bảo dưỡng, đầu tư mới hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

- Trung tâm Thông tin thư viện xây dựng kế hoạch phát triển thư viện giai đoạn 2011-2020, kế hoạch hoạt động hằng năm và kế hoạch bổ sung, nâng cấp, phát triển các nguồn lực học tập phục vụ công tác giảng dạy học tập và nghiên cứu trong toàn trường.

- Trường đã đầu tư thư viện số và thư viện điện tử EMICLIB với kinh phí hơn 500 triệu đồng; đã triển khai kết nối với thư viện trung tâm của ĐHQG.HCM và thư viện Trường ĐH Cần Thơ; đầu tư, nâng cấp phần mềm quản lý ĐT, mua sắm mới các phần mềm chuyên dụng, triển khai hệ thống E-Learning đã góp phần nâng cao đáng kể quy mô và chất lượng CSDL trực tuyến của Trường.

- Hằng năm, Trường đều dành nguồn tài chính cho việc bổ sung, cập nhật các đầu sách, tài liệu cho; đồng thời tiến hành đánh giá hiệu quả của đầu tư cho các nguồn lực học tập dựa trên việc đối chiếu các kết quả rà soát thực tế với kế hoạch đầu tư đề ra. Trong giai đoạn 2018-2022, tổng kinh phí đầu tư cho CSVC, trang thiết bị, PTN, thư viện phục vụ ĐT, NCKH là hơn 17,5 tỷ đồng.

- Mặc dù Trường đã có những cố gắng trong đầu tư nhưng tỷ lệ sách, tài liệu cũ còn quá nhiều; công tác biên soạn giáo trình nội bộ chưa được chú trọng và việc số hóa giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và sách tham khảo tiến hành còn chậm, chưa đúng theo tiến độ của phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2022.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

- Phòng Tổ chức Hành chánh được phân công quản lý các bộ phận y tế, bộ phận chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường; Trường đã thành lập thêm các đơn vị đặc thù như Đại đội Pháo phòng không, Đội phòng cháy chữa cháy, Đội dân quân tự vệ, Đội thanh niên xung kích để đảm bảo công tác an toàn, sức khỏe cho CB, GV, NV và SV.

- Trường đã xây dựng nhiều đề án, kế hoạch đầu tư thiết bị PCCC, nâng cấp cảnh quan, sửa chữa các khu vệ sinh, đường thoát nước, lắp đặt camera giám sát... Phòng KH-TC có dự toán và báo cáo quyết toán hằng năm và có bảng thống kê nhu cầu kinh phí 05 năm giai đoạn 2018-2022.

- Các kế hoạch đầu tư, cải tiến đã được Trường triển khai như: dự án sửa chữa CSVN, nâng cấp hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh, đầu tư mới hệ thống PCCC, lắp đặt camera giám sát, hệ thống bồn rửa tay sát khuẩn, trang bị máy đo thân nhiệt. Phòng TC-HC có tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, phun thuốc sát khuẩn phòng học, KTX, các phòng làm việc, định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho SV, VC, NLD.

- Trường thường có tổ chức đối thoại giữa BGH với người học; Tổ ĐBCLGD đều có tổ chức lấy ý kiến NH, CB, GV về chất lượng các hoạt động trong Trường, trong đó có nội dung về môi trường, sức khỏe.

- Các dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn được các đơn vị phụ trách trực tiếp lưu trữ. Việc đầu tư môi trường, sức khỏe và sự an toàn chung cho toàn thể CB, GV, NH có nhiều cải tiến quan trọng, về cơ bản đáp ứng với tình hình thực tế tại đơn vị.

- Tuy nhiên, do nguyên nhân khách quan, Trường chưa có khả năng đầu tư các công trình, hạng mục phục vụ cho những NH có nhu cầu đặc biệt.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Điểm mạnh:

- Trường có các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được cụ thể trong “Kế hoạch chiến lược 2021-2025 TN đến 2030” để định hướng phát triển các nguồn tài chính hợp pháp. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, thống nhất trong toàn Trường thông qua “Quy chế chi tiêu nội bộ” và các quy định khác. Các nguồn tài chính được công khai tại Hội nghị CCVC hằng năm, được giám sát, đánh giá bởi các đơn vị chức năng.

- CSVN, phương tiện dạy và học, các PTN, thiết bị của Trường từng bước được đầu tư cải tiến, nâng cấp.

- Trường hiện đang có các hệ thống CNTT phục vụ công tác ĐT, NCKH và quản lý. Hệ thống băng thông, đường truyền từng bước được nâng cấp; hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ và các phần mềm quản lý chuyên dụng được cải tiến, mua mới đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị.

- Hằng năm Trường đều dành nguồn tài chính cho việc bổ sung, cập nhật các đầu sách, tài liệu cho; đồng thời tiến hành đánh giá hiệu quả của đầu tư cho các nguồn lực học tập dựa trên việc đối chiếu các kết quả rà soát thực tế với kế hoạch đầu tư đề ra.

- Trường đã xây dựng nhiều đề án, kế hoạch đầu tư thiết bị PCCC, nâng cấp cảnh quan, sửa chữa các khu vệ sinh, đường thoát nước, lắp đặt camera giám sát... Phòng KH-TC có dự toán và báo cáo quyết toán hằng năm và có bảng thống kê nhu cầu kinh phí 05 năm giai đoạn 2018-2022.

2. Điểm tồn tại:

- Chưa có giải pháp cho chiến lược tài chính dài hạn để tạo một cơ cấu tài chính bền vững. Chưa có nguồn thu từ hoạt động KHCN.

- Thiết bị dạy học của Trường vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu và vẫn cần cải thiện.

- Hệ thống CNTT phục vụ công tác quản lý còn chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn. Công tác chuyển đổi số của Trường chỉ mới được bắt đầu.

- Tỷ lệ sách, tài liệu cũ còn quá nhiều; công tác biên soạn giáo trình nội bộ chưa được chú trọng và việc số hóa giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và sách tham khảo tiến hành còn chậm, chưa có kế hoạch.

- Trường chưa đầu tư các công trình, hạng mục phục vụ cho NH có nhu cầu đặc biệt.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cần có giải pháp cho chiến lược tài chính dài hạn để tạo một cơ cấu tài chính bền vững, tăng nguồn thu từ KHCN.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị tại phòng học đáp ứng yêu cầu của NH.
- Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện đề án Chuyển đổi số. Nâng cấp hệ thống CNTT, hệ thống wifi và tốc độ đường truyền để phục vụ tốt công tác quản lý và NH.
- Đẩy nhanh công tác số hóa giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và sách tham khảo tiến hành theo tiến độ và kế hoạch của Trường.
- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường và sự an toàn; có thực hiện cải tiến phù hợp hơn với những người có nhu cầu đặc biệt.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn	4,00
Tiêu chí 7.1	4
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	4
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	4

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

- Phòng QLKH&HTQT được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp cho BGH xây dựng chiến lược, kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác đối ngoại và phát triển của Trường; Phối hợp với các phòng TC-HC, P. ĐT, P. CTCT&QLSV thực hiện công tác đoàn vào, đoàn ra, liên kết đào tạo, mời doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu việc làm cho SV.
- Trường tổ chức hoạt động đối ngoại theo Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động HTQT, Quy chế ĐT, Quy chế hoạt động kết nối và

PVCĐ, dựa vào các qui định, hướng dẫn về quản lý hoạt động đối ngoại theo các văn bản Nhà nước.

- Có kế hoạch phát triển các thêm đối tác, chương trình liên kết đào tạo, liên kết hợp tác với doanh nghiệp. Có đánh giá hiệu quả thông qua các báo cáo kết quả của các đơn vị liên quan.

- Tuy nhiên, hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn về công tác đối ngoại chưa toàn diện. Việc phổ biến các quy định và hướng dẫn về đối ngoại đến CB và GV Trường chưa được sâu rộng.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

- Trường đã thiết lập hợp tác với 16 viện, trường, 14 sở ngành, địa phương, 9 doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và một số tổ chức quốc tế. Các hoạt động hợp tác của Trường được tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể.

- Trường đã tiếp đón các tình nguyện viên giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên trường; Chương trình trợ giảng Fulbright là một chương trình thường xuyên tại trường; Phối hợp với tổ chức Nghiên cứu Nông – Lương quốc gia Nhật Bản khảo sát thực địa tại địa phương; cử GV tham gia dự án Living Deltas Hub do ĐH Newcastle tài trợ; Tổ chức một số talk show và tập huấn với sự tham gia của một số chuyên gia quốc tế.

- Trường đã phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp trong nước để triển khai thực hiện một số đề tài, dự án khoa học gắn với phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Tổ chức thành công hơn 20 hội thảo, tọa đàm khoa học; Phối hợp với các nhà doanh nghiệp trong các hoạt động ĐT, rút ngắn khoảng cách từ giảng đường tới thực tiễn. Các hoạt động hợp tác trong PVCĐ cũng mang lại những ý nghĩa xã hội rất quan trọng.

- Trường có chủ trương phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong và ngoài nước. Hằng năm, có báo cáo, đánh giá và xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển phù hợp với TN, SM và mục tiêu phát triển của Trường.

- Tuy nhiên việc triển khai các kế hoạch cụ thể để thực hiện các thỏa thuận hợp tác (MOU) đã ký kết còn hạn chế.

- Tuy nhiên, Trường chưa có nhiều hoạt động hợp tác trao đổi học thuật, trao đổi người học.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

- Có tổng kết hoạt động hợp tác đối ngoại giai đoạn 2021–2020; xây dựng chiến lược phát triển QHĐN giai đoạn 2021–2025 và định ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

- Trường có thực hiện khảo sát, rà soát, đánh giá kết quả các văn bản thỏa thuận đã ký với các đối tác trong và ngoài nước để đánh giá tính hiệu quả, tiềm năng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác.

- Các nội dung về quan hệ đối ngoại của trường đều được tổng hợp, đánh giá trong báo cáo tổng kết từng năm học; từ năm 2022 đã tổ chức khảo sát ý kiến trong toàn thể CB, viên chức về hoạt động đối ngoại.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

- Số lượng đối tác của Trường ngày càng tăng, mạng quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng.

- Các loại hình liên kết ĐT của Trường ngày càng đa dạng. Trường đang liên kết với 4 CSGD trong khu vực tổ chức tuyển sinh ĐH hệ vừa học vừa làm, văn bằng 2, liên thông, tuyển sinh 20 ngành thạc sĩ; tổ chức được 15 khóa bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ sư phạm và nghiệp vụ kế toán cho gần 400 học viên trong và ngoài tỉnh; tổ chức hơn 20 hội thảo và tọa đàm trên nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau; tổ chức các hoạt động PVCD.

- Trường có xây dựng một số giải pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, các mạng lưới để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược.

- Tuy nhiên số lượng đối tác còn ít, chưa có chiến lược hiệu quả phát triển đối tác mới để tăng tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước. Chưa phân tích được lý do tăng số lượng các đối tác.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Điểm mạnh:

- Trường tổ chức hoạt động đối ngoại theo Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động HTQT, Quy chế ĐT, Quy chế hoạt động kết nối và PVCĐ, dựa vào các qui định, hướng dẫn về quản lý hoạt động đối ngoại theo các văn bản Nhà nước. Trường có kế hoạch phát triển các thêm đối tác, chương trình liên kết đào tạo, liên kết hợp tác với doanh nghiệp. Trường có đánh giá hiệu quả thông qua các báo cáo kết quả của các đơn vị liên quan.

- Trường đã thiết lập hợp tác với 16 viện, trường, 14 sở ngành, địa phương, 09 doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và một số tổ chức quốc tế. Các hoạt động hợp tác của Trường được tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể.

- Trường có thực hiện khảo sát, rà soát, đánh giá kết quả các văn bản thỏa thuận đã ký với các đối tác trong và ngoài nước để đánh giá tính hiệu quả, tiềm năng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác.

- Trường có xây dựng một số giải pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, các mạng lưới để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược.

2. Điểm tồn tại:

- Hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn về công tác đối ngoại chưa đầy đủ và việc phổ biến các quy định và hướng dẫn về đối ngoại đến CB và GV Trường chưa được sâu rộng.

- Việc triển khai các kế hoạch cụ thể để thực hiện các thỏa thuận hợp tác (MOU) đã ký kết còn hạn chế.

- Trường chưa có nhiều hoạt động hợp tác trao đổi học thuật, trao đổi NH.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn về công tác đối ngoại và phổ biến các quy định và hướng dẫn về đối ngoại đến toàn thể CB và GV của Trường.
- Tăng cường triển khai các kế hoạch để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết.
- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn	4,00
Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	3

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

- Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường gồm có Tổ ĐBCL cấp trường và cấp đơn vị dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng và Hội đồng ĐBCL cấp trường (gồm lãnh đạo trường và đại diện lãnh đạo các đơn vị) theo các quyết định năm 2019, 2021 và 2023. Nhiều nhân sự các tổ ĐBCL được đào tạo/bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCLGD trong và ngoài Trường. Tuy nhiên, Tổ ĐBCL cấp trường chưa được phát triển thành Phòng/Ban/Trung tâm hoặc được tích hợp với Phòng Thanh tra-Pháp chế theo Quy chế tổ chức hoạt động cập nhật của Trường.

- Trường có mạng lưới 16 tổ ĐBCL tại 16 đơn vị trực thuộc của Trường; có quy định về chức năng nhiệm vụ của Tổ ĐBCL cấp trường và các tổ ĐBCL

cấp đơn vị trong Trường, có sự phân công rõ ràng cho từng thành viên của tổ ĐBCL, có phụ cấp cho các thành viên Tổ ĐBCL theo quy chế chi tiêu nội bộ Trường được tính quy đổi từ tiết dạy. Tuy nhiên, việc phân công nhiệm vụ ở một số tổ ĐBCL cấp đơn vị chưa cụ thể và đồng bộ.

- Trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện các hoạt động ĐBCL như *Quy chế ĐBCL, Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng ĐBCL giáo dục Trường ĐHBL, Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ ĐBCL giáo dục tại các đơn vị, Nghị quyết của Đảng ủy về tăng cường hiệu quả hoạt động ĐBCL của Trường* theo PDCA, *Chính sách chất lượng của Trường ĐHBL* được ban hành vào năm 2019, *Quy định đối sánh so chuẩn chất lượng giáo dục, Sổ tay ĐBCL* được ban hành vào năm 2022.

- Các CB của tổ ĐBCL cấp trường và cấp đơn vị được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL, KĐCL, đánh giá chất lượng cấp CSGD và cấp CTĐT tại nhiều nơi như ĐHQG-HCM, Đà Nẵng, Cục QLCL... Trong đó, một số nhận sự hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ/chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL. Có 04 nhân sự có chứng chỉ đào tạo KĐV KĐCL GDDH, khoảng 700 lượt CBGV được đào tạo bồi dưỡng các nội dung liên quan đến ĐBCL cấp CSGD/CTĐT, CDIO, xây dựng KHCL..., 07 nhân sự có chứng nhận bồi dưỡng ĐBCL và KĐCL do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

- Tổ ĐBCL cấp trường xây dựng kế hoạch chiến lược ĐBCL theo giai đoạn, được lồng ghép trong chiến lược chung của Trường giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025, thúc đẩy sự tham gia của các BLQ trong công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực CB ĐBCL, xây dựng Đề án KĐCL giáo dục giai đoạn 2023-2027 thúc đẩy triển khai TĐG và ĐGN các cấp và hoàn thiện hệ thống

CSDL. Đặc biệt là Trường điều chỉnh kế hoạch theo 4 nhóm (chiến lược, hệ thống, chức năng, kết quả) từ năm học 2020-2021, phân công cho các đơn vị thực hiện theo thời gian được xác định cụ thể. Tuy nhiên, các tổ ĐBCL cấp đơn vị (phòng ban/khoa) chưa chủ động xây dựng kế hoạch ĐBCL riêng của đơn vị.

- Trường có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược qua việc bổ sung các mục hỗ trợ kinh phí, khen thưởng nhân sự tổ ĐBCL trong quy chế chi tiêu nội bộ, quy định chế độ làm việc của GV năm 2020, đầu tư kinh phí cho công tác TĐG các cấp, kinh phí cho hoạt động rà soát điều chỉnh CTĐT, cử nhân sự tham dự tập huấn, hội thảo về ĐBCL hay mời chuyên gia đến Trường tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm ĐBCL.

- Trường huy động sự tham gia tích cực và rộng rãi của các BLQ trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, họp với các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG. Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức họp giao ban định kỳ với tất cả các tổ ĐBCL để chia sẻ kinh nghiệm ĐBCL, cải tiến theo các kết quả khảo sát, đối sánh, cải thiện mức hài lòng của các BLQ.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

- Trường có xây dựng các kế hoạch về ĐBCL ngắn hạn hằng năm và dài hạn theo giai đoạn gắn với CLPT chung của Trường. Trường cũng lồng ghép hoạt động ĐBCL trong báo cáo tổng kết và phương hướng năm học chung toàn trường hằng năm, đặc biệt là đã chi tiết hóa kế hoạch ĐBCL cho giai đoạn 2019-2021. Tuy nhiên, các tổ ĐBCL chưa xây dựng các kế hoạch theo nhu cầu cải tiến riêng của đơn vị mà còn phụ thuộc vào yêu cầu chung của Trường, chủ yếu là hỗ trợ cung cấp minh chứng phục vụ công tác TĐG của Trường.

- Trường phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch hằng năm và kế hoạch giai đoạn 2019-2021, trong đó kế hoạch tập huấn về ĐBCL. Trường cũng thông báo/ phổ biến các kế hoạch khảo sát ý

kiến các BLQ đến các đơn vị phối hợp để triển khai thực hiện định kỳ theo quy trình. Tuy nhiên, việc tổ chức các buổi chia sẻ, tập huấn bởi những CB sau khi được cử tham dự các hội thảo, tập huấn về ĐBCL còn hạn chế.

- Trường triển khai, quán triệt việc thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm, bao gồm cả các hoạt động TĐG và khảo sát, dự giờ. Trường tổ chức họp, hội nghị quán triệt nội dung thực hiện TĐG và ĐGN cấp CSGD với Hội đồng TĐG và các nhóm chuyên trách, họp với từng nhóm chuyên trách để giám sát và thống nhất thực hiện, họp về so chuẩn đối sánh về các mảng hoạt động của Trường, họp Hội đồng ĐBCL điều chỉnh các quy định về ĐBCL, họp với tổ ĐBCL các khoa về TĐG CTĐT...

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

- Trường có hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình ĐBCL gồm các kế hoạch và báo cáo tổng kết về công tác TĐG CSGD và CTĐT, công tác dự giờ, khảo sát ý kiến các BLQ, số liệu công khai chất lượng, tập huấn của Trường hằng năm, các báo cáo tổng kết và phương hướng ĐBCL hằng năm học. Trường ban hành *Quy chế công tác văn thư lưu trữ* của Trường năm 2018 quy định về thể thức văn bản và quy trình quản lý, thông tin, lưu trữ, bảo quản.

- CSDL về văn bản quản lý, chính sách, hệ thống, quy định, quy trình về ĐBCL của Trường được lưu trữ có hệ thống, cập nhật định kỳ tại các đơn vị chức năng và trên trang thông tin điện tử của Trường/Tổ ĐBCL các đơn vị giúp cho việc truy cập, tiếp cận thông tin dễ dàng, thuận tiện.

- Trường có rà soát hệ thống văn bản, quy định, quy trình, công cụ ĐBCL hằng năm hoặc 2-3 năm/lần như các mẫu phiếu khảo sát, quyết định thành lập tổ ĐBCL,... qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, họp với BGH và các lãnh đạo đơn vị. Tuy nhiên, Trường chưa rà soát các văn bản mới xây dựng gần đây như chính sách ĐBCL và chưa lấy ý kiến rộng rãi các BLQ trong quá trình rà soát.

- Trường phổ biến cho các BLQ trong trường về các chính sách ĐBCL, cơ cấu hệ thống, quy trình và văn bản hướng dẫn ĐBCL trên trang điện tử của Trường và Tổ ĐBCLGD, qua các phương tiện email, Zalo....

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

- Trường có xác định một số chỉ tiêu phân đầu chính để đánh giá kết quả công tác ĐBCL trong KHCL Trường giai đoạn 2011-2020 gồm các chỉ tiêu phân đầu về phát triển nhân lực, CSVN và định hướng bộ máy tổ chức dự kiến cho năm 2012, 2015 và 2020; các chỉ số trong KHCL giai đoạn 2021-2025, TN liên quan đến hoạt động ĐT, NCKH và nguồn lực. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng bộ chỉ số KPIs cụ thể trong các kế hoạch ĐBCL và phương hướng nhiệm vụ hằng năm học nên các báo cáo tổng kết còn khá chung chung.

- Trường có sử dụng danh mục các nội dung/yêu cầu cải tiến giai đoạn 2019-2021 và mục tiêu KHCL 2010-2020 để đánh giá kết quả thực hiện công tác ĐBCL; báo cáo tổng kết, thống kê kết quả hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục theo kế hoạch giai đoạn 2019-2021, trong đó có xác định mức độ % hoàn thành các công việc thuộc 4 nhóm ĐBCL theo bộ tiêu chuẩn KĐCL CSGD. Tuy nhiên, Trường chưa sử dụng các logframe theo năm với các chỉ số dự kiến được lượng hóa về ĐT, NCKH và PVCD theo nhu cầu và đặc thù của Trường.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

- Trường có rà soát và cải tiến cách thức xây dựng các kế hoạch hoạt động theo CLPT Trường như rà soát, điều chỉnh các bảng phân công nhiệm vụ theo từng nội dung công việc với các mốc thời gian dưới sự chỉ đạo của BGH, Hội đồng ĐBCL và điều phối của Tổ ĐBCL cấp trường. Tuy nhiên, Trường

chưa xây dựng cụ thể và văn bản hóa quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong chu kỳ đánh giá.

- Trường có rà soát và cải tiến và một số chỉ tiêu phấn đấu chính đa dạng hơn để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL giai đoạn 2021-2025, TN 2030 so với các chỉ tiêu trong chiến lược Trường giai đoạn 2010-2020. Tuy nhiên, Trường chưa làm rõ cơ sở điều chỉnh các chỉ tiêu này; chưa sử dụng và cải tiến đồng bộ hệ thống KPIs, chỉ tiêu phấn đấu thực hiện chiến lược một cách cụ thể để dễ đo lường mức độ đạt được; chưa có sự nhất quán về các KPIs trong KHCL theo giai đoạn và trong các kế hoạch ĐBCL hằng năm và chưa đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo KPIs, đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu trong KHCL.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Điểm mạnh:

- Trường thiết lập và vận hành mạng lưới các tổ ĐBCL tích cực, có sự phân công rõ ràng cho từng thành viên với hệ thống các quy định, hướng dẫn về ĐBCL phù hợp, tổ chức và cử nhiều lượt nhân sự tham dự các khóa/lớp đào tạo bồi dưỡng về ĐBCL và KĐCL, có chính sách khen thưởng hỗ trợ nhân sự ĐBCL.

- Trường xây dựng, quán triệt triển khai và báo cáo kết quả các hoạt động ĐBCL theo các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ đều đặn hằng năm, đặc biệt là tổng kết giai đoạn 2019-2021 thông qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, hội nghị tổng kết.

- Trường xây dựng, rà soát, cập nhật cải tiến và phổ biến hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình ĐBCL gồm các kế hoạch và báo cáo tổng kết về TĐG, khảo sát, công khai chất lượng.

2. Điểm tồn tại:

- Cơ cấu bộ máy của Tổ ĐBCL cấp trường chưa được hoàn thiện. Các tổ ĐBCL cấp đơn vị (phòng/trung tâm/khoa) chưa chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL, kế hoạch cải tiến riêng của đơn vị.

- Trường chưa tổ chức họp giao ban định kỳ với tất cả các tổ ĐBCL để chia sẻ kinh nghiệm ĐBCL, cải tiến theo các kết quả khảo sát, đối sánh, cải thiện mức hài lòng của các BLQ, cải thiện CTĐT, chia sẻ kinh nghiệm sau khi tham dự các hội thảo, tập huấn về ĐBCL... chưa lấy ý kiến rộng rãi các BLQ trong quá trình rà soát các quy định, quy trình về ĐBCL Trường.

- Trường chưa cải tiến đồng bộ hệ thống KPIs, chỉ tiêu phấn đấu thực hiện chiến lược một cách cụ thể để dễ đo lường mức độ đạt được; chưa có sự nhất quán về các KPIs trong KHCL theo giai đoạn và trong các kế hoạch ĐBCL hằng năm và chưa đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo KPIs, đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu trong KHCL.

- Trường chưa xây dựng cụ thể và văn bản hóa quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong chu kỳ đánh giá.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cơ cấu bộ máy của Tổ ĐBCL cấp trường cần được hoàn thiện. Các tổ ĐBCL cấp đơn vị (phòng/trung tâm/khoa) cần chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL, kế hoạch cải tiến riêng của đơn vị

- Trường cần tổ chức họp giao ban định kỳ với tất cả các tổ ĐBCL để chia sẻ kinh nghiệm ĐBCL, cải tiến theo các kết quả khảo sát, đối sánh, cải thiện mức hài lòng của các BLQ, cải thiện CTĐT, chia sẻ kinh nghiệm sau khi tham dự các hội thảo, tập huấn về ĐBCL... lấy ý kiến rộng rãi các BLQ trong quá trình rà soát các quy định, quy trình về ĐBCL Trường.

- Trường cần cải tiến đồng bộ hệ thống KPIs, chỉ tiêu phấn đấu thực hiện chiến lược một cách cụ thể để dễ đo lường mức độ đạt được; cần có sự nhất quán về các KPIs trong KHCL theo giai đoạn và trong các kế hoạch ĐBCL hằng năm và đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo KPIs, đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu trong KHCL.

- Trường cần xây dựng cụ thể và văn bản hóa quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong chu kỳ đánh giá.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	3,83
Tiêu chí 9.1	4
Tiêu chí 9.2	4
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	3

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

- Từ năm học 2018-2019 đến nay, hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch/phương hướng nhiệm vụ công tác ĐBCLGD, trong đó có xác định nhiệm vụ KĐCLGD cấp CSGD theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, xây dựng lộ trình và kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN CSGD dự kiến vào năm 2020, sau đó được điều chỉnh vào năm 2022-2023. Từ năm học 2019-2020, Trường bắt đầu bổ sung kế hoạch TĐG 5 CTĐT ở 4 khoa và dự kiến đến năm 2022 sẽ có ít nhất 2 CTĐT được ĐGN và đạt chuẩn chất lượng. Tuy nhiên, Trường đã phải điều chỉnh kế hoạch đăng ký ĐGN các CTĐT đến giai đoạn 2023-2027.

- Trường có sử dụng các hướng dẫn theo đúng các quy định, quy trình, biểu mẫu của Cục QLCL, BGD&ĐT (theo CV 766/QLCL-KĐCLGD năm 2018) trong việc thực hiện TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN cấp CSGD, phổ biến cho các BLQ trong Trường, có các slide hướng dẫn cho các nhóm chuyên trách thu thập minh chứng, hướng dẫn sử dụng các phiếu phân tích tiêu chí, Master plan... trao đổi thông tin với các nhóm qua email và các phương tiện khác. Trường cũng sử dụng CV2085/QLCL-QLCLGD của BGD&ĐT để hướng dẫn

các khoa thực hiện TĐG cấp CTĐT. Tuy nhiên, chưa có nhiều hoạt động tư vấn, giám sát, tập huấn chuyên sâu về TĐG cấp CTĐT ở các khoa để cải thiện các báo cáo TĐG.

- Trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và các cá nhân liên quan trong các tổ ĐBCL, nhóm chuyên trách TĐG để thực hiện và giám sát thực hiện TĐG theo chức năng, nhiệm vụ các thành viên trong Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm chuyên trách TĐG CSGD và CTĐT được ban hành, điều chỉnh, cập nhật vào năm 2019 và 2022.

- Trường thực hiện các bước chuẩn bị cho hoạt động TĐG và ĐGN CSGD theo kế hoạch cập nhật năm 2022 với đầy đủ các loại văn bản thực hiện TĐG và đăng ký ĐGN theo quy định, có *Hội nghị tổng kết hoạt động TĐG cấp CSGD và triển khai kế hoạch ĐGN năm 2023*. Tuy nhiên, hoạt động TĐG các CTĐT còn chậm và Trường chưa triển khai được kế hoạch đăng ký ĐGN các CTĐT.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

- Trường đã thực hiện TĐG CSGD vào năm 2019 và 2022 theo quy định, đồng thời thực hiện TĐG 5 CTĐT của 4 khoa trực thuộc Trường vào năm 2019. Trường chính thức xây dựng kế hoạch ĐGN và đăng ký ĐGN CSGD vào năm 2022 với TTKĐCLGD, ĐHQG-HCM gồm các chuyên gia độc lập.

- Trường đã cử 4 CB tham gia khóa đào tạo KĐV KĐCLGD tại TTKĐCLGD, ĐHQG-HCM và 4 CB này đều đạt chứng chỉ kiểm định viên KĐCL GDĐH. Tất cả các CB trong Hội đồng TĐG CSGD và CTĐT của Trường đều đã tham dự ít nhất một đợt/khóa/buổi tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD, TĐG trong và ngoài trường (tại ĐHQG-HCM hoặc mời các chuyên gia từ ĐHQG-HCM, Trường ĐH Tôn Đức Thắng và Trường ĐH Trà Vinh đến trường tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho các CB Trường và các khoa).

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

- Trường có xác định, phân tích các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động trong các cuộc họp Hội đồng ĐBCL của Trường và các nhóm chuyên trách qua quá trình TĐG và nêu rõ trong các báo cáo TĐG cấp CSGD và cấp CTĐT.

- Trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động khả thi và phù hợp để khắc phục các tồn tại phát hiện qua quá trình TĐG và được nêu trong báo cáo TĐG. Trường cũng thống nhất kế hoạch thực hiện qua các cuộc họp Hội đồng ĐBCL, nhóm chuyên trách, họp với lãnh đạo Trường phổ biến bản kế hoạch cải tiến chính thức đến các đơn vị liên quan trong toàn trường. Tuy nhiên, các cuộc họp thảo luận về các kế hoạch cải tiến chưa đồng bộ ở tất cả các khoa trong trường.

- Trường có thực hiện báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau TĐG, *đặc biệt là Báo cáo tổng kết hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2021*, trong đó có thống kê cụ thể mức độ và số lượng các hoạt động cải tiến theo từng nội dung TĐG. Tuy nhiên, phần lớn các hoạt động cải tiến tập trung vào việc xây dựng các văn bản phục vụ minh chứng, thông tin cho các báo cáo TĐG.

- Trường mới triển khai ĐGN lần đầu tiên (chu kỳ 1) nên chưa xác định được các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động và khuyến nghị cải tiến chất lượng theo kết quả ĐGN chính thức. Tuy vậy, Trường có mời các chuyên gia đến từ các trường ĐH bên ngoài thẩm định và đến Trường trực tiếp để góp ý cho Trường thực hiện cải tiến, khắc phục các tồn tại theo kết quả TĐG của Trường và các khoa.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

- Trường có thực hiện rà soát, đánh giá quá trình và cách thức vận hành TĐG như rà soát, điều chỉnh kế hoạch TĐG trong năm 2022 thông qua các cuộc họp hội đồng TĐG và Hội đồng ĐBCL.

- Trường sử dụng Quy trình TĐG CSGD theo PDCA theo hướng dẫn trong CV 766/QLCL-KĐCLGD và Quy trình TĐG cấp CTĐT theo hướng dẫn trong CV 2085/QLCL-KĐCLGD của BGD&ĐT gồm 6 bước. Trường cũng điều chỉnh, bổ sung nhân sự và nhiệm vụ của thành viên trong hội đồng TĐG theo tình hình nhân sự mới của Trường, phù hợp với chức năng các đơn vị. Tuy nhiên, Trường chỉ mới đề cập đến việc thực hiện quy trình TĐG trong Quy chế ĐBCL theo hướng dẫn trong các công văn của Cục QLCL, BGD&ĐT, chưa cụ thể hóa và văn bản hóa quy trình theo bối cảnh của trường, chưa triển khai rà soát, đánh giá quy trình này

- Trường có xây dựng quy trình cải tiến sau ĐGN vào năm 2020, rà soát việc phân công trách nhiệm, các bước chuẩn bị, lập kế hoạch cải tiến căn cứ vào kết quả TĐG và ĐGN, báo cáo việc thực hiện cải tiến qua cuộc họp hội đồng ĐBCL.

- Trường có điều chỉnh phân công các nhiệm vụ, bổ sung các minh chứng chuẩn bị cho ĐGN. Tuy nhiên, Trường chưa cụ thể hóa và tích hợp các bước chuẩn bị ĐGN vào quy trình cải tiến sau đánh giá trong quy trình QT.ĐBCL-CTCL-11 năm 2020 hoặc xây dựng riêng quy trình chuẩn bị cho ĐGN các cấp.

- Trường có tổ chức họp Tổ ĐBCLGD với Hiệu trưởng năm 2021 và *Hội nghị tổng kết hoạt động TĐG cấp CSGD và triển khai kế hoạch ĐGN năm 2023* nhằm đúc kết chia sẻ kinh nghiệm về thành quả và hạn chế trong công tác ĐBCL, KĐCLGD, có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng. Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức sâu rộng các cuộc họp giao ban chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ ĐBCL, tổ TĐG của các đơn vị trong toàn Trường, nhất là TĐG cấp CTĐT.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Điểm mạnh:

- Trường triển khai kế hoạch TĐG cấp CSGD và 5 CTĐT ở tất cả các khoa trong toàn trường, huy động sự tham gia của các tổ ĐBCL và Hội đồng ĐBCL; đăng ký ĐGN cấp CSGD và xây dựng lộ trình ĐGN cấp CTĐT trong Đề án KĐCL giai đoạn 2023-2027.
- 4 CB của Trường đạt chứng chỉ kiểm định viên KĐCL GDĐH và tất cả các CB trong Hội đồng TĐG cấp CSGD và cấp CTĐT của Trường đều đã tham dự tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD, TĐG.
- Trường có xác định, phân tích các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động trong các cuộc họp Hội đồng ĐBCL của Trường, triển khai kế hoạch hành động khả thi và phù hợp để khắc phục các tồn tại phát hiện qua quá trình TĐG.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa thực hiện TĐG đồng bộ các CTĐT ở các khoa, chưa có nhiều hoạt động tư vấn, giám sát, tập huấn chuyên sâu về TĐG cấp CTĐT ở các khoa để cải thiện các báo cáo TĐG và triển khai ĐGN các CTĐT, chưa giám sát và tư vấn hiệu quả các hoạt động cải tiến sau TĐG ở các tổ ĐBCL thuộc các khoa.
- Trường chưa cụ thể hóa quy trình TĐG theo hướng dẫn trong các công văn của Cục QLCL, BGD&ĐT theo bối cảnh của trường và văn bản hóa quy trình này, chưa triển khai rà soát, đánh giá quy trình này.
- Trường chưa cụ thể hóa và tích hợp các bước chuẩn bị ĐGN vào quy trình cải tiến sau ĐGN hoặc xây dựng riêng quy trình chuẩn bị ĐGN, chưa tổ chức sâu rộng các cuộc họp giao ban chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ ĐBCL, tổ TĐG của các đơn vị trong toàn Trường, nhất là TĐG cấp CTĐT

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Trường cần thực hiện TĐG đồng bộ các CTĐT ở các khoa, tư vấn, giám sát, tập huấn chuyên sâu về TĐG cấp CTĐT ở các khoa để cải thiện các

báo cáo TĐG, và đẩy mạnh việc triển khai ĐGN các CTĐT, giám sát hiệu quả các hoạt động cải tiến sau TĐG ở các tổ ĐBCL thuộc các khoa.

- Trường cần cụ thể hóa quy trình TĐG theo hướng dẫn trong các công văn của Cục QLCL, BGD&ĐT theo bối cảnh của trường và văn bản hóa quy trình này, định kỳ triển khai rà soát, đánh giá quy trình này.

- Trường cần cụ thể hóa và tích hợp các bước chuẩn bị ĐGN vào quy trình cải tiến sau ĐGN hoặc xây dựng riêng quy trình chuẩn bị ĐGN, tổ chức sâu rộng các cuộc họp giao ban chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ ĐBCL, tổ TĐG của các đơn vị trong toàn Trường, nhất là TĐG cấp CTĐT.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>3,75</i>
Tiêu chí 10.1	4
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	3

Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

- Trường có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường theo chức năng, nhiệm vụ của Tổ ĐBCL cấp trường, Trung tâm quản lý hệ thống thông tin và Thư viện thông qua Nghị quyết của HĐT bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường. Tổ ĐBCL cấp trường xây dựng các kế hoạch thực hiện quản lý thông tin, minh chứng, dữ liệu hằng năm theo các quy định và quy trình khảo sát, đánh giá chất lượng cấp CSGD và CTĐT.

- Trường có Quyết định thành lập *Tổ quản trị hệ thống thông tin và mạng máy tính Trường* năm 2017, Quyết định giao bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm

Thông tin-Thư viện vào năm 2022 về phụ trách xây dựng quản lý hệ thống thông tin của Trường, hỗ trợ các đơn vị trong trường trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường. Đồng thời, theo *Quy chế tổ chức và hoạt động* của Trường, *Quy chế ĐBCL* của Trường, Tổ ĐBCL Trường thu thập, xử lý, báo cáo kết quả khảo sát ý kiến, đánh giá từ các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các tổ ĐBCLGD cũng xác định nhiệm vụ xây dựng CSDL cho các hoạt động ĐBCL,... Tuy nhiên, Trường chưa có văn bản làm rõ hoạt động phối hợp của các phòng ban, tổ ĐBCL các cấp với Trung tâm thông tin-Thư viện trong việc quản lý CSDL liên quan ĐBCL.

- Trường có ứng dụng CNTT trong việc phát triển hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường, nhất là thông quan Dự án *Xây dựng hệ thống quản trị số* đã được UBND Tỉnh Bạc Liêu phê duyệt chủ trương vào năm 2022, đang tiến hành chọn thầu cho các gói hệ thống quản trị số. Trường cũng nghiệm thu đề tài NCKH *Xây dựng phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác ĐBCL và KĐCL tại Trường ĐH Bạc Liêu*, nâng cấp các phần mềm quản lý đào tạo. Tuy nhiên, Trường chưa có kế hoạch chi tiết cụ thể về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL mang tính tích hợp cũng như chuẩn bị đội ngũ triển khai.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường bao gồm các phần mềm hỗ trợ khảo sát, thống kê giúp Trường ra quyết định điều chỉnh, cải tiến các hoạt động và CTĐT, phục vụ NH, đưa ra các đề xuất cải tiến theo kết quả khảo sát, thống kê, đánh giá, điều tra và đối sánh năm 2022. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng các phần mềm tích hợp hỗ trợ việc truy xuất, đối sánh các dữ liệu khảo sát, thống kê, đánh giá giữa các đơn vị và giữa các năm theo

giai đoạn một cách nhanh chóng, thuận tiện, trực quan để hỗ trợ ra quyết định dễ dàng và hiệu quả.

- CSDL của hệ thống ĐBCL bên trong như các thông tin, dữ liệu về khảo sát, điều tra, tự đánh giá CSGD/CTĐT, thảo luận được phân tích qua các báo cáo, biên bản với bảng biểu thống kê, đối sánh khá phù hợp và đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động, hỗ trợ đưa ra các kết luận, đề xuất nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, các dữ liệu đối sánh, tổng hợp giữa các đơn vị chỉ mới được phân tích trong các báo cáo trong 1-2 năm gần đây và chưa đa dạng.

- CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường về khảo sát, thống kê, nguồn lực và kết quả hoạt động của Trường được lưu trữ tương đối rõ ràng, có hệ thống, đầy đủ theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và giúp trích xuất phục vụ báo cáo, thống kê, làm minh chứng chất lượng, phục vụ báo cáo 3 công khai trong giai đoạn đánh giá.

- Trường có triển khai một số biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong như quy định yêu cầu Tổ ĐBCL bảo quản, lưu trữ các kết quả khảo sát, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc lưu trữ, bảo mật hồ sơ, dữ liệu khảo sát gốc; CB được giao nhiệm vụ liên quan khảo sát có trách nhiệm bảo mật kết quả khảo sát, thông tin phản hồi từ các BLQ được lồng ghép trong quy định trường theo Quy chế ĐBCL của Trường, quy định về bảo mật thông tin đối sánh. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng riêng quy định chi tiết về việc đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đối với tất cả các thông tin dữ liệu của Trường.

- Các chính sách, quy định bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin về ĐBCL bên trong, các quy trình về khảo sát, quy định về so chuẩn-đối sánh trong nhóm quy định về ĐBCL được thông báo cho tất cả các CB, GV, nhân viên của Trường được công bố đầy đủ trên website trường, sổ tay ĐBCL và qua các cuộc họp. Tuy nhiên, chưa có nhiều cuộc họp/tọa đàm phổ biến sâu rộng quy định bảo mật, an toàn dữ liệu, quy định SHTT cho các đơn vị và các tổ ĐBCL trong toàn trường.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

- Trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm rà soát việc phân công nhân sự quản lý hệ thống thông tin ở các đơn vị chức năng và tổ ĐBCL, báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng các phần mềm, thực hiện công văn đề xuất bổ sung phân hệ quản lý, rà soát các mẫu phiếu khảo sát ý kiến các BLQ,... Tuy nhiên, Trường chưa cập nhật quy định về khảo sát và dự giờ

- Trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự nhất quán của các công cụ và dữ liệu khảo sát ý kiến các BLQ, các biên bản thực hiện các hoạt động, các loại báo cáo, thống kê; có sử dụng các ổ cứng dự phòng và hệ thống drive lưu trữ dữ liệu. Tuy nhiên, việc rà soát này chưa được triển khai đều đặn hằng năm và chưa đồng bộ ở tất cả các đơn vị, các tổ ĐBCL trong Trường.

- Trường có thu thập ý kiến về thực trạng và nhu cầu nâng cấp cũng như sử dụng các ý kiến phản hồi này của từng đơn vị trong Trường qua các cuộc họp thảo luận và các bản báo cáo, đánh giá và đề xuất từ Phòng Đào tạo, CTCT-QLSV, TCCB, các khoa để bổ sung, cập nhật, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL liên quan đến nhiều mảng hoạt động của Trường từ đầu vào, đến quá trình và đầu ra, trong đó có đề xuất tăng cường tập huấn sử dụng các phần mềm.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cải tiến một phần trong giai đoạn đánh giá, khắc phục các lỗi phát sinh theo các hợp đồng bảo trì với nhà cung cấp, ký hợp đồng nâng cấp, bổ sung các phân hệ quản lý/gói chức năng trong hoạt động đào tạo, thành lập ban quản trị hệ thống, cải tiến các trang thông tin điện tử, cải tiến/bổ sung một số biểu mẫu báo cáo, thống

kê, khảo sát... Tuy nhiên, do chưa thiết lập hệ thống quản lý thông tin tích hợp và chưa triển khai đề án chuyển đổi số nên việc quản lý còn manh mún và chưa hiệu quả.

- Các chính sách, nội dung quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cải tiến một phần qua Đề án chuyển đổi số. Tuy nhiên, chính sách, chủ trương đầu tư cho dự án chuyển đổi số chỉ mới được phê duyệt, chưa được triển khai. Trường chưa xây dựng các quy trình tổng thể về quản lý các loại thông tin ĐBCL bên trong của Trường đối với đơn vị đầu mối (Trung tâm thông tin-Thư viện)

- Các thông tin ĐBCL bên trong, các biên bản họp, phân tích kết quả đánh giá thực trạng hệ thống thông tin, thực trạng các hoạt động của Trường được Trường sử dụng để hỗ trợ cải tiến hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ NH. Tuy nhiên, thực trạng mức độ cải tiến các hoạt động và CTĐT, NCKH thể hiện trong các báo cáo TĐG của Trường cho thấy còn chậm và việc sử dụng các thông tin, dữ liệu ĐBCL, nhất là dữ liệu đối sánh để cải tiến còn khá hạn chế.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Điểm mạnh:

- Tổ ĐBCL cấp trường, Trung tâm quản lý hệ thống thông tin và Thư viện thu thập, xử lý, báo cáo kết quả khảo sát ý kiến, đánh giá, thống kê, báo cáo, ... nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trường xây dựng, cập nhật, lưu trữ và bảo quản CSDL khảo sát ý kiến các BLQ, các dữ liệu thống kê, điều tra, báo cáo 3 công khai, minh chứng TĐG định kỳ.

- Trường rà soát việc phân công nhân sự quản lý hệ thống thông tin ở các đơn vị chức năng và tổ ĐBCL, báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng các phần mềm, thực hiện công văn đề xuất bổ sung phân hệ quản lý, rà soát các mẫu phiếu khảo sát ý kiến các BLQ, họp thảo luận với các đơn vị để bổ sung, cập nhật, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL.

- Trường cũng nâng cấp, bổ sung các gói chức năng còn thiếu trong hoạt động đào tạo, thành lập ban quản trị hệ thống, bổ sung phân hệ quản lý thông

tin.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa có văn bản làm rõ hoạt động phối hợp của các phòng ban, tổ ĐBCL các cấp với Trung tâm thông tin-Thư viện trong việc quản lý CSDL liên quan ĐBCL.
- Trường chưa triển khai được đề án chuyển đổi số, việc ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin ĐBCL chưa mang tính tích hợp và đa dạng nhằm hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và thuận tiện.
- Trường chưa xây dựng riêng quy định chi tiết về việc đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đối với tất cả các thông tin dữ liệu của Trường.
- Trường chưa xây dựng các quy trình tổng thể về quản lý các loại thông tin ĐBCL bên trong của Trường đối với đơn vị đầu mối (TTTT-TV), chưa thực hiện đồng bộ và sử dụng hiệu quả các dữ liệu khảo sát, đối sánh qua các năm và giữa các đơn vị để cải tiến các hoạt động của Trường.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Trường cần có văn bản làm rõ hoạt động phối hợp của các phòng ban, tổ ĐBCL các cấp với Trung tâm thông tin-Thư viện trong việc quản lý CSDL liên quan ĐBCL.
- Trường cần có biện pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai được đề án chuyển đổi số, đa dạng hóa việc ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin ĐBCL theo hướng tích hợp nhằm hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và thuận tiện.
- Trường cần xây dựng riêng quy định chi tiết về việc đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đối với tất cả các thông tin dữ liệu của Trường.
- Trường cần xây dựng các quy trình tổng thể về quản lý các loại thông tin ĐBCL bên trong của Trường đối với đơn vị đầu mối (TTTT-TV), thực hiện đồng bộ và sử dụng hiệu quả các dữ liệu khảo sát, đối sánh qua các năm và giữa các đơn vị để cải tiến các hoạt động của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	4
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	3

Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Trường có xây dựng các kế hoạch nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường, được thể hiện trong các báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ chung của trường và riêng về hoạt động ĐBCL hằng năm, trong kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2019-2021, kế hoạch cải tiến KHCN 2021-2025. Trường triển khai các chính sách cam kết đầu tư cho hoạt động ĐBCL qua việc cải tiến quy chế chi tiêu nội bộ, cải tiến hệ thống, quy định, quy trình để phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, mở ngành đào tạo mới. Tuy nhiên, Trường chưa có kế hoạch cải tiến hoạt động đào tạo theo xu hướng số hóa, liên ngành.

- Kế hoạch ĐBCL, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường được xây dựng và triển khai liên tục hằng năm với các mốc thời gian cụ thể trong giai đoạn đánh giá. Tuy nhiên, Trường chưa xác định rõ ràng, đầy đủ các chỉ tiêu/KPIs cụ thể về cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trong các kế hoạch nâng cao chất lượng. Trường còn hạn chế về nhân sự tư vấn giám sát cải tiến ở các khoa nên kết quả cải tiến CTĐT chưa đồng bộ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

- Trường có xác định một số tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh như các trường ĐH công lập trong nước (ưu tiên các trường đã được kiểm định) và khu vực ASEAN, có sự tương đồng về địa lý, quy mô GV và NH, trình độ và ngành đào tạo, sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh nhưng khuyến khích chọn lựa các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo (theo Điều 4 và Điều 6 trong Quy định đối sánh so chuẩn của Trường). Tuy nhiên, Trường chưa xác định mở rộng việc chọn lựa các đối tác, các trường ĐH khác để đối sánh, chưa lập danh sách các đối tác trong nước, quốc tế để xem xét đối sánh.

- Trường có xác định khá rõ ràng nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng trong các phiếu thu thập thông tin đối sánh trong và ngoài trường và Quy định so chuẩn đối sánh của Trường theo các tiêu chí được nêu trong các quy định liên quan như quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT, các bộ tiêu chuẩn KĐCL cấp CSGD và CTĐT liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Trường có kế hoạch, thông báo và quy định hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường bao gồm kế hoạch đối sánh chất lượng năm 2022 và 2023 kèm theo phiếu thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài, Quy định đối sánh so chuẩn của Trường năm 2022, Sổ tay ĐBCL; các thông báo điều chỉnh CTĐT có hướng dẫn/yêu cầu đối sánh CTĐT.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Trường thực hiện việc so chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT theo các hướng dẫn của Cục QLCL, BGD&ĐT, đối sánh chất lượng về đào tạo giữa 4 khoa trực thuộc Trường về đội ngũ, hoạt động và kết quả đào tạo, NCKH và PVCĐ, đối sánh một số nội dung trong 3 mảng

hoạt động này với Trường ĐH Tiền Giang trong năm 2022. Tuy nhiên, Trường chưa đối sánh đầy đủ tất cả các CTĐT của các khoa trong trường; chưa đối sánh với nhiều trường ĐH khác ngoài Trường ĐH Tiền Giang.

- Trường có sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh chất lượng để tăng cường các hoạt động ĐBCL như cải tiến CTĐT, hoạt động hỗ trợ NH.... Tuy nhiên, Trường chưa làm rõ việc sử dụng cụ thể ở nhiều mảng hoạt động khác, nhất là hoạt động tuyển sinh, đổi mới sáng tạo trong NCKH, chưa xem xét tham khảo các thông tin trên mục 3 công khai của các trường ĐH để đối sánh.

- Trường có sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh để khuyến khích một phần đổi mới, sáng tạo trong NCKH, thúc đẩy GV và NH NCKH, công bố sau đối sánh với Trường ĐH Tiền Giang nhưng chưa xây dựng các kế hoạch/dự án cải tiến cụ thể sau đối sánh.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

- Trường có rà soát quy trình so chuẩn chất lượng CSGD theo các thông tư mới của Cục QLCL, BGD&ĐT, tích hợp yêu cầu đối sánh trong các bước xây dựng và cải tiến CTĐT (cùng trình độ, chuyên ngành) trong Quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Trường năm 2022. Tuy nhiên, Trường chưa văn bản hóa rõ bước thực hiện việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng khi chọn Trường ĐH Tiền Giang để đối sánh trong bảng kết quả đối sánh năm 2022.

- Trường có tham chiếu bộ tiêu chuẩn KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT của BGD&ĐT, tham chiếu các tiêu chí đối sánh của 3 trường ĐH trong nước khi lựa chọn, xác định hình thức, nội dung và đối tác đối sánh. Trong đó có xác định nội dung đối sánh CTĐT trong Quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Trường năm 2022, nội dung đối sánh theo Điều 5 trong Quy định đối sánh, so chuẩn của Trường ban hành năm 2022. Tuy nhiên, Trường chưa lấy ý kiến các BLQ và họp rút kinh nghiệm khi xây dựng, rà soát và đánh giá quy trình này cũng như thăm dò nhu cầu đối sánh từ các đơn vị trong trường để cải tiến.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Trường chỉ mới xây dựng và ban hành Quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường vào đầu năm 2022, trong đó có Quy trình đối sánh ở Chương III và các phụ lục phiếu thông tin đã được lựa chọn để thu thập, sử dụng cho việc so chuẩn và đối sánh. Tuy nhiên, Trường chưa tách riêng quy trình lựa chọn, sử dụng các đối tác, thông tin so chuẩn và đối sánh (hoặc làm rõ hơn các bước này) trong Quy định so chuẩn đối sánh của Trường, Đồng thời các phiếu liệt kê nội dung để thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài chưa được cập nhật, cải tiến hằng năm trên cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng kết quả đối sánh phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD. Chưa có hội nghị/tọa đàm/họp chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đối sánh chất lượng giữa các đơn vị/các khoa trong Trường để phục vụ cải tiến chất lượng và cải tiến các quy trình liên quan đối sánh.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Điểm mạnh:

- Trường có xây dựng và triển khai các kế hoạch nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường trong giai đoạn 2019-2021, 2021-2025.

- Trường có xác định khá rõ ràng nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng trong các phiếu thu thập thông tin đối sánh trong và ngoài trường và Quy định so chuẩn đối sánh của Trường, có kế hoạch đối sánh chất lượng năm 2022 và 2023 kèm theo phiếu thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài.

- Trường thực hiện việc so chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT theo các hướng dẫn của Cục QLCL, BGD&ĐT, đối sánh chất lượng về đào tạo giữa 4 khoa trực thuộc Trường về đội ngũ, hoạt động và kết quả đào tạo, NCKH và PVCD, đối sánh một số nội dung trong 3 mảng hoạt động này với Trường ĐH Tiền Giang trong năm 2022.

- Trường có tham chiếu bộ tiêu chuẩn KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT của BGD&ĐT, tham chiếu các tiêu chí đối sánh của 3 trường ĐH khác trong nước khi lựa chọn, xác định hình thức, nội dung và đối tác đối sánh.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa xác định rõ ràng, đầy đủ các chỉ tiêu/KPIs cụ thể về cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trong các kế hoạch nâng cao chất lượng. Trường còn hạn chế về nhân sự tư vấn giám sát cải tiến ở các khoa, chưa có ban giám sát cải tiến hiệu quả.

- Trường chưa xác định mở rộng việc chọn lựa các đối tác, các trường ĐH khác để đối sánh, chưa lập danh sách các đối tác trong nước, quốc tế, chưa làm rõ cơ sở xây dựng và điều chỉnh các nội dung đối sánh. Trường chưa đối sánh đầy đủ tất cả các CTĐT của các khoa; chưa đối sánh đa dạng với các trường ĐH khác, chưa xây dựng các kế hoạch/dự án cải tiến cụ thể sau đối sánh, nhất là hoạt động tuyển sinh, đổi mới sáng tạo.

- Trường chưa thu thập, khảo sát ý kiến các BLQ và hợp rút kinh nghiệm về quy trình đối sánh so chuẩn cũng như cải tiến quy trình chọn lựa đối tác, nội dung thông tin đối sánh để cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Trường chưa cải tiến nội dung thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài. Chưa có hội nghị/tọa đàm/họp chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đối sánh chất lượng giữa các đơn vị/các khoa trong Trường để phục vụ cải tiến chất lượng và cải tiến các quy trình liên quan đối sánh.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Trường cần xác định rõ ràng, đầy đủ các chỉ tiêu/KPIs cụ thể về cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trong các kế hoạch nâng cao chất lượng, tăng cường nhân sự tư vấn giám sát cải tiến ở các khoa hoặc lập ban giám sát cải tiến.

- Trường cần xác định mở rộng việc chọn lựa các đối tác, các trường ĐH khác để đối sánh, lập danh sách các đối tác trong nước, quốc tế, làm rõ cơ sở xây dựng và điều chỉnh các nội dung đối sánh. Trường cần đối sánh đầy đủ tất cả các CTĐT của các khoa trong Trường; đối sánh đa dạng với trường ĐH khác, xây

dựng các kế hoạch/dự án cải tiến cụ thể sau đối sánh, nhất là hoạt động tuyển sinh, đổi mới sáng tạo trong NCKH.

- Trường cần thu thập, khảo sát ý kiến các BLQ và hợp rút kinh nghiệm về quy trình đối sánh so chuẩn cũng như cải tiến quy trình chọn lựa đối tác, nội dung thông tin đối sánh để cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Trường cần định kỳ cập nhật, cải tiến nội dung thu thập thông tin đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài, tổ chức hội nghị/tọa đàm/họp chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đối sánh chất lượng giữa các đơn vị/các khoa trong Trường để phục vụ cải tiến chất lượng và cải tiến các quy trình liên quan đối sánh.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>3,80</i>
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	3

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

- Trường có xây dựng và ban hành đề án Đổi mới công tác tuyển sinh giai đoạn 2021-2025 để định hướng cho hoạt động tuyển sinh của Trường.

- Chính sách tuyển sinh hằng năm được thể hiện rõ ràng trong đề án tuyển sinh và hướng dẫn tuyển sinh.

- Kế hoạch tuyển sinh bao gồm phân công trách nhiệm và xác định thời gian thực hiện cụ thể cho Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và các đơn vị có liên quan.

- Chính sách và kế hoạch tuyển sinh được xây dựng cho từng ngành của Trường.

- Có xây dựng kế hoạch truyền thông về tuyển sinh hằng năm. Việc truyền thông được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: cổng thông tin điện tử của Trường, trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, truyền thông trên các phương tiện truyền thông địa phương, ...

- Tuy nhiên, hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; hình thức truyền thông trực tuyến chưa được đẩy mạnh.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

- Hằng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh trong đó xác định các phương thức xét tuyển, tiêu chí và chỉ tiêu cho từng CTĐT.

- Các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng, các hình thức xét tuyển phù hợp và tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Các phương thức xét tuyển, tiêu chí và chỉ tiêu được truyền thông đầy đủ đến các BLQ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

- Trường phân công rõ ràng trách nhiệm và sự phối hợp của các đơn vị trong việc thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học. Trường phân công Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện việc thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh, nhập học hằng năm.

- Có quy trình thực hiện và có giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

- Hoạt động giám sát công tác tuyển sinh và nhập học của Trường bao gồm giám sát quá trình, giám sát kết quả và các hoạt động hậu kiểm.

- Tuy nhiên, quy định và quy trình kiểm tra giám sát công tác nhập học chủ yếu theo quy chế tuyển sinh và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, chưa được cụ thể hóa và tích hợp vào một văn bản của Trường.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

- Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học với các biện pháp thực hiện cụ thể. Công tác giám sát được triển khai thông qua cơ chế họp Hội đồng tuyển sinh trong suốt quá trình thực hiện đề án tuyển sinh hằng năm; có sự tham gia của Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên và Phòng Thanh tra - Pháp chế.

- Hằng năm, Trường có tổng kết về việc nhập học của các thí sinh trúng tuyển cho từng ngành, thống kê các tỷ lệ liên quan và đánh giá tổng thể kết quả tuyển sinh, làm cơ sở để lên kế hoạch tuyển sinh các năm sau.

- Tuy nhiên, Trường chưa xác định các tiêu chí giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cụ thể nên việc phân tích, đánh giá kết quả giám sát chỉ ở mức cơ bản, chưa thật sự đi vào chiều sâu.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

- Các kết quả thống kê và đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học như: nhận xét kết quả trúng tuyển, tỷ lệ trúng tuyển và nhập học trong từng phương thức xét tuyển, tinh thành của các tân SV, tỷ lệ trúng tuyển trong các tổ hợp xét tuyển được sử dụng để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và nhập học cho các năm sau.

- Trong giai đoạn đánh giá, công tác tuyển sinh của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với các ngành đào tạo. Công tác nhập học được cải tiến theo hướng thuận lợi cho NH (nộp hồ sơ trực tuyến, không cần nộp sổ hộ khẩu, v.v...).

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Điểm mạnh:

- Trường có xây dựng và ban hành đề án Đổi mới công tác tuyển sinh giai đoạn 2021-2025 để định hướng cho hoạt động tuyển sinh của Trường.
- Chính sách tuyển sinh hằng năm của Trường được thể hiện rõ ràng trong đề án tuyển sinh và các tài liệu tuyển sinh; được xây dựng cho từng ngành của Trường.
- Kế hoạch tuyển sinh bao gồm phân công trách nhiệm và xác định thời gian thực hiện cụ thể cho Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và các đơn vị có liên quan.
- Đề án tuyển sinh của Trường xác định các phương thức tuyển sinh phù hợp với tính chất của từng ngành ĐT của Trường. Các phương thức tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển được truyền thông đầy đủ đến các BLQ.
- Có quy trình thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. Hoạt động tuyển sinh và nhập học được kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả.
- Trong giai đoạn đánh giá, công tác tuyển sinh của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với các ngành đào tạo. Công tác nhập học được cải tiến theo hướng thuận lợi cho NH.

2. Điểm tồn tại:

- Hoạt động truyền thông tuyển sinh của Trường chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; hình thức truyền thông trực tuyến chưa được đẩy mạnh.

- Quy định và quy trình kiểm tra giám sát công tác nhập học chủ yếu theo quy chế tuyển sinh và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, chưa được cụ thể hóa và tích hợp vào một văn bản của Trường.

- Trường chưa xác định các tiêu chí giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cụ thể nên việc phân tích, đánh giá kết quả giám sát chỉ ở mức cơ bản, chưa thật sự đi vào chiều sâu.

- Ý kiến phản hồi của các BLQ đối với công tác tuyển sinh, nhập học chưa toàn diện, chủ yếu là tập trung vào góp ý của GV.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Đẩy mạnh truyền thông tuyển sinh ở các tỉnh lân cận dựa và tăng cường truyền thông tuyển sinh theo hình thức trực tuyến để phù hợp với học sinh thế hệ gen Z.

- Xây dựng quy định và quy trình cụ thể về kiểm tra giám sát công tác nhập học và tích hợp vào một văn bản của Trường.

- Xác định các tiêu chí giám sát công tác tuyển sinh và nhập học cụ thể để triển khai phân tích, đánh giá kết quả giám sát công tác tuyển sinh theo chiều sâu.

- Lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bên ngoài để có cơ sở cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 13.1	4
Tiêu chí 13.2	4
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

- Trường có quy định, phân công trách nhiệm cho (1) Hiệu trưởng trực tiếp điều hành, chỉ đạo công tác đào tạo xây dựng, phát triển và thẩm định các CTĐT; (2) Phòng Đào tạo tham mưu giúp BGH xây dựng định hướng phát triển ngành nghề đào tạo; (3) Hội đồng khoa học và đào tạo tư vấn cho BGH về rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

- Trường có các quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành ĐCHP, bao gồm: Quy định xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT trình độ ĐH năm 2019, 2022; Kế hoạch rà soát và cải tiến CTĐT năm 2019; Kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT năm 2022.

- Các đơn vị có kế hoạch triển khai các quy định về xây dựng, cải tiến và cập nhật CTĐT, cụ thể: Kế hoạch kiểm tra và duyệt ĐCHP, bài giảng năm 2020 (Khoa Sư phạm) Kế hoạch phân công soạn ĐCHP năm 2020; Kế hoạch xét duyệt đề cương các HP năm học 2020-2021 (Khoa CNTT); Kế hoạch biên soạn, cập nhật, duyệt đề cương và bài giảng năm học 2023-2024 (Khoa Kinh tế).

- Việc lấy ý kiến của các BLQ khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy học, ĐCHP được quy định rõ trong Quy định xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT trình độ ĐH. Trường thực hiện khảo sát các BLQ gồm NTD, NH, cựu NH, chuyên gia, GV về CDR, CTĐT, sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT...

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

- Các quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các HP được tích hợp vào quy định xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT trình độ DH năm 2019, 2022. Trường xây dựng các biểu mẫu thống nhất cho hoạt động rà soát, xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT.

- Trường thành lập các hội đồng/tổ nhóm xây dựng, điều chỉnh CĐT của CTĐT và các HP và phân công cụ thể trách nhiệm cho cá nhân/đơn vị.

- Có kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ là GV, NH, cựu NH và NTD về CDR của các ngành đào tạo DH.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

- Có quyết định ban hành đề cương các HP tương ứng với 8 CTĐT trình độ DH và 1 CTĐT trình độ cao đẳng (năm 2020); CDR và CTĐT các ngành học được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa; kế hoạch giảng dạy trong Biên chế các năm học, trong đó quy định 16 tuần thực học, 01 tuần NH tự ôn tập và 01 tuần thi (với các khoá tuyển sinh mới từ năm học 2020 - 2021).

- Trường phổ biến đề cương các HP, kế hoạch giảng dạy đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau: kế hoạch, nội dung tuần sinh hoạt công dân, chương trình đón tiếp, gặp gỡ NH mới hàng năm, phần mềm quản lý đào tạo, GV giới thiệu với NH trong buổi học đầu tiên của học kỳ; khảo sát ý kiến NH về việc giới thiệu, phổ biến đề cương HP.

- Các hoạt động dạy học trong đề cương các HP được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CDR.

- GV được tập huấn, hướng dẫn về xây dựng, rà soát CDR của CTĐT (qua phỏng vấn CB quản lý và GV).

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

- Kế hoạch cập nhật và đánh giá CTĐT (2016), quy định xây dựng và hoàn thiện CTĐT (2019), quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng (2022) được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, cập nhật các quy định của Bộ GD & ĐT dựa trên ý kiến của các BLQ.

- Trên cơ sở tham khảo, đối sánh CTĐT cùng ngành với các CSGD ĐH ở trong và ý kiến của các BLQ (NTD, GV, NH), CTĐT được rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2020 (10 CTĐT), 2021 (5 CTĐT) và 2022 (12 CTĐT).

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

- So với Kế hoạch cập nhật và đánh giá CTĐT (2016), Quy định xây dựng và hoàn thiện CTĐT (2019) thì Quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng (2022) có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt CTĐT (còn 8 bước), tích hợp tổ hợp PPDH và PP ĐG KQHT với các biểu mẫu rõ ràng. Trường còn ban hành thông báo về kế hoạch, hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT đến các đơn vị và cá nhân có liên quan; các đơn vị cụ thể hoá thành kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo đặc điểm của từng khoa chuyên môn.

- Trong giai đoạn đánh giá, CTDH và CDR của CTĐT có những cải tiến, gồm: cấu trúc, tỷ lệ giữa các khối kiến thức đảm bảo quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn của Trường; loại bỏ, đổi tên, tích hợp hay bổ sung các HP mới; nội dung CDR (2020, 2021) liên hệ với mục tiêu đào tạo; CDR của HP được xác định trên cơ sở CDR của CTĐT; xác định các hoạt động giảng dạy và học tập, PPĐG KQHT đáp ứng CDR của HP và CDR của CTĐT.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Điểm mạnh:

- Trường có các văn bản hướng dẫn việc xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học, trong đó quy định trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân/đơn vị liên quan.
- Các quy định xây dựng, rà soát CTĐT được điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và điều kiện thực tiễn của Trường; việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT và HP được thực hiện trên cơ sở tham ý kiến đóng góp của các BLQ.
- Trường thực hiện phổ biến đề cương các HP, kế hoạch giảng dạy đến NH bằng nhiều hình thức đa dạng; các hoạt động dạy học được thiết kế và thực hiện hướng tới đáp ứng CĐR của HP và CTĐT.
- Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học ít nhất 1 lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá trên cơ sở tham khảo chương trình dạy học cùng ngành của các trường ĐH ở trong nước và ý kiến của các BLQ.

2. Điểm tồn tại:

- Các văn bản và tên văn bản liên quan đến xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT (2016, 2019 và 2022); kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT đào tạo giữa các khoa trong toàn trường (Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa CNTT, Khoa Sư phạm (H14.14.01.07) chưa hoàn toàn thống nhất có thể gây khó khăn cho các BLQ khi tìm kiếm thông tin và triển khai hoạt động.
- CTĐT và HP có nhiều CĐR có thể dẫn tới các khó khăn khi đo lường việc đạt CĐR (Khoa học môi trường, Tài chính Ngân hàng, Nuôi trồng thủy sản, Ngôn ngữ Anh, Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam - 15 CĐR; CNTT - 18 CĐR, Quản trị kinh doanh - 29 CĐR, Kế toán - 42 CĐR); Phát biểu CĐR trong phần lớn các CTĐT và các HP chưa hoàn toàn đảm bảo nguyên tắc SMART; CĐR về mức tự chủ và chịu trách đang được phát biểu theo hướng CĐR về thái độ mà chưa biểu đạt rõ nội hàm “năng lực vận dụng các kiến thức, kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm” (CTĐT Công nghệ số, Tiếng Anh Du lịch, Tài chính

ngân hàng...); CTĐT chỉ có mục tiêu và chưa có CĐR (Sư phạm Toán học, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học (2022).

- Các CTĐT năm 2022 chưa xây dựng ma trận liên kết giữa mục tiêu ĐT với CĐR của CTĐT; CĐR của CTĐT với các HP (Quản trị kinh doanh, CNTT, Tài chính ngân hàng, Khoa học môi trường, Nuôi trồng thuỷ sản...).

- Cột “cách thức thực hiện” thuộc mục 4 “Kế hoạch giảng dạy chi tiết” trong mẫu viết đề cương HP chưa hoàn toàn phù hợp cho việc mô tả mối liên hệ với giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của NH tương ứng với CĐR của HP; thiết kế hoạt động dạy và hoạt động học còn mang tính cơ học, các phương pháp dạy học thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm (học tập theo dự án, học tập giải quyết vấn đề...) chưa được mô tả trong nhiều đề cương các HP.

- Việc đối sánh các CTĐT mới chỉ thực hiện với trường ĐH có cùng ngành đào tạo ở trong nước, chưa thực hiện đối sánh với các trường ĐH ở nước ngoài; tiêu chí về TN, SM và mục tiêu đào tạo chưa được nhấn mạnh và thực hiện đồng đều khi đối sánh CTĐT với các trường ĐH khác ở trong nước.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Cần thống nhất việc trình bày văn bản và tên các văn bản liên quan đến xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT và kế hoạch triển khai.

- Rà soát số lượng các CĐR của các CTĐT và HP; phát biểu CĐR của CTĐT và CĐR của HP trong các CTĐT theo hướng đảm bảo nguyên tắc SMART; phát biểu CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm đảm bảo đúng nội hàm; bổ sung CĐR cho các CTĐT năm 2022 ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học.

- Bổ sung ma trận liên kết giữa mục tiêu ĐT với CĐR của CTĐT; CĐR của CTĐT với các HP vào tất cả các CTĐT năm 2022.

- Tách cột “cách thức thực hiện” thành hai cột tương ứng với cách thức thực hiện của GV và NH nhằm giúp GV thuận lợi hơn khi mô tả các hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR của HP. Mô tả hoạt động dạy và hoạt động học theo

hướng gia tăng tính chọn lọc các PP dạy học thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm vào đề cương các HP.

- Thực hiện đối sánh/tham khảo các CTĐT cùng ngành với các trường ĐH ở nước ngoài trên cơ sở chú ý tới các tiêu chí về TN, SM và mục tiêu đào tạo.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 14.1	4
Tiêu chí 14.2	4
Tiêu chí 14.3	4
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

- Năm 2022, Trường ban hành TLGD “Kiến tạo - Khai phóng - Toàn diện - Chất lượng”. TLGD được giải thích rõ ràng, có sự phù hợp giữa nội dung TLGD với TN, SM của Trường, các quy định của Bộ GD & ĐT và xu hướng quốc tế.

- Có các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với TLGD như quy định, hướng dẫn về tổ chức giảng dạy và học tập (trực tiếp và trực tuyến), thi kết thúc HP, thực hiện khoá luận/tiểu luận, thực tập và chuyên đề thực tập, trách nhiệm của GV trong giảng dạy và hỗ trợ NH học tập...

- Có các quy định hướng dẫn việc xác định, lựa chọn hoạt động dạy và học để đạt được CDR gồm quy định tổ hợp các phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của NH; xây dựng, cập nhật đề cương các HP; kiểm tra, xét duyệt đề cương và đánh giá bài giảng. Việc kiểm tra, xét

duyet đề cương và đánh giá bài giảng được thực hiện ở các Khoa chuyên môn trong Trường và do Hội đồng Khoa tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- Trường thực hiện chính sách, chiến lược thu hút GV có trình độ cao và tạo điều kiện cho GV nâng cao trình độ như áp dụng quyết định chính sách thu hút nhân tài của tỉnh Bạc Liêu (đào tạo 50 GV có trình độ TS, phát triển đội ngũ GV có học hàm PGS, chuẩn hoá đội ngũ về ngoại ngữ/tin học/kỹ năng quản lý); hỗ trợ học sau ĐH; tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập với tiêu chí rõ ràng về chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy; GV được tập huấn chuyên môn, tham gia các hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế. Đến tháng 12/2020, Trường có 176 GV với 01 PGS, 17 Tiến sĩ, 149 Thạc sĩ và 9 GV đang học cao học so với số lượng 150 GV với 02 Tiến sĩ và 21 Thạc sĩ tại thời điểm thành lập năm 2006. Các số liệu đã nêu cho thấy, chính sách giữ, thu hút và phát triển đội ngũ GV của Trường là rất tốt.

- Khoa/Bộ môn thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và công tác khác cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích và kinh nghiệm. Trường phê duyệt phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên tổng hợp phân công của Khoa/Bộ môn từ phòng Đào tạo. GV thể hiện sự hài lòng với phân công nhiệm vụ của Trường/Khoa/Bộ môn, NH hài lòng về chuyên môn và phương pháp sư phạm của GV khi được phỏng vấn.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

- Trường xây dựng môi trường học tập đa dạng cho NH chủ động học tập, nghiên cứu nhằm đạt CDR của CTĐT như: (01) xây dựng, cải tiến các cơ sở thực nghiệm, thực hành, thí nghiệm, nâng cấp hệ thống phòng máy tính, trang bị

hệ thống máy tính kết nối Internet trong thư viện, phòng học có hệ thống wifi và các trang thiết bị trình chiếu, bảng thông minh; (02) cải tiến chính sách về quy chế đào tạo, tổ hợp các PPDH và KTĐG KQHT, quy chế NCKH cho NH theo hướng gia tăng tính chủ động, tích cực; (03) cải tiến công tác đào tạo, xây dựng ngành học mới và đa dạng các hình thức liên kết đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu học tập của NH, rà soát, cải tiến, cập nhật CTĐT và đề cương HP, phân công chuyên môn hằng năm theo nguyên tắc đảm bảo quy định, tạo điều kiện thuận lợi và tăng tính chủ động học tập cho NH, thành lập câu lạc bộ, hội nhóm học tập và triển khai các hoạt động ngoại khoá để thúc đẩy sự tự học, khám phá kiến thức của NH; (04) gia tăng hợp tác với doanh nghiệp ở trong và ngoài tỉnh, thiết lập mối quan hệ với các viện/trường nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập trải nghiệm, nghiên cứu cho NH trong môi trường thực tiễn.

- Trường tổ chức cho NH tham gia các hoạt động học tập đa dạng ở trong và ngoài không gian lớp học như: (01) học lý thuyết ở trong lớp học gắn với thực hành, luyện tập tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng chuyên môn; (02) tham quan, thực tập, kiến tập tại các CSGD, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp; (03) rèn luyện, trải nghiệm và phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học, kỹ năng chuyên môn qua hoạt động với các tình nguyện viên quốc tế, tham gia các câu lạc bộ/đội nhóm, hoạt động PVCD.

- Các GV được khuyến khích sử dụng các phương tiện CNTT vào giảng dạy trực tiếp và trực tuyến; NH không chỉ tiếp cận với nhiều thiết bị hiện đại và kỹ thuật cao ở các phòng thực hành, thí nghiệm mà còn được truy cập các nguồn tài liệu điện tử phong phú nhờ sự liên kết với hệ thống thư viện của Trường ĐH Cần Thơ và ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. 100% GV ứng dụng CNTT để xây dựng bài giảng điện tử.

- NH và cựu NH thể hiện sự hài lòng với môi trường học tập và việc tổ chức các hoạt động học tập đa dạng của GV trong phiên phỏng vấn; NTD hài lòng về kiến thức, kỹ năng chuyên môn cơ bản, tinh thần trách nhiệm và chịu khó học hỏi của của NH tốt nghiệp.

- GV, NH và NTD có các đề xuất với Trường gồm: (01) cần đầu tư, sửa chữa CSVC phục vụ cho việc dạy học và thực hành, thực tập; (02) đưa thêm các HP thực hành, thực tập vào CTĐT, được thực tập ở doanh nghiệp nhiều lần hơn, thời gian thực hành, thực tập kéo dài hơn; bố trí cho NH được đi thực tập tại doanh nghiệp ngay từ năm thứ 2; (03) tăng cường đào tạo về kỹ năng mềm cho NH, tổ chức các chuyên đề rèn luyện kỹ năng mềm cho NH; cập nhật các HP phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề trong thực tế; đào tạo NH để họ tự tin, linh hoạt và có tính sáng tạo cao hơn; đa dạng hoá các CTĐT, liên kết với doanh nghiệp trong việc chia sẻ thông tin về ngành đào tạo mới, tăng cường quảng bá thương hiệu của Trường với xã hội.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

- Trường thực hiện giám sát hoạt động dạy và học hằng năm dựa trên các quy định về chế độ làm việc, quy định dự giờ, quy định biên soạn bài giảng, quy định cố vấn học tập, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị. Việc giám sát có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đơn vị và cá nhân có liên quan như phòng Đào tạo, phòng Thanh tra pháp chế, trung tâm Thông tin - Thư viện, Khoa chuyên môn và Bộ môn, hệ thống cố vấn học tập và ban cán sự lớp. Các vấn đề liên quan tới hoạt động dạy và học được giám sát gồm tiến độ giảng dạy của các Khoa/Bộ môn theo phân công chuyên môn, kế hoạch học tập và kết quả học tập của NH; hoạt động lên lớp và thực hiện nhiệm vụ dạy học của GV...

- Việc đánh giá GV được thực hiện thường xuyên qua đánh giá quá trình và cuối năm bằng các hình thức như dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV, đánh giá, xếp loại viên chức, xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Trường thực hiện khảo sát, thu thập ý kiến của NH, NH cuối khoá, NH tốt nghiệp lần lượt về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động hỗ trợ của Trường; chất lượng khoá học; tình hình tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát qua các năm học cho thấy, xét tổng thể, đa số NH thể hiện sự

hài lòng với phương pháp giảng dạy và việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực của GV. Trường còn tổ chức các hoạt động đối thoại với sinh viên để ghi nhận kịp thời các phản hồi liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của NH.

- Trường xây dựng kế hoạch rõ ràng và thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT, đề cương HP, trong đó tích hợp tổ hợp các PPDH và PP KTĐG KQHT của NH, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học, và phát triển hệ thống học liệu điện tử, học liệu mở.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

- Trường ban hành TLGD “Kiến tạo - Khai phóng - Toàn diện - Chất lượng” vào năm 2022 để làm rõ hơn mục tiêu đào tạo được xác định trong Kế hoạch CLPT Trường ĐH Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025, TN đến năm 2030. Nội dung triết lý phù hợp với kế hoạch chiến lược, mục tiêu, SM, TN của Trường, với CDR của các CTĐT và tiếp cận xu hướng mới trong giáo dục ĐH ở trên thế giới.

- Trong chu kỳ đánh giá, trường rà soát, điều chỉnh và ban hành các văn bản liên quan tới việc điều chỉnh hoạt động dạy và học như quy chế đào tạo, quy định rà soát, cải tiến CTĐT, quy định chế độ làm việc của GV. Trên cơ sở các quy định này, hoạt động rà soát, cập nhật CDR, đề cương chi tiết các HP được triển khai định kỳ 2 năm/lần. Các CTĐT điều chỉnh theo hướng tăng tỷ lệ các môn tự chọn, thời lượng thực tập và bổ sung các HP phù hợp với xu hướng nghề nghiệp. Sự điều chỉnh này là phù hợp với nội hàm TLGD của Trường.

- Báo cáo khảo sát ý kiến của toàn thể CB, GV về TLGD cho thấy CB và GV thể hiện sự thống nhất cao với dự thảo TLGD của Trường. Các hoạt động khảo sát ý kiến của NH, NH cuối khoá, cựu NH về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động hỗ trợ của Trường và tình hình việc làm được thực hiện thường xuyên hằng năm. Ngoài ra, Trường còn tổ chức hoạt động đối thoại với NH để ghi

nhận nhanh các phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, công tác KTĐG KQHT, tài liệu học tập ...

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Điểm mạnh:

- Trường ban hành TLGD vào năm 2022; kế hoạch rà soát, chuẩn hoá quy định, quy trình về xây dựng, hoàn thiện CDR, CTĐT (2022) được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với quy định của Bộ GD & ĐT, điều kiện thực tiễn, kế hoạch chiến lược, TN và SM của Trường.

- Trong giai đoạn đánh giá, sự gia tăng về số lượng GV, GV có học vị Tiến sĩ và Thạc sĩ so với thời điểm thành lập Trường cho thấy Trường đã thực hiện tốt chính sách thu hút và giữ chân người lao động.

- Trường xây dựng được môi trường học tập đa dạng, các hoạt động dạy và học hướng tới việc thúc đẩy NH học tập tích cực và trải nghiệm ở trong và ngoài không gian lớp học, gắn kết học lý thuyết với thực hành, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp và cộng đồng; việc ứng dụng CNTT trong dạy và học được khuyến khích; CSVC cho các hoạt động dạy và học, thực hành, thực tập và hệ thống thư viện kết nối với các trường ĐH lớn được đẩy mạnh.

- Các hoạt động dạy và học được giám sát, đánh giá và cải tiến thường xuyên liên tục dựa trên các quy định và kế hoạch rõ ràng, sự phối kết hợp đồng bộ của các đơn vị và cá nhân có liên quan, sự đánh giá của NH, cựu NH.

- Việc cải tiến CTĐT, CDR, đề cương các HP được triển khai định kỳ 2 năm/lần theo hướng tăng tỷ lệ các HP tự chọn, thời lượng thực hành, thực tập và bổ sung các HP phù hợp với xu hướng ngành nghề.

2. Điểm tồn tại:

- Việc phổ biến TLGD đến NH còn hạn chế, nhiều người NH và cựu NH chưa tiếp cận được với TLGD của Trường khi được phỏng vấn.

- Báo cáo khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV qua các năm học cho thấy, mức hài lòng của SV về PPDH của một số ít GV còn chưa cao.

- Trong phiên phỏng vấn, NH cho biết hoạt động KTĐG KQHT của NH còn khá dễ, hoạt động giảng dạy của GV còn truyền thống, chưa áp dụng đa dạng các hoạt động dạy và học tích cực, trải nghiệm.

- Chưa có các hoạt động tập huấn chuyên sâu về PPDH và PP ĐG KQHT theo CĐR tương ứng với các ngành đào tạo của Trường (phỏng vấn CB quản lý các khoa).

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Tăng cường phổ biến và đa dạng hoá các hình thức phổ biến TLGD với các BLQ, nhất là NH.

- Có kế hoạch và thực hiện điều chỉnh PPDH, PP KTĐG KQHT của NH dựa trên ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV.

- Xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức tập huấn chuyên sâu về sử dụng PPDH, PP KT ĐG KQHT theo CĐR tương ứng với các ngành đào tạo của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>4,40</i>
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	4
Tiêu chí 15.4	4
Tiêu chí 15.5	4

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

- Trường có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập như quy định về đánh giá kết quả thực tập, quy định thi kết thúc HP, quy định chấm điểm tiểu luận, khoá luận, quy định tổ chức thi và chấm thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, đồ án

môn học, báo cáo khoá luận và tiểu luận tốt nghiệp trực tuyến. Các quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch, loại hình đánh giá và chấm điểm được xác định rõ ràng, bao quát các dạng hoạt động đánh giá trực tiếp và trực tuyến (thi kết thúc HP, tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp, thực tập).

- Với mỗi hình thức đánh giá trực tiếp hay trực tuyến (thi kết thúc HP, thực tập, tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp), Trường ban hành các quy định, hướng dẫn và kế hoạch cụ thể, xác định rõ mốc thời gian thực hiện và các đối tượng liên quan. Đối với đánh giá quá trình, kế hoạch đánh giá, hình thức đánh giá, nội dung đánh giá, số lần và thời điểm đánh giá, tỷ trọng đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương HP. Đối với thi kết thúc HP có các hướng dẫn chi tiết về yêu cầu của đề thi (nội dung, hình thức, cơ cấu điểm thi hợp lý), chấm thi (viết, vấn đáp, thực hành trên máy tính), thời hạn chấm thi, nộp bảng điểm và công bố điểm. Đối với tốt nghiệp có các quy định và hướng dẫn chấm khoá luận tốt nghiệp, HP thi tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

- Trường có quy định về tổ hợp các PP KTĐG KQHT của NH, các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng HP trong CTĐT. Việc thực hiện các quy định này được kiểm tra, giám sát chặt chẽ qua công tác kiểm tra, đánh giá đề cương, kiểm tra hồ sơ chuyên môn của các Khoa/Bộ môn.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

- Đối với từng HP trong CTĐT, việc đánh giá KQHT NH để đạt được CĐR được công bố và phổ biến đến NH đề cương các HP, thông báo của GV phụ trách HP trong buổi học đầu tiên. Trường có quy định rõ ràng về việc đánh giá KQHT thực hiện tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp, đồ án môn học, thực hành, thực tập trong quy chế đào tạo, quy định về thực hiện tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp, quy định về thực tập, chuyên đề thực tập. Khoa, Bộ môn có các hướng dẫn rõ ràng, chi tiết về kế hoạch thực hiện đồ án (Khoa CNTT). NH dễ dàng truy

cập các hướng dẫn về việc ĐG KQHT NH qua trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa.

- GV thực hiện nhiều PP KTĐG để đạt CĐR như phương pháp báo cáo nhóm, thi tự luận, Seminar, trắc nghiệm, thực hành...
- Các phương pháp KTĐG NH đo lường được mức độ đạt CĐR đã xác định trong đề cương các HP năm 2022.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

- Khoa/Bộ môn thực hiện rà soát PP KTĐG đồng thời với rà soát, cập nhật đề cương các HP và CTĐT định kỳ 2 năm/lần. Kết quả rà soát được Khoa, Bộ môn tổng hợp thành các báo cáo kiểm tra, đánh giá đề cương HP, trong đó có nội dung về PP KTĐG KQHT.

- Các phòng ban và Khoa chuyên môn phối hợp kiểm tra xác suất kết quả thi của NH, kiểm tra đáp án và bài thi của 10% GV; các bài thi có điểm không đúng so với đáp án sẽ được Khoa, Bộ môn chấm lại. Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa/Bộ môn kiểm tra xác suất, đối chiếu điểm thi của NH trên phần mềm quản lý đào tạo so với bảng điểm tổng hợp đánh giá HP.

- Có quy định chặt chẽ về việc công bố kết quả thi đến NH: GV hoàn thành việc chấm bài và nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bài thi; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận bảng điểm, phòng Đào tạo phải công bố điểm thi trên hệ thống quản lý đào tạo. Đối với hình thức thi vấn đáp, thuyết trình, đồ án, điểm thi được công bố đến NH ngay sau mỗi buổi thi. NH hài lòng với thời gian công bố điểm thi của Trường trong phiên phỏng vấn.

- Có quy định rõ ràng về việc khiếu nại, phúc khảo bài thi: NH có quyền khiếu nại hoặc đề nghị chấm lại bài thi trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm thi, cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền phải có kết luận trả lời đơn khiếu nại, phúc khảo trong vòng 15 ngày làm việc. Việc chấm phúc khảo

được thực hiện theo quy trình chấm phúc khảo; kết quả chấm phúc khảo được công bố công khai tại bảng thông báo của Khoa/Bộ môn và trên phần mềm quản lý đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng khoá học năm 2022 cho thấy, có 64,82% và 30,90% NH đánh giá việc khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời ở mức hài lòng và rất hài lòng. Không có NH đề nghị khiếu nại hay phúc khảo điểm thi trong khi được phỏng vấn.

- Trường thường xuyên thực hiện khảo ý kiến của NH và NH cuối khoá về hoạt động KTĐG với các nội dung như cung cấp thông tin về phương thức kiểm tra đánh giá, tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố công khai tới NH, kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung HP, hình thức và yêu cầu KT ĐG rõ ràng. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của NH và cựu NH của các năm học và trong phiên phỏng vấn cho thấy, NH thể hiện sự hài lòng cao với hoạt động KTĐG KQHT của GV.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

- So với phiên bản năm 2020, Trường đã thực hiện rà soát, cải tiến quy định về tổ hợp PP KTĐG kết quả học tập và tích hợp quy định này vào quy định xây dựng và điều chỉnh CTĐT trình độ DH và cao đẳng. Các đề cương HP của từng CTĐT cùng được điều chỉnh mục “Phương thức đánh giá” theo hướng xác định thống nhất tỷ trọng đánh giá (40% đánh giá QT và 60% đánh giá cuối kỳ), bài đánh giá tương ứng với CDR của HP. Trường cũng rà soát, điều chỉnh quy chế đào tạo, quy định thi kết thúc HP như cụ thể hoá các dạng điểm trong đánh giá quá trình, bổ sung hình thức đánh giá trực tuyến, rút ngắn thời gian công bố điểm thi từ 15 ngày xuống 10 ngày, tăng thời gian khiếu nại kết quả thi từ 7 ngày lên 10 ngày, việc chấm thi kết thúc HP với các ngành Sư phạm do 2 GV phụ trách, thực hiện chấm 2 vòng độc lập.

- Khoa/Bộ môn thực hiện đánh giá, góp ý về PP KTĐG KQHT; Trường có hướng dẫn về công cụ, tiêu chí ĐG là các rubrics chấm điểm chuyên cần,

thuyết trình, bài tập, bảo vệ và thi vấn đáp, báo cáo, làm việc nhóm trong quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng năm 2022.

- Việc thực hiện đánh giá các PP KT ĐG được thực hiện theo quy định và kế hoạch rõ ràng, có khảo sát ý kiến đóng góp của các BLQ. Các quy định về hoạt động KT ĐG được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa, sổ tay sinh viên, được GV phụ trách HP thông báo vào đầu mỗi khóa học, kỳ học, HP.

- Trong giai đoạn đánh giá, Trường không có đơn khiếu nại về tình trạng thiếu công bằng, minh bạch trong ĐG KQHT của NH. Báo cáo theo dõi phúc khảo điểm thi kết thúc HP trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2021 cho thấy, số lượng NH làm đơn phúc khảo lần lượt là 12, 7, 5, 11, và 20. Kết quả khảo sát ý kiến của NH và cựu NH về hoạt động KTĐG cho thấy, NH thể hiện sự hài lòng cao đối với hoạt động này của GV.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Điểm mạnh:

- Có các quy định, hướng dẫn và kế hoạch ĐG NH rõ ràng thể hiện trong quy chế đào tạo; quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng; quy định thi kết thúc HP; quy định về thực hiện tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp; quy định về thực tập, chuyên đề thực tập.

- Áp dụng nhiều phương pháp KTĐG KQHT của NH trong đánh giá quá trình và cuối kỳ; các phương pháp KTĐG hướng tới việc đo lường CDR của HP; NH được thông báo rõ ràng về các hoạt động KTĐG KQHT bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Thực hiện rà soát định kỳ các phương pháp KTĐG KQHT; khảo sát ý kiến của NH và cựu NH về hoạt động KTĐG KQHT.

- Tích hợp việc điều chỉnh, cải tiến phương pháp KTĐG KQHT của NH định kỳ 2 năm/1 lần vào công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT.

- Không có tình trạng NH khiếu nại về hoạt động KTĐG KQHT, tỷ lệ NH phúc khảo điểm thi kết thúc HP thấp; tỷ lệ NH hài lòng về hoạt động KTĐG KQHT cao.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa có văn bản quy định về đánh giá quá trình như số lần đánh giá, hình thức đánh giá, thời điểm công bố kết quả, hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập.

- Chưa có công cụ đánh giá (checklist, rubrics, thang điểm) tương ứng với loại hình, nội dung đánh giá trong đề cương các HP.

- Trường mới triển khai đối chiếu điểm thi của NH với bảng điểm tổng hợp đánh giá HP; kiểm tra đáp án và bài thi mà chưa phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng đánh giá KQHT của NH.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Bổ sung quy định về đánh giá quá trình như số lần đánh giá, hình thức đánh giá, thời điểm công bố kết quả, hướng dẫn sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập.

- Bổ sung công cụ đánh giá (checklist, rubrics, thang điểm) tương ứng với loại hình, nội dung đánh giá trong đề cương các HP.

- Thực hiện phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng đánh giá KQHT của NH.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 16.1	4
Tiêu chí 16.2	4
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	4

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

- Trường có hệ thống quy định, quy trình triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Trường có quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc Trường (Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên, Thư viện, v.v...) trong mỗi hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- Trường có hệ thống giám sát NH bằng nhiều hình thức khác nhau: phần mềm Quản lý đào tạo, đội ngũ cố vấn học tập, GV và CB hỗ trợ (chuyên viên Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên, Phòng Đào tạo, Thư viện, giáo vụ các Khoa, v.v...).

- Trường thực hiện khảo sát định kỳ mức độ hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ.

- Tuy nhiên, việc đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ chỉ được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá viên chức hằng năm. Trường chưa xác định cụ thể tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH của Trường được giao cho các đơn vị chuyên trách như Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm thông tin và Thư viện, các khoa đào tạo.

- Nhân sự của các đơn vị chức năng trong Trường có chuyên môn và kinh nghiệm, đảm bảo công tác hỗ trợ NH được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp. Đội ngũ GV tâm huyết, tạo động lực cho NH.

- Triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, được NH và cựu NH đánh giá cao (tỷ lệ hài lòng trên 95%).

- Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị Cố vấn học tập để tổng kết, đánh giá những việc đã triển khai và chia sẻ, trao đổi, tập huấn đội ngũ Cố vấn học tập.

- Hằng năm, Trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát NH về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường, lãnh đạo đơn vị và NH.

- Tuy nhiên, một số loại hình hoạt động hỗ trợ NH chưa phù hợp hoàn toàn với NH thế hệ Z.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

- Trường định kỳ thực hiện khảo sát trung cầu ý kiến NH về các hoạt động hỗ trợ học tập và dịch vụ hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của NH về hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH ở mức cao trong giai đoạn 2018-2023.

- Hằng năm, các Khoa, Phòng ban tiến hành tổng kết nhằm rà soát, đánh giá hoạt động của đơn vị mình, trong đó có đánh giá về hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Kế hoạch năm học, kế hoạch BDCL hằng năm của Trường đều có nội dung cụ thể về giám sát và nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Trong giai đoạn đánh giá Trường đã cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng các chỉ số đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để có cơ sở đánh giá và cải thiện chất lượng và hiệu quả của hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- Trường có CSDL về kết quả đánh giá NH nhưng chưa được quản lý một cách hệ thống, chưa thuận tiện và dễ dàng khai thác để phân tích sâu.

- Dù NH được khảo sát hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, nhưng NH có đề xuất cải thiện CSVC và đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ NH.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Điểm mạnh:

- Trường có hệ thống quy định, quy trình triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- Trường có hệ thống giám sát NH bằng nhiều hình thức khác nhau: Hệ thống phần mềm quản lý ĐT, đội ngũ cố vấn học tập, GV và CB hỗ trợ.

- Triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, được NH và cựu NH đánh giá cao.

- Đội ngũ GV tâm huyết, tạo động lực cho NH.

- Kế hoạch năm học, kế hoạch BDCL hằng năm của Trường đều có nội dung cụ thể về giám sát và nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa xác định cụ thể tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

- Một số loại hình hoạt động hỗ trợ NH chưa phù hợp hoàn toàn với NH thể hệ gen Z.
- Trường có CSDL về kết quả đánh giá NH nhưng chưa được quản lý một cách hệ thống, chưa thuận tiện và dễ dàng khai thác để phân tích sâu.
- Trường chưa xây dựng các chỉ số đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để có cơ sở đánh giá và cải thiện chất lượng và hiệu quả của hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Xác định cụ thể tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.
- Đa dạng các loại hình hoạt động hỗ trợ NH, nhất là các loại hình phù hợp với NH thể hệ gen Z (áp dụng khai vấn – coaching trong hoạt động hướng nghiệp, hỗ trợ giải quyết các vấn đề tâm lý...).
- Xây dựng CSDL về kết quả đánh giá NH một cách hệ thống để thuận tiện và dễ dàng khai thác và phân tích sâu.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát NH để từ đó có những cải tiến phù hợp với nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	<i>3,75</i>
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	3

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

- Trường đã xây dựng cổng thông tin điện tử NCKH-HTQT cùng với việc ban hành quy chế hoạt động KHCN để giám sát, điều hành rà soát, triển khai các hoạt động KHCN của toàn Trường.

- Có đủ các văn bản quy định về chính sách, cơ chế quản lý, nhiệm vụ của CB-GV về KHCN, khen thưởng thúc đẩy KHCN của Trường và các đơn vị liên quan cho hoạt động KHCN đã được ban hành.

- Có kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động KHCN hằng năm và giai đoạn như quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 232/QĐ-ĐHBL ngày 06/6/2018, 234/QĐ-ĐHBL ngày 24/6/2021), kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 5 năm 2016- 2020 (223/KH-ĐHBL ngày 27/5/2016, 359/KH-ĐHBL ngày 31/7/2020), kế hoạch KHCN hằng năm từ 2018- 2022 (377/KH-ĐHBL ngày 31/8/2018, 555/KH-ĐHBL ngày 13/11 /2019, 606/KH-ĐHBL ngày 25/11/2020, 482 /KH-ĐHBL ngày 17/11/2021, 770/KH-ĐHBL ngày 24/11/2022) và dự toán được phân bổ kinh phí KHCN hằng năm của tỉnh.

- Các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng KHCN được xác định rõ ràng trong quy định chế độ làm việc của giảng viên và Phòng QLKH & HTQT cùng phối hợp với các khoa theo dõi, giám sát và đánh giá chất lượng KHCN (694/QĐ-ĐHBL ngày 01/12/2020).

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

- Có kế hoạch chỉ tiêu cho các hoạt động KHCN trong kế hoạch và dự toán hằng năm và giai đoạn của Trường và ngân sách từ Tỉnh.

- Có triển khai hoạt động hợp tác KHCN với đối tác trong nước, quốc tế.
- Có triển khai hoạt động KHCN theo kế hoạch đã đề ra và có đánh giá hoạt động cụ thể hằng năm.
- Tuy nhiên, trường chủ yếu tập trung vào đào tạo, chưa có CLPT nguồn thu từ hoạt động KHCN, CGCN, và thương mại hóa sản phẩm KHCN.
- Trường chưa có nhóm nghiên cứu KH ứng dụng tiềm năng để tạo được nhiều các SHTT, CGCN và còn ít các hợp tác quốc tế.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

- Trường có xây dựng các chỉ số đánh giá về số lượng và chất lượng KHCN của các đơn vị Khoa/Bộ môn, trường (Phương hướng hoạt động năm học Khoa/Bộ môn, Kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm của Trường) và giao nhiệm vụ cho GV trong Quy định về chế độ làm việc của giảng viên (694/QĐ-ĐHBL ngày 01/12/2020).
- Thống kê và đánh giá các chỉ tiêu hằng năm, theo giai đoạn để điều chỉnh cải tiến.
- Có rà soát đánh giá về số lượng và chất lượng các sản phẩm KHCN để điều chỉnh kế hoạch KHCN hằng năm.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

- Công tác quản lý NCKH được lấy ý kiến khảo sát của GV thông qua đó điều chỉnh tăng cường các chính sách hỗ trợ, khuyến khích KHCN.
- Trường có thống kê các số liệu về chỉ tiêu KHCN thông qua Phòng QLKH & HTQT cho thấy số bài báo bao gồm bài báo quốc tế và trong nước tăng qua các năm (tăng 4,5 lần từ 23 bài năm 2018 đạt 104 bài năm 2022, tỷ lệ

tổng số bài báo /GV từ 0,12 năm 2018 lên 0,69 năm 2022) đặc biệt là các bài báo thuộc WoS. (tổng số bài báo tăng 4,7 lần, tỷ lệ bài WoS/ GV tăng 0,016 lên 0,093).

- Công tác quản lý KHCN được đánh giá và cải tiến thông qua việc đánh giá nhiệm vụ của viên chức quản lý hàng năm về thực hiện nhiệm vụ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Điểm mạnh:

- Trường đã xây dựng cổng thông tin điện tử NCKH-HTQT cùng với việc ban hành quy chế hoạt động KHCN để giám sát, điều hành rà soát, triển khai các hoạt động KHCN của toàn Trường.

- Có đủ các văn bản quy định về chính sách, cơ chế quản lý, nhiệm vụ của CB-GV về KHCN, khen thưởng thúc đẩy KHCN của Trường và các đơn vị liên quan cho hoạt động KHCN đã được ban hành.

- Trường có xây dựng các chỉ số đánh giá về số lượng và chất lượng KHCN của các đơn vị Khoa/Bộ môn, Trường và giao nhiệm vụ cho GV trong Quy định về chế độ làm việc của GV.

- Có triển khai hoạt động hợp tác KHCN với đối tác trong nước, quốc tế.

- Có triển khai hoạt động KHCN theo kế hoạch đã đề ra và có đánh giá hoạt động cụ thể hàng năm.

- Trường có thống kê các số liệu về chỉ tiêu KHCN thông qua Phòng QLKH & HTQT cho thấy tổng số bài báo và tỷ lệ bài báo/GV tăng qua các năm đặc biệt là các bài báo thuộc WoS.

2. Điểm tồn tại:

- Chưa có CLPT nguồn thu từ hoạt động KHCN, CGCN, và thương mại hóa sản phẩm KHCN.

- Trường chưa có nhóm nghiên cứu KH ứng dụng tiềm năng để tạo được nhiều các SHTT, CGCN và còn ít các hợp tác quốc tế.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Có CLPT nguồn thu từ hoạt động KHCN, CGCN và thương mại hóa sản phẩm KHCN.

- Trường cần phát triển nhóm nghiên cứu KH ứng dụng tiềm năng để tạo được nhiều các SHTT, CGCN và tăng cường các hợp tác quốc tế.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 18	3,75
Tiêu chí 18.1	4
Tiêu chí 18.2	3
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ.

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

- Phòng QLKH & HTQT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các hoạt động KHCN, trong đó bao gồm quản lý TSTT (NQ số 07/NQ-HĐT ngày 18/10/2022). Phòng QLKH & HTQT phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhân sự của đơn vị chịu trách nhiệm (số 14/TB-QLKH-HTQT ngày 11/01/2022).

- Trường có ban hành các quy chế, quy định liên quan đến bảo vệ tài sản KHCN trong đó có “Quy định về hoạt động SHTT” (608/QĐ-ĐHBL ngày 10/12/2018); “Quy chế về hoạt động KHCN” (186/QĐ-ĐHBL ngày 9/5/2018); “Quyết định về quy chế hoạt động NCKH của sinh viên” (529/QĐ-ĐHBL ngày 10/8/2022) các sản phẩm KHCN.

- Trường có chính sách hỗ trợ khai thác và sử dụng TSTT được xác định trong chính sách KHCN trong quy định về hoạt động SHTT kèm theo quyết định 608/QĐ-ĐHBL ngày 10/12/2018.

- Trường có quy trình và thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ và quy định về trách nhiệm quản lý SHTT của các đơn vị trong Trường. Theo đó, P.QLKH & HTQT chịu trách nhiệm quản lý về SHTT (Quy trình rà soát SHTT, Quy trình đăng ký kết quả nghiên cứu, Quy trình hỗ trợ công bố quốc tế, bảng phân công nhiệm vụ 14/QLKH-HTQT ngày 11/01/2022).

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

- Các TSTT của trường được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và được lưu trữ hồ sơ đầy đủ, có quy trình và thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ và quy định về trách nhiệm quản lý SHTT (217/QĐ-ĐHBL ngày 21/03/2022).

- Phòng QLKH & HTQT phối hợp các Khoa hướng dẫn các thủ tục, quy định liên quan đến SHTT đồng thời phổ biến cho các BLQ và thực hiện theo dõi rà soát, phát hiện vi phạm tài sản trí tuệ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

- Phòng QLKH & HTQT là đầu mối thực hiện rà soát công tác quản lý TSTT thông qua việc báo cáo, thống kê các sản phẩm SHTT của trường hằng năm.

- Tuy nhiên, Trường chưa đánh giá công tác quản lý TSTT để cải tiến.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

- Phòng QLKH & HTQT có kế hoạch, rà soát công tác SHTT hằng năm.

- Trường đã có khảo sát ý kiến của các BLQ mức độ hài lòng trên 78%. Tuy nhiên, Trường chỉ mới khảo sát được năm gần nhất trong chu kỳ đánh giá hoàn chỉnh.

- Trường chưa xác định chỉ tiêu về SHTT chính thức trong kế hoạch hằng năm của Trường để có những chính sách đầu tư, kế hoạch cải tiến hoạt động SHTT hiệu quả.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Điểm mạnh:

- Trường có ban hành các quy chế, quy định liên quan đến bảo vệ tài sản KHCN, các sản phẩm KHCN.

- Trường có chính sách hỗ trợ khai thác và sử dụng TSTT được xác định trong chính sách KHCN trong quy định về hoạt động SHTT.

- TSTT của trường được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và được lưu trữ hồ sơ đầy đủ. Có ban hành quy định, quy trình về SHTT, bảo mật trong hoạt động KHCN.

- Phòng QLKH & HTQT phối hợp các Khoa hướng dẫn các thủ tục, quy định liên quan đến SHTT, đồng thời phổ biến cho các BLQ.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ để cải tiến.

- Chưa khảo sát các BLQ có hệ thống, định kỳ.

- Chỉ tiêu về SHTT chưa được xác định chính thức trong kế hoạch hằng năm của Trường để có những chính sách đầu tư, kế hoạch cải tiến hoạt động SHTT hiệu quả.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ để cải tiến.

- Tiến hành khảo sát các BLQ có hệ thống, định kỳ.

- Xác định chỉ tiêu về SHTT chính thức trong kế hoạch hằng năm của Trường để có những chính sách đầu tư, kế hoạch cải tiến hoạt động SHTT hiệu quả.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	3,75
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	3
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

- Có quy định thiết lập các mối quan hệ đối ngoại, đối tác quốc tế (“Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”, 07/NQ-HĐT ngày 18/10/2022).

- Có CLPT hợp tác, đối tác được xây dựng dựa trên CLPT và phù hợp với TN, SM CSGD. (“kế hoạch phát triển hoạt động hợp tác giai đoạn 2021-2025”, 737/KH-ĐHBL, “quy chế hoạt động hợp tác quốc tế”, 226/QĐ-ĐHBL ngày 16/5/2019)

- Có các quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện KHCN. Phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng QLKH & HTQT theo dõi, giám sát và đánh giá chất lượng KHCN cùng phối hợp với các Khoa chịu trách nhiệm triển khai về quan hệ và hợp tác, giám sát tổng kết hằng năm (các kế hoạch hằng năm, “quy chế hoạt động hợp tác quốc tế”, 226/QĐ-ĐHBL ngày 16/5/2019, “quy chế hoạt động KHCN”, 186/QĐ-ĐHBL ngày 9/5/2018).

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

- Kế hoạch hợp tác để đạt được các chỉ tiêu đánh giá theo KHCL và được triển khai thực hiện (kế hoạch phát triển hoạt động hợp tác giai đoạn 2021-2025, 737/KH-ĐHBL, các kế hoạch hằng năm, quy chế hoạt động hợp tác quốc tế, 226/QĐ-ĐHBL ngày 16/5/2019, quy chế hoạt động KHCN, 186/QĐ-ĐHBL ngày 09/5/2018).

- Trường có lựa chọn các đối tác cho hợp tác KHCN phù hợp, có định hướng mở rộng hợp tác với địa phương nhằm phục vụ đào tạo, cùng nghiên cứu với doanh nghiệp địa phương.

- Các quan hệ hợp tác nghiên cứu theo các hình thức hợp tác nghiên cứu, kết hợp đào tạo.

- Hằng năm, Trường có phân bổ kinh phí nhất định cho việc tổ chức hội thảo KHCN và hợp tác.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

- Phòng Phòng QLKH & HTQT thực hiện việc rà soát đánh giá công tác liên quan KHCN và triển khai, đánh giá các mối quan hệ hợp tác đối ngoại và quốc tế. Phòng Kế hoạch – Tài chính giám sát tài chính đối với các hoạt động hợp tác nghiên cứu.

- Tuy nhiên, mối quan hệ với các đối tác chưa được rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực mang lại để làm căn cứ cho việc điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

- Các đối tác được mở rộng để tăng cường hợp tác NCKH quốc tế và doanh nghiệp trong nước. Các hợp tác chung đã làm tăng thêm nguồn thiết bị phục vụ cho NCKH và đào tạo nguồn nhân lực cho Trường.

- Trường có thống kê các số liệu về chỉ tiêu KH-CN thông qua Phòng QLKH & HTQT cho thấy số bài báo bao gồm bài báo quốc tế và trong nước tăng qua các năm (tăng 4,5 lần từ 23 bài năm 2018 đạt 104 bài năm 2022, tỷ lệ tổng số bài báo/GV từ 0,12 năm 2018 lên 0,69 năm 2022) đặc biệt là các bài báo thuộc WoS (tổng số bài báo tăng 4,7 lần, tỷ lệ bài WoS/ GV tăng 0,016 lên 0,093).

- Trường có các ký kết ghi nhớ (MOU) nhưng còn ít hợp tác quốc tế và phát triển nhiều về KH-CN, SHTT và CGCN.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Điểm mạnh:

- Trường có quy định thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác trong nước, quốc tế. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, triển khai thực hiện, giám sát, tổng kết các chỉ số thực hiện theo KHCL, MTCL hằng năm.

- Trường có lựa chọn các đối tác cho hợp tác KH-CN phù hợp, có định hướng mở rộng hợp tác với địa phương nhằm phục vụ đào tạo, cùng nghiên cứu với doanh nghiệp địa phương.

- Các đối tác được mở rộng để tăng cường hợp tác NCKH quốc tế và doanh nghiệp trong nước. Các hợp tác chung đã làm tăng thêm nguồn thiết bị phục vụ cho NCKH và đào tạo nguồn nhân lực cho Trường.

- Số lượng bài báo trong nước và quốc tế tăng hằng năm, đặc biệt là số bài báo quốc tế thuộc hệ thống WoS.

2. Điểm tồn tại:

- Các mối quan hệ với các đối tác chưa được rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực mang lại để làm căn cứ cho việc điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.

- Trường có các ký kết ghi nhớ (MOU) nhưng còn ít MOU hợp tác quốc tế và phát triển nhiều về KH-CN, SHTT và CGCN.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Các mối quan hệ với các đối tác cần được rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực mang lại để làm căn cứ cho việc điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược.

- Cần có giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế và phát triển nhiều về KH-CN, SHTT và CGCN.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	3,75
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	3
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

- Hoạt động kết nối và PVCD được xác định là một trong những chiến lược quan trọng của Trường, được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy Trường.

Trường có quy định, chính sách và kế hoạch kết nối và PVCD hướng đến thực hiện TN và SM của Trường.

- Trường có các đơn vị phụ trách về hoạt động PVCD, trong đó Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi việc thực hiện hoạt động kết nối và PVCD, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động PVCD hằng năm.

- Trường có rà soát, đánh giá chính sách về kết nối và PVCD.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

- Trường có chính sách cho CB, GV, NV và NH tham gia hoạt động PVCD.

- Hoạt động kết nối và PVCD của Trường khá đa dạng, từ hoạt động kết nối cộng đồng – chia sẻ trí thức, hoạt động PVCD có thu phí, hoạt động PVCD gắn kết với ngành đào tạo đến hoạt động tình nguyện, thiện nguyện.

- Trường có quy định, chính sách cho GV thực hiện hoạt động PVCD (quy định giờ chuẩn về hoạt động PVCD, tính thù lao, khen thưởng ...). Các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và PVCD tuân thủ các quy định của pháp luật.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

- Trường có CSDL về các hoạt động PVCD, có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD và có tổng kết đánh giá hoạt động này.

- Trường có xác định kết quả hoạt động PVCD. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và PVCD, chưa đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD để có cơ sở rà soát và cải tiến.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Trường có kế hoạch thực hiện hoạt động kết nối và PVCD. Nguồn chi dành cho hoạt động PVCD có xu hướng tăng qua các năm trong giai đoạn 2018-2022.

- Các hoạt động PVCD đa dạng và được phát triển hằng năm.

- Định kỳ Trường có khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD. Theo kết quả khảo sát và phỏng vấn, các BLQ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCD của Trường.

- Tuy nhiên, kế hoạch về hoạt động PVCD còn rời rạc theo từng mảng hoạt động của từng đơn vị phụ trách. Trường chưa có kế hoạch tổng thể về hoạt động PVCD theo từng năm.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Điểm mạnh:

- Trường có quy định, chính sách và kế hoạch kết nối và PVCD hướng đến thực hiện TN và SM của Trường.

- Trường có quy định các loại hình, khối lượng công việc cụ thể của hoạt động PVCD.

- Trường có quy định, chính sách cho GV và NH thực hiện hoạt động PVCD.

- Hoạt động kết nối và PVCD của Trường khá đa dạng, từ PVCD kết nối tri thức đến hoạt động tình nguyện, thiện nguyện.

- Trường có CSDL về các hoạt động PVCD, có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động PVCD và có tổng kết đánh giá hoạt động này.

2. Điểm tồn tại:

- Trường chưa có kế hoạch tổng thể về hoạt động PVCD theo từng năm. Các hoạt động PVCD còn tập trung ở hoạt động thiện nguyện và công tác xã hội.
- Trường chưa xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và PVCD.
- Trường chưa đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD để có cơ sở rà soát và cải tiến.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể cho hoạt động PVCD của Trường. Có biện pháp cụ thể đẩy mạnh hoạt động PVCD gắn với chuyên môn của các khoa.
- Xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và PVCD.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD để có cơ sở rà soát và cải tiến.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 21	3,75
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	3
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Kế hoạch đào tạo của Trường chưa dựa báo tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn và thôi học của tất cả các CTĐT, song quy chế đào tạo và các CTĐT xác

định thời gian học tập là 4 năm. Trường có thực hiện thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp (đúng hạn, trễ hạn 1/2/3 năm và chưa tốt nghiệp) từ 2020-2022. Hằng năm, phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện kiểm tra xác suất và xếp loại tốt nghiệp của NH theo từng ngành. Kết quả kiểm tra được tổng hợp và báo cáo Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường.

- Việc thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT được thực hiện chặt chẽ qua sự phối hợp của các phòng và khoa chuyên môn liên quan, cụ thể: Phòng đào tạo giám sát kết quả học tập của NH; phòng Công tác chính trị - Quản lý sinh viên giám sát kết quả rèn luyện, tỷ lệ thôi học; các khoa chuyên môn trực tiếp giám sát KQHT và rèn luyện của NH đối với từng CTĐT. Ngoài ra, Trường còn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi, giám sát NH từ chất lượng đầu vào, quá trình đào tạo đến chất lượng tốt nghiệp đầu ra. Trường thống kê danh sách HP có NH đăng ký học cải thiện, xoá liệt trong học kỳ hè để giám sát tình hình học lại, học cải thiện của NH.

- Có thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ thôi giữa các CTĐT, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học và lý do thôi học của cùng ngành học trong giai đoạn đánh giá. Trường có thực hiện đối sánh tỷ lệ NH nhập học, tốt nghiệp và thôi học hằng năm với trường ĐH Tiền Giang.

- Trường thực hiện nhiều biện pháp hạn chế tỷ lệ thôi học như theo dõi đời sống của NH, kiểm tra định kỳ hoạt động nội ngoại trú của NH, tổ chức đối thoại giữa NH với lãnh đạo Trường, triển khai chính sách hỗ trợ NH có hoàn cảnh khó khăn như cho vay vốn hay cấp học bổng. Các biện pháp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của NH cũng được Trường thực hiện cảnh báo học vụ để thúc đẩy NH học tập chuyên cần, tổ chức học kỳ hè giúp NH cải thiện kết quả học tập, tổ chức nhiều đợt xét tốt nghiệp nhằm đảm bảo cho NH đủ điều kiện được tốt nghiệp đúng hạn.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH cho tất cả các CTĐT là 4 năm, được quy định trong quy chế đào tạo và CTĐT của các ngành học.

- Có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của NH: NH được phổ biến về thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt đầu khoá, sổ tay SV, CTĐT; phòng Đào tạo, phòng Công tác chính trị - Quản lý sinh viên và các khoa khoa chuyên môn phối hợp theo dõi, giám sát tiến trình và kết quả học tập của NH để đưa ra cảnh báo học vụ đến NH; hệ thống quản lý đào tạo của Trường cung cấp thông tin cho NH về kết quả học tập từng học kỳ, kết quả điểm số tích lũy qua các năm học.

- Trường thực hiện thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp theo ngành học với từng lớp học cụ thể, có đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của NH theo ngành học trong giai đoạn đánh giá. Nhìn chung, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên gần đúng với thiết kế CTĐT các ngành học là 4 năm - 8 học kỳ.

- Có xây dựng và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT như (01) cho phép NH học lại, học cải thiện, bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp với những NH chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đúng tiến độ; (02) cảnh báo học vụ theo từng học kỳ chính đối với những NH bị cảnh báo kết quả học tập hoặc có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ; (03) thực hiện nhiều đợt xét tốt nghiệp trong năm để tạo điều kiện cho NH được tốt nghiệp sớm nhất.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Có hệ thống theo dõi, giám sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp trong vòng 01 năm. Xét tổng thể các ngành đào tạo, tỷ lệ NH tốt nghiệp trong vòng 01 năm tìm được việc làm trong giai đoạn đánh giá từ 85,3 – 92,9%.

- Trường thực hiện khảo sát tỷ lệ NH có việc làm theo từng chuyên ngành đào tạo hằng năm. Tổng hợp báo cáo khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ NH tìm được việc làm các năm 2020, 2021 tăng lên tới hơn 75% - 100% tùy từng ngành đào tạo, trong đó 100% NH tốt nghiệp ngành Giáo dục tiểu học và Ngôn ngữ Anh sau khi tốt nghiệp (năm 2021).

- Có thực hiện đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của NH sau khi tốt nghiệp giữa khoá trước và khoá sau, các CTĐT của Trường. Trường cũng thực hiện đối sánh tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm với trường ĐH Đồng Tháp, trường ĐH Tiền Giang và trường ĐH Cần Thơ.

- Trường thực hiện các biện pháp để nâng cao tỷ lệ NH tìm được việc như thiết lập các đầu mối liên hệ giữa NH, cựu NH với doanh nghiệp; cập nhật thông tin về tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Trường và các nền tảng xã hội khác; tổ chức ngày hội việc làm hằng năm; ký kết hợp tác với doanh nghiệp trong hoạt động thực tập và giới thiệu việc làm; tổ chức hội thảo, chuyên đề liên quan đến kỹ năng mềm cho NH.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường có kế hoạch và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD đối với năng lực NH tốt nghiệp trong quá trình xây dựng, rà soát CTĐT định kỳ 2 năm/lần. Hằng năm, Trường khảo sát NH tốt nghiệp để đánh giá mức độ áp dụng kiến thức, kỹ năng vào công việc.

- Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát NTD, việc làm của NH để làm cơ sở đánh giá năng lực NH tốt nghiệp hằng năm được quy định rõ trong quy chế ĐBCL giáo dục và quy định xây dựng, rà soát CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng. Quy trình và biểu mẫu khảo sát được xác lập rõ ràng, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường gồm: quy trình, biểu mẫu khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp và NTD về năng lực của NH tốt nghiệp.

- Có thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá NTD về năng lực của NH tốt nghiệp ở một số ngành đào tạo (Tài chính - ngân hàng, Kế toán, Chăn nuôi thú y). Hằng năm, Trường hiện khảo sát cựu NH về tình hình việc làm, sự phù hợp của việc làm với chuyên ngành đào tạo, mức độ hữu ích của kiến thức và kỹ năng được đào tạo, thu nhập bình quân hằng tháng của của NH tốt nghiệp. Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 cho thấy, tỷ lệ NH có việc làm nhìn chung tăng đều theo các năm, trong đó tỷ lệ NH tốt nghiệp năm 2021 tìm được việc làm đạt 92,9%.

- Trường giám sát việc thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ qua các quy định về rà soát, xây dựng CTĐT trình độ ĐH, cao đẳng; quy chế ĐBCL giáo dục đào tạo. Các kết quả khảo sát ý kiến của NTD, NH tốt nghiệp được tổng hợp, phân tích để làm căn cứ cho việc cải tiến CTĐT.

- Các biện pháp cải tiến để nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp được Trường thực hiện đồng bộ như điều chỉnh, cải tiến CDR và CTĐT; đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học, giáo trình, thư viện; tổ chức các chuyên đề, hội thảo liên quan đến kỹ năng cho NH.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Điểm mạnh:

- Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, tỷ lệ học lại, thi lại các HP; thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các CTĐT và các năm.

- Có thống kê, đánh giá tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn, trễ hạn, thôi học; phân tích nguyên nhân và thực hiện các cải tiến tương ứng.

- Có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp; thu thập thông tin phản hồi của các BLQ và thực hiện cải tiến về CTĐT, CSVC, giáo trình, kỹ năng cho NH để nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

2. Điểm tồn tại:

- Kế hoạch đào tạo chưa xác định tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.
- Chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các CTĐT của CSGD với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH ở trong nước và quốc tế.
- Tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn ở một số lớp học còn chưa cao, ví dụ: lớp 10 CTH (3/13 NH, chiếm 23,1%), lớp 10 CSPTS (20/43 NH, chiếm 47%), lớp 10 DTH (20/50%, chiếm 40%), lớp 12 DTH (28/62 NH, chiếm 45%).
- Các biện pháp nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng NH tốt nghiệp một cách bền vững ở góc độ nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm và nghiên cứu khoa học của GV chưa được đề cập trong kế hoạch hành động và biện pháp liên quan tới ĐT, NCKH hằng năm.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Bổ sung tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT vào kế hoạch đào tạo hằng năm.
- Thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các CTĐT của CSGD với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH ở trong nước và quốc tế.
- Phân tích nguyên nhân tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn ở một số lớp học còn chưa cao để có biện pháp cải tiến phù hợp.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, nghiên cứu khoa học của GV để gia tăng mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng NH tốt nghiệp một cách bền vững.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4

Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	4

Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Có quy định cụ thể cho GV về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng KHCN trong quy chế hoạt động KHCN và Quy định chế độ làm việc đối với GV.
- Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động KHCN và được đối sánh giữa các đơn vị và giữa các năm.
- Cổng thông tin NCKH-HTQT có thông tin đa dạng và được cập nhật, có phần tiếng Anh.
- Phòng QLKH – HTQT phối hợp các khoa/bộ môn để theo dõi, đánh giá hoạt động NCKH của GV về loại hình và KHCN đạt được để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ KHCN.
- Trường có kế hoạch và chính sách rõ ràng, cụ thể để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động KHCN của CB, GV thu được hiệu quả. Các GV được khen thưởng vượt giờ KHCN, thưởng bài báo khoa học.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV về các loại hình, số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của NH (Quyết định số 529/ QĐ-DHBL ngày 10/8/2022).
- Có các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư cho KHCN, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH.

- Phòng QLKH-HTQT thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo dõi về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH (Quyết định số 577/ QĐ-ĐHBL ngày 11/12/2017).

- Trường có thu thập thông tin phản hồi của NH để cải tiến về KHCN cho NH. (“Quy chế ĐBCL giáo dục của Trường ĐH BL”, Quyết định số 570/ QĐ-ĐHBL ngày 11/10/2019).

- Tuy nhiên, các hoạt động tuyên truyền, giải thích, khuyến khích chưa đủ tạo động lực cho NH tham gia NCKH và công nghệ trong quá trình đào tạo.

- Trường chưa có kế hoạch và chính sách tăng số lượng đề tài/dự án NCKH ứng dụng cho NH nhằm nâng cao kỹ năng, phục vụ đào tạo và PVCD.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học trong quy chế hoạt động KHCN của Trường cho GV (“Quy định về chế độ làm việc của GV”, 694/ QĐ-ĐHBL ngày 1/12/2020).

- Phòng QLKH & HTQT theo dõi, giám sát, các dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, đối sánh giữa các đơn vị trong Trường.

- Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học thông qua các cơ chế, chính sách khen thưởng, hỗ trợ trong KHCN.

- Tuy nhiên GV, NV chưa được hỗ trợ đủ để tham gia hội nghị, hội thảo và trao đổi quốc tế về NCKH nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác NCKH phục vụ giảng dạy, học tập, ứng dụng tài sản trí tuệ và CGCN.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường có quy định về các loại hình các TSTT trong quy định quản trị tài sản trí tuệ và trong quy chế hoạt động KHCN (“quy chế hoạt động KHCN”, 186/QĐ-ĐHBL ngày 9/5/2018; “Quy định về hoạt động SHTT” (608/QĐ-ĐHBL ngày 10/12/2018); “Quy chế về hoạt động KHCN” (186/QĐ-ĐHBL ngày 9/5/2018).
- Trường có dữ liệu được cập nhật về TSTT.
- Trường có theo dõi và giám sát, có chính sách hỗ trợ GV khi đăng ký cũng như bảo hộ sản phẩm SHTT (“Quy định về chế độ làm việc của GV”, 694/QĐ-ĐHBL ngày 1/12/2020).
- Trường có đối sánh các loại hình công bố KH, số lượng loại hình NCKH giữa các đơn vị và với Trường ĐH Tiền Giang.
- Tuy nhiên trường chưa trang bị phần mềm chống đạo văn nhằm rà soát tính pháp lý của SHTT.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ nhiều cho từng loại hoạt động nghiên cứu trong quy chế Chi tiêu nội bộ, kế hoạch năm (số 232/QĐ-ĐHBL ngày 06/6/2018, 700/QĐ-ĐHBL ngày 25/11/2019, số 234/QĐ-ĐHBL ngày 24/6/2021).
- Có công bố công khai đến GV và giám sát về việc phân bổ ngân sách cho các hoạt động nghiên cứu.
- Tuy nhiên, tổng chi cho KHCN và CGCN chưa đáp ứng theo quy định tại nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014, cụ thể Trường thực chi trong các năm qua tính trên tổng nguồn thu cho GV, NH thấp.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- CLPT và KHCL của Trường hằng năm có xác lập các KPIs và quy định về KHCN cụ thể, trong việc CGCN.

- Có thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng kết quả nghiên cứu.

- Tuy nhiên, trường chưa có đơn vị/bộ phận đảm trách công tác khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Chưa có SHTT trong giai đoạn đánh giá.

- Chưa ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, phát triển CSDL các hoạt động triển khai đánh giá trong lĩnh vực NCKH, sở hữu trí tuệ và định kỳ rà soát công tác quản lý.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Điểm mạnh:

- Có quy định cụ thể cho GV, NH về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng KHCN trong quy chế hoạt động KHCN và Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về hoạt động NCKH của SV.

- Cổng thông tin NCKH-HTQT có thông tin đa dạng và được cập nhật, có phản tiếng Anh.

- Phòng QLKH – HTQT phối hợp các khoa/bộ môn để theo dõi, đánh giá hoạt động NCKH của GV, NH về loại hình và KHCN đạt được để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ KHCN, đối sánh giữa các đơn vị, giữa các năm và với Trường ĐH Tiền Giang.

- Trường có quy định về các loại hình các TSTT trong quy định quản trị tài sản trí tuệ và trong quy chế hoạt động KHCN.
- Có dữ liệu được cập nhật về TSTT.
- Có theo dõi và giám sát, có chính sách hỗ trợ GV khi đăng ký cũng như bảo hộ sản phẩm SHTT.
- Có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ nhiều cho từng loại hoạt động nghiên cứu trong quy chế Chi tiêu nội bộ, kế hoạch năm và công bố công khai đến GV.
- CLPT và KHCL của Trường hằng năm có xác lập các KPIs và quy định về KHCN cụ thể, trong việc chuyển giao CN.
- Có thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng kết quả nghiên cứu.

2. Điểm tồn tại:

- Các hoạt động tuyên truyền, giải thích, khuyến khích chưa đủ tạo động lực cho NH tham gia NCKH và công nghệ trong quá trình đào tạo.
- Trường chưa có kế hoạch và chính sách tăng số lượng đề tài/dự án NCKH ứng dụng cho NH nhằm nâng cao kỹ năng, phục vụ ĐT và PVCĐ.
- GV, NV chưa được hỗ trợ đủ để tham gia hội nghị, hội thảo và trao đổi quốc tế về NCKH nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác NCKH phục vụ giảng dạy, học tập, ứng dụng tài sản trí tuệ và CGCN.
- Trường chưa trang bị phần mềm chống đạo văn nhằm rà soát tính pháp lý của SHTT. Chưa có SHTT trong giai đoạn đánh giá.
- Tổng chi cho KHCN và CGCN chưa đáp ứng theo quy định tại nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014, cụ thể Trường thực chi trong các năm qua tính trên tổng nguồn thu cho GV, NH thấp.
- Trường chưa có đơn vị/bộ phận đảm trách công tác khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Chưa ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, phát triển CSDL các hoạt động triển khai đánh giá trong lĩnh vực NCKH, sở hữu trí tuệ và định kỳ rà soát công tác quản lý.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giải thích, khuyến khích, tạo động lực cho NH tham gia NCKH và công nghệ trong quá trình đào tạo.

- Cần có kế hoạch và chính sách tăng số lượng đề tài/dự án NCKH ứng dụng cho NH nhằm nâng cao kỹ năng, phục vụ đào tạo và PVCD.

- GV, NV cần được hỗ trợ đủ để tham gia hội nghị, hội thảo và trao đổi quốc tế về NCKH nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác NCKH phục vụ giảng dạy, học tập, ứng dụng tài sản trí tuệ và CGCN.

- Trường cần trang bị phần mềm chống đạo văn nhằm rà soát tính pháp lý của SHTT. Có biện pháp để có SHTT.

- Thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 hiệu lực ngày 1/3/2023 (thay thế Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014).

- Thành lập đơn vị/bộ phận phụ trách khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, quản trị tài sản trí tuệ, hay khuyến khích NH thành lập các CLB khởi nghiệp, vườn ươm đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao tính hệ thống, ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, phát triển CSDL các hoạt động triển khai đánh giá trong lĩnh vực NCKH, sở hữu trí tuệ và định kỳ rà soát công tác quản lý.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	<i>3,67</i>
Tiêu chí 23.1	4
Tiêu chí 23.2	4

Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	3
Tiêu chí 23.6	3

Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường có quy định cụ thể về loại hình các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội thông qua Chính sách về hoạt động gắn kết và PVCĐ của Trường.
- Việc giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được thực hiện theo đơn vị quản lý nhân sự và theo đơn vị chức năng.
- Trường có CSDL về hoạt động PVCĐ, phục vụ cho việc phân tích, đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia qua các năm. Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ còn hạn chế, chưa thể hiện đầy đủ các loại hình PVCĐ của Trường, ví dụ như PVCĐ có thu phí, PVCĐ phục vụ xây dựng chính sách, v.v...

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường đã triển khai đánh giá tác động xã hội của hoạt động kết nối và PVCĐ do đội ngũ CB, GV, NV thực hiện.
- Trường có thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ. Tác động xã hội của các hoạt động kết nối và PVCĐ còn được

đánh giá thông qua phản hồi từ các tổ chức, cá nhân hưởng thụ các dịch vụ cộng đồng mà Trường thực hiện.

- Trường thu thập thông tin phản hồi của các tổ chức, cá nhân hưởng thụ dịch vụ PVCD của Trường về tác động xã hội bằng phương pháp định tính (trao đổi góp ý) và phương pháp định lượng (phiếu khảo sát) và bước đầu có kế hoạch cải tiến.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trong giai đoạn đánh giá 2018-2022, Trường chưa lập kế hoạch, xây dựng phương pháp đánh giá và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

- Chưa thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Chưa có MC đầy đủ về cải tiến chất lượng PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV.

- Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trong giai đoạn 2018-2023, Trường có các hoạt động kết nối và PVCD có ý nghĩa tích cực; một số kết quả từ hoạt động kết nối và hỗ trợ cộng đồng đã tạo được tác động tốt, được các tổ chức chính quyền ghi nhận thông qua Bằng khen, Giấy khen các cấp. Tuy nhiên, một số hoạt động PVCD gắn với chuyên môn có xu hướng giảm (ví dụ như đào tạo ngắn hạn) hoặc chỉ mới tập trung ở một số ít cá nhân.

- Trường có thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng dịch vụ PVCD về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Tuy nhiên việc khảo sát chỉ mới được thực hiện ở một số hoạt động PVCD, chưa mang tính hệ thống.

- Hoạt động đối sánh về sự hài lòng của các BLQ đối với hoạt động kết nối và PVCD chưa được Trường triển khai một cách chính thức.

- Việc cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD còn mờ nhạt, chủ yếu là kế hoạch, chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Điểm mạnh:

- Trường có quy định cụ thể về loại hình các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Trường có một số chương trình kết nối và PVCD có ý nghĩa tích cực; một số kết quả từ hoạt động PVCD đã tạo được tác động tốt, được các BLQ ghi nhận thông qua Bằng khen, Giấy khen các cấp.

- Có thống kê định kỳ các hoạt động PVCD trong giai đoạn đánh giá. Có đánh giá GV và NH về hoạt động PVCD.

2. Điểm tồn tại:

- Việc rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng hoạt động PVCD còn chưa được triển khai đầy đủ.

- Việc đo lường, đánh giá kết quả hoạt động PVCD còn hạn chế nên chưa đảm bảo đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- Trường chưa lập kế hoạch, xây dựng phương pháp đánh giá và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

- Chưa thực hiện việc đối sánh hoạt động PVCD với các trường khác để hỗ trợ cho hoạt động cải tiến.

- Việc cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD còn mờ nhạt, chủ yếu là kế hoạch, chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng hoạt động PVCD; đa dạng nguồn kinh phí cho hoạt động PVCD để đẩy mạnh và cải tiến hoạt động này.

- Xây dựng và triển khai hệ thống đo lường kết quả kết nối và PVCD nhằm giúp giám sát, đánh giá và cải tiến, đảm bảo đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra, phù hợp với TN và SM của Trường.

- Xây dựng phương pháp đánh giá và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

- Thực hiện việc đối sánh hoạt động PVCD với các trường ĐH khác để hỗ trợ cho hoạt động cải tiến.

- Thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD để phát triển hoạt động này.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	<i>3,50</i>
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	3
Tiêu chí 24.4	3

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các chỉ số tài chính của các mảng hoạt động ĐT, NCKH do phòng Kế hoạch - Tài chính xây dựng, xác lập trong các dự toán thu chi hằng năm.
- Kết quả các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH được giám sát qua báo cáo quyết toán tài chính và được công khai tại hội nghị VC-NLĐ hằng năm.
- Các chỉ số được giám sát thông qua hệ thống báo cáo của các phòng chức năng và của tổ ĐBCL.
- Các bên BLQ được thông tin về kết quả và các chỉ số tài chính của các mảng hoạt động cũng như được khảo sát ý kiến về hiệu quả các hoạt động.
- Trường có thực hiện đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài, thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ với ĐH Tiền Giang. (Báo cáo kết quả đối sánh chất lượng giáo dục năm 2022 (số 07/BC-ĐBCLGD, ngày 20/10/2022 của tổ ĐBCL).
- Các phân tích liên quan kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của tổ ĐBCL được tổng hợp thành đề xuất cải tiến một số hoạt động của Trường.
- Các phòng chức năng phối hợp tổ ĐBCL xây dựng CSDL đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.
- Tuy nhiên, các chỉ số chính, chỉ tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 chưa phân tích, đánh giá tính khả thi và kế hoạch cải tiến. Số lượng đối tác đối sánh còn ít.
- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Trong giai đoạn đánh giá, Trường ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2021 (538/KH-ĐHBL, ngày 8 tháng 11 năm 2019), căn cứ nghị quyết và kết quả tự đánh giá 2018, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo bộ tiêu chuẩn mới.

- Trường có kế hoạch thu thập số liệu, đưa ra các chỉ số cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần) của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ có kế hoạch thu thập số liệu 2022 và có quy định chỉ số.

- Trường thành lập Tổ ĐBCL, cùng các phòng chức năng giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Trường ban hành Kế hoạch đối sánh chất lượng giáo dục năm 2022 (số 339/ KH-ĐHBL ngày 17/6/2022), trong đó có biểu mẫu về chỉ số các chỉ số đối sánh ở các mảng tài chính, KHCN, ĐT, PVCĐ, đội ngũ trong và ngoài trường. Đối sánh ngoài có 34 chỉ số, có quy định phương thức thu thập thông tin thông qua khảo sát tương ứng.

- Trường có thực hiện đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài, thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ với ĐH Tiền Giang. (Báo cáo kết quả đối sánh chất lượng giáo dục năm 2022 (số 07/BC-ĐBCLGD, ngày 20/10/2022 của tổ ĐBCL).

- Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến một cách hệ thống để hoàn thiện CSDL và bộ chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- **Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Điểm mạnh:

- Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Kết quả các chỉ số tài chính được giám

sát qua báo cáo quyết toán tài chính và được công khai tại hội nghị VC-NLĐ hằng năm.

- Trường có thực hiện đối sánh nội bộ và đối sánh ngoài. Các phân tích liên quan kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của tổ ĐBCL được tổng hợp thành đề xuất cải tiến một số hoạt động của Trường.

2. Điểm tồn tại:

- Các chỉ số chính, chỉ tiêu phân đầu trong giai đoạn 2021-2025 chưa phân tích, đánh giá tính khả thi và kế hoạch cải tiến. Số lượng đối tác đối sánh còn ít.

- Chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến để hoàn thiện bộ chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

3. Đề xuất hướng khắc phục:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Thực hiện đối sánh ngoài với các đối tác đa dạng hơn.

- Tiếp tục thực hiện khảo sát, rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Hệ thống hóa hoạt động thu thập thông tin phản hồi và giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	<i>4,00</i>
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Tự đánh giá (Tiêu chí)							Điểm trung bình	Đánh giá ngoài (Tiêu chí)							Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	6	7		1	2	3	4	5	6	7	
Mục 1: DBCL về chiến lược								4,38								3,98
Tiêu chuẩn 1	5	4	5	4	4			4,40	4	3	4	4	4			3,80
Tiêu chuẩn 2	4	5	4	4				4,25	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 3	5	5	5	4				4,75	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 4	5	5	4	4				4,50	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 5	5	5	4	4				4,50	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 6	4	4	4	4	4	4	4	4,00	4	4	4	4	4	4	4	4,00
Tiêu chuẩn 7	5	5	5	4	4			4,60	4	4	4	4	4			4,00
Tiêu chuẩn 8	4	4	4	4				4,00	4	4	4	4				4,00
Mục 2: DBCL về hệ thống								3,99								3,78
Tiêu chuẩn 9	5	5	5	5	4	4		4,67	4	4	4	4	4	3		3,83
Tiêu chuẩn 10	5	4	4	3				4,00	4	4	4	3				3,75
Tiêu chuẩn 11	4	4	3	3				3,50	4	4	4	3				3,75
Tiêu chuẩn 12	4	4	4	4	3			3,80	4	4	4	4	3			3,80
Mục 3: DBCL về thực hiện chức năng								4,22								3,91
Tiêu chuẩn 13	5	4	4	4	4			4,20	4	4	4	4	4			4,00
Tiêu chuẩn 14	5	4	4	4	4			4,20	4	4	4	4	4			4,00
Tiêu chuẩn 15	5	4	5	5	4			4,60	5	5	4	4	4			4,40
Tiêu chuẩn 16	5	4	4	4				4,25	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 17	4	4	4	4				4,00	4	4	4	3				3,75
Tiêu chuẩn 18	5	4	4	5				4,50	4	3	4	4				3,75
Tiêu chuẩn 19	4	4	3	4				3,75	4	4	3	4				3,75
Tiêu chuẩn 20	4	4	4	4				4,00	4	4	3	4				3,75
Tiêu chuẩn 21	5	5	4	4				4,50	4	4	3	4				3,75

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Tự đánh giá (Tiêu chí)							Điểm trung bình	Đánh giá ngoài (Tiêu chí)							Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	6	7		1	2	3	4	5	6	7	
Mục 4: Kết quả hoạt động								3,90								3,79
Tiêu chuẩn 22	4	4	4	4				4,00	4	4	4	4				4,00
Tiêu chuẩn 23	5	3	4	4	4	3		3,83	4	4	4	4	3	3		3,67
Tiêu chuẩn 24	4	4	4	3				3,75	4	4	3	3				3,50
Tiêu chuẩn 25	4	4						4,00	4	4						4,00

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên	103	92,79	97	87,39
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên	20	80	13	52
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm	0	0	0	0

TP.HCM, ngày 16 tháng 11 năm 2023

TM. ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hồng

PHỤ LỤC I

GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ¹

Trường ĐH Bạc Liêu (Trường ĐHBL) được thành lập theo Quyết định số 1558/2006/QĐ-TTg ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy quản lý và nhân sự của trường Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu và trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bạc Liêu. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bạc Liêu, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD & ĐT)

Về SM, Trường ĐHBL là cơ sở đào tạo CĐ, ĐH và SDH chất lượng cao; cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, có khả năng phát triển tự thân, triển khai ứng dụng và làm việc trong môi trường cạnh tranh. Trường giữ vai trò nòng cốt trong NCKH, ứng dụng, CGCN và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực kinh tế, công nghệ thông tin, nuôi trồng thủy sản, văn hóa du lịch và giáo dục chất lượng cao là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của địa phương và cả nước cũng như hội nhập quốc tế.

Về TN, Trường ĐHBL hướng đến trở thành một trường ĐH định hướng ứng dụng; ĐT nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng cho sự phát triển KT-XH của vùng BĐCM và khu vực ĐBSCL. Trường sẽ là một địa chỉ tin cậy về ĐT, NCKH và đổi mới sáng tạo; là môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư; góp phần đặc lực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống giáo dục ĐH Việt Nam.

Về hệ GTCL, Trường xác định *chất lượng* trong giáo dục, ĐT là yếu tố quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động, là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển; *sáng tạo* là yếu tố quyết định sự phát triển đa dạng trong mọi hoạt động, đặc biệt là ĐT, nghiên cứu và thúc đẩy cho sự đổi mới, phát triển nhanh và bền vững; *trách nhiệm* là yếu tố then chốt trong khẳng định vai trò, SM và thực hiện

¹ Trích Báo cáo Tự đánh giá của Trường ĐH Bạc Liêu

trách nhiệm gắn kết, phục vụ cộng đồng và phụng sự xã hội; *hội nhập* là xu thế và là động lực cho sự phát triển toàn diện Trường.

Về *chính sách chất lượng*, Trường cam kết không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường học thuật tích cực, giàu trải nghiệm thực tiễn nhằm nuôi dưỡng nhân cách, phát huy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và hội nhập quốc tế của người học. Trường tuân thủ và thực hiện tốt các nguyên tắc đảm bảo chất lượng (ĐBCL); duy trì và liên tục cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong trên nền tảng tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế; phát triển văn hóa chất lượng; có trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch các điều kiện ĐBCL, đáp ứng kịp thời yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

PHỤ LỤC II
TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	4,38	
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,40	
1.	1.1	5	
2.	1.2	4	
3.	1.3	5	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4,25	
6.	2.1	4	
7.	2.2	5	
8.	2.3	4	
9.	2.4	4	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4,75	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	5	
13.	3.4	4	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4,50	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	4,50	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	4	
22.	6.1	4	

23.	6.2	4	
24.	6.3	4	
25.	6.4	4	
26.	6.5	4	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	4,60	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	4	
33.	7.5	4	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00	
34.	8.1	4	
35.	8.2	4	
36.	8.3	4	
37.	8.4	4	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	3,99	
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong	4,67	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	4	
43.	9.6	4	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4,00	
44.	10.1	5	
45.	10.2	4	
46.	10.3	4	
47.	10.4	3	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	3,50	
48.	11.1	4	

49.	11.2	4	
50.	11.3	3	
51.	11.4	3	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	3,80	
52.	12.1	4	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	
56.	12.5	3	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4,22	
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,20	
57.	13.1	5	
58.	13.2	4	
59.	13.3	4	
60.	13.4	4	
61.	13.5	4	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	4,20	
62.	14.1	5	
63.	14.2	4	
64.	14.3	4	
65.	14.4	4	
66.	14.5	4	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	4,60	
67.	15.1	5	
68.	15.2	4	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	4	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	4,25	
72.	16.1	5	
73.	16.2	4	

74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,00	
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4,50	
80.	18.1	5	
81.	18.2	4	
82.	18.3	4	
83.	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	3,75	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	3	
87.	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	4,00	
88.	20.1	4	
89.	20.2	4	
90.	20.3	4	
91.	20.4	4	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,50	
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3,90	
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	4,00	
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	4	
99.	22.4	4	

IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	3,83	
100.	23.1	5	
101.	23.2	3	
102.	23.3	4	
103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	3	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	3,75	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	3	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,00	
110.	25.1	4	
111.	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 3 điểm (Tiêu chí 10.4, 11.3, 11.4, 12.5, 19.3, 23.2, 23.6, 24.4);
- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm (Tiêu chí 1.1, 1.3, 2.2, 3.1, 3.2, 3.3, 4.1, 4.2, 5.1, 5.2, 7.1, 7.2, 7.3, 9.1, 9.2, 9.3, 9.4, 10.1, 13.1, 14.1, 15.1, 15.3, 15.4, 16.1, 18.1, 21.1, 21.2, 23.1);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 103/111 (92,79%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 20/25 (80%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

PHỤ LỤC III

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Số: 135/QĐ-TTKĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Bạc Liêu

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 5365/BGDĐT-QLCL ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp lại tổ chức và thực hiện hoạt động KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 613/DHBL ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Bạc Liêu về việc đồng ý danh sách dự kiến đoàn Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Bạc Liêu gồm khảo sát sơ bộ 01 ngày và khảo sát chính thức 05 ngày trong khoảng thời gian từ ngày 05/9/2023 đến ngày 05/11/2023.

Điều 2. Thành lập Đoàn Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và cử các thành viên theo danh sách đính kèm.

Điều 3. Đoàn Đánh giá ngoài nêu tại Điều 2 có nhiệm vụ tổ chức đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại địa điểm và thời gian nêu tại Điều 1.



Đoàn Đánh giá ngoài hoạt động theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Đoàn Đánh giá ngoài sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông/Bà Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng có liên quan của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu và các thành viên có tên trong danh sách ở Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC


Lê Ngọc Quỳnh Lam

AN
G
Đ
LU
D
*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CƠ SỞ GIÁO DỤC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU**

(Kèm theo Quyết định số 135/QĐ-TTKĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM)

1. Danh sách Đoàn Đánh giá ngoài

STT	Họ và tên	Chức vụ/Nơi công tác	Số thẻ/chứng chỉ KĐV	Nhiệm vụ trong Đoàn
1	PGS.TS. Trần Thị Hồng	Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	2014.02.075	Trưởng đoàn
2	ThS. Hoàng Thọ Phú	Trưởng phòng, Phòng Đảm bảo chất lượng, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM	2017.01.307	Thư ký, Thành viên
3	PGS.TS. Ngô Đại Nghiep	Trưởng phòng, Phòng Quan hệ đối ngoại, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM	2017.01.297	Thành viên
4	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Chủ tịch Hội đồng trường, Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	2016.01.170	Thành viên
5	TS. Nguyễn Huy Phúc	Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM	KDV- VNU1191	Thành viên
6	PGS.TS. Dương Thị Kim Oanh	Phó Viện trưởng, Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	2017.01.303	Thành viên

Danh sách Đoàn Đánh giá ngoài gồm có 06 người.

2. Danh sách Giám sát

Họ và tên	Chức vụ/Nơi công tác	Nhiệm vụ trong Đoàn
PGS.TS. Lê Ngọc Quỳnh Lam	Giám đốc, Trung tâm KĐCLGD, ĐHQG-HCM	Giám sát

Danh sách Giám sát gồm có 01 người

3. Danh sách tổ thư ký

Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Nhiệm vụ trong Đoàn
Nguyễn Bảo Vân	Chuyên viên, Trung tâm KĐCLGD, ĐHQG-HCM	Thư ký chuyên môn

Danh sách tổ thư ký gồm có 01 người



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 149 /QĐ-TTKĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên Đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục
tại Trường Đại học Bạc Liêu

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 5365/BGDĐT-QLCL ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp lại tổ chức và thực hiện hoạt động KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc bổ nhiệm Phó giáo sư Tiến sĩ Lê Ngọc Quỳnh Lam giữ chức Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TTKĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định về việc Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử TS. Nguyễn Duy Mộng Hà – Nguyên Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (Số thẻ/Chứng chỉ KĐV: 2014.1.019) làm thành viên Đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Bạc Liêu thay TS. Nguyễn Huy Phúc – Trưởng phòng, Phòng Khảo



Thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Công Nghiệp TP.HCM (Số thẻ/Chứng chỉ KĐV: KĐV-VNU1191).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan, Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu, và các thành viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

h



GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Quỳnh Lam
Lê Ngọc Quỳnh Lam



PHỤ LỤC IV
LỊCH TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH KHẢO SÁT SƠ BỘ

Thời gian: ngày 21/9/2023 (01 ngày)

Thành phần: Trưởng đoàn và Thư ký đoàn

Địa điểm: Trường ĐH Bạc Liêu

CS1: 178 Võ Thị Sáu, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

CS2: Số 112, đường Lê Duẩn, Phường 1, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Lịch làm việc:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
Ngày 21/9/2023 (Thứ Tư)			
8:00 - 8:30	- Họp quán triệt nhiệm vụ, cách thức và kế hoạch làm việc - Kiểm tra sơ bộ các tài liệu, hồ sơ minh chứng	Đoàn ĐGN	Phòng Hợp giao ban
8:30 - 10:00	- Khảo sát các cơ sở vật chất của Trường: + Cơ sở vật chất phục vụ đợt KSCT: Phòng làm việc của Đoàn, Phòng khai mạc, bế mạc, Phòng phỏng vấn, điều kiện làm việc của đoàn (wifi,...) + Các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm phục vụ đào tạo + Các khu giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, hội trường, nhà xe, căn tin, khu thể	Đoàn ĐGN	Dẫn đoàn: Trường ĐH Bạc Liêu

	dục thể thao, sinh hoạt CLB đội nhóm,... + Thư viện		
10:00 – 11:00	- Đoàn ĐGN làm việc nội bộ - Nghiên cứu hồ sơ, MC	Đoàn ĐGN	Phòng Hợp giao ban
11:00 – 12:00	Đoàn ĐGN và Trường họp, trao đổi: - Kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG. - Kế hoạch khảo sát chính thức - Thảo luận thống nhất những vấn đề đơn vị cần chuẩn bị: • Tài liệu, minh chứng cần bổ sung; • Số lượng, thành phần các đối tượng phỏng vấn; • Đối tượng cần quan sát, kiểm tra; • Công tác hậu cần cho Đoàn. - Ký Biên bản đợt khảo sát sơ bộ	Đoàn ĐGN, Lãnh đạo Trường, đại diện các đơn vị	Phòng Hợp giao ban
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 16:00	- Đoàn ĐGN làm việc nội bộ - Nghiên cứu hồ sơ, MC	Đoàn ĐGN	Phòng Hợp giao ban

CHƯƠNG TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC

Thời gian: ngày 10 – 14/10/2023 (5 ngày)

Thành phần: Đoàn ĐGN

Địa điểm: Trường ĐH Bạc Liêu

CS1: 178 Võ Thị Sáu, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

CS2: Số 112, đường Lê Duẩn, Phường 1, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Lịch làm việc:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
Ngày làm việc thứ nhất: Thứ Ba, ngày 10/10/2023			
8:00 - 8:30	- Họp quán triệt nhiệm vụ, cách thức và kế hoạch làm việc	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
8:30 - 9:30	Lễ khai mạc	Đoàn ĐGN CSGD	Hội trường TT.Thông tin – Thư viện
9:45 - 11:30	1. Dự giờ lớp học (<i>Trường cung cấp Thời khóa biểu Học kỳ 1 Năm học 2023-2024</i>) 2. Khảo sát và trao đổi các đơn vị: (Các đơn vị KSSB đoàn chưa khảo sát) - Khoa – Bộ môn: Khoa Sư phạm (CS2), Khoa Kinh tế (CS2), Khoa Nông nghiệp, Khoa CNTT, Bộ môn Giáo dục thể chất, Bộ môn Lý	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của các đơn vị

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
	luận chính trị. - Phòng chức năng: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CTCT-QLSV, Phòng QLKH-HTQT, Phòng Thanh tra – Pháp chế, Tổ Đảm bảo chất lượng. - Trung tâm: Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ.		
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 16:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng	Đoàn ĐGN	<i>Dẫn đoàn: Tổ ĐBCLGD</i>
16:00 - 17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ Lãnh đạo, nhân sự và NH tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
Ngày làm việc thứ hai: Thứ Tư, ngày 11/10/2023			
8:00 – 9:00	Phỏng vấn đại diện Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội	Toàn đoàn	Phòng họp số 1

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
	đồng Khoa học và đào tạo, Đoàn thể		
9:15 – 10:15	Phòng vấn lãnh đạo các phòng chức năng, Trung tâm	Đoàn ĐGN	Phòng họp số 1
	Phòng vấn lãnh đạo 06 Khoa/Bộ môn	Đoàn ĐGN	Phòng họp số 2
	Phòng vấn Giảng viên 06 Khoa/Bộ môn	Đoàn ĐGN	Hội trường TT. Thông tin – Thư viện
10:30 – 11:30	Phòng vấn Nhà sử dụng lao động 06 Khoa/Bộ môn	Đoàn ĐGN	Hội trường TT. Thông tin – Thư viện
	Phòng vấn Cựu người học 06 Khoa/Bộ môn	Đoàn ĐGN	Phòng họp Số 1
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 13:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
13:30 - 14:30	Phòng vấn Người học 06 Khoa/Bộ môn	Đoàn ĐGN	Phòng họp Số 2
	Phòng vấn đội ngũ hỗ trợ các phòng chức năng, Trung tâm, trợ lý khoa/bộ môn; phòng thực hành thí nghiệm	Đoàn ĐGN	Phòng họp Số 1

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
14:45 - 17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ Lãnh đạo, nhân sự và NH tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
Ngày làm việc thứ ba: Thứ Năm, ngày 12/10/2023			
08:00 - 11:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng Đoàn làm việc với một số phòng, ban, khoa (trực tiếp/trực tuyến).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 17:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng Đoàn làm việc với một số phòng, ban, khoa (trực tiếp/trực tuyến).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
Ngày làm việc thứ tư: Thứ Sáu, ngày 13/10/2023			
8:00 - 09:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng Đoàn làm việc với một số phòng, ban, khoa (trực tiếp/trực tuyến).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
09:30 - 11:30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện	Địa điểm
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 15:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
15:00 - 16:30	Trao đổi với Lãnh đạo Trường	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
16:30 - 17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ Đoàn làm việc với một số phòng, ban, khoa (trực tiếp/trực tuyến) Lãnh đạo, nhân sự và NH tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
Ngày làm việc thứ năm: Thứ Bảy, ngày 14/10/2023			
08:00 - 11:30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ Đoàn làm việc với một số phòng, ban, khoa (trực tiếp/trực tuyến) Lãnh đạo, nhân sự và NH tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).	Đoàn ĐGN	Phòng họp giao ban
11:30 - 13:00	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:00 - 15:00	Lễ Bế mạc	Đoàn ĐGN CSGD	Hội trường TT. Thông tin – Thư viện

PHỤ LỤC V
CÔNG VĂN PHẢN HỒI CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC VỀ DỰ THẢO BÁO
CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

UBND TỈNH BẠC LIÊU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Số: 826/ĐHBL
V/v phản hồi về dự thảo báo cáo
đánh giá ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM;
- Đoàn Đánh giá ngoài Trường Đại học Bạc Liêu.

Căn cứ trên công văn số 479/TTKĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM (Trung tâm) về việc gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn Đánh giá ngoài cho Trường Đại học Bạc Liêu (Trường).

Trường Đại học Bạc Liêu hoàn toàn đồng ý đối với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài.

Trường xin phản hồi để Trung tâm, Đoàn Đánh giá ngoài biết và triển khai bước tiếp của quy trình đánh giá ngoài.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VT, Tổ ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Đàn